

BÁO CÁO NGÀNH NHỰA

Tháng 8/2019

GIẢI QUYẾT BÀI TOÁN NGUYÊN LIỆU, DUY TRÌ ĐÀ TĂNG TRƯỞNG

“... Trong bối cảnh ngành nhựa thế giới đã bước vào giai đoạn bão hòa, tốc độ tăng trưởng ngành nhựa Việt Nam cũng sẽ chậm lại trong giai đoạn 2019 – 2023. Ngành nhựa Việt Nam là một ngành phụ thuộc lớn vào nguyên liệu nhập khẩu tuy nhiên năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa của ngành sẽ được cải thiện rõ rệt và kỳ vọng đến năm 2021 có thể đáp ứng được 40% nhu cầu trong nước. Trong ngắn hạn, ngành nhựa Việt Nam được kỳ vọng sẽ hưởng lợi từ xu hướng giảm của giá các loại nguyên liệu nhựa nguyên sinh và hiệp định thương mại tự do EVFTA. Trong trung và dài hạn, xu hướng sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường sẽ là xu hướng tất yếu của ngành nhựa thế giới và cả ngành nhựa Việt Nam...”

Tạ Việt Phương

Chuyên viên Phân tích

Email: phuongtv@fpts.com.vn

Điện thoại: (8424) – 3773 7070

Ext: 4304

TIÊU ĐIỂM

NGÀNH NHỰA THẾ GIỚI

Ngành nhựa thế giới hiện nay đã bước vào giai đoạn bão hòa với việc tốc độ tăng trưởng sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm dần xuống xung quanh 4% từ năm 2013 – 2017. Chỉ số chất dẻo tiêu thụ bình quân đầu người của các khu vực như NAFTA, EU hay Nhật Bản đều đã ở mức cao hơn trung bình từ 200 – 300% so với mức trung bình của thế giới là 45kg/người/năm với tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 3%/năm.

Cơ cấu sản xuất nguyên liệu nhựa toàn cầu đang có xu hướng chuyển dịch sang châu Á và đặc biệt là Trung Quốc. Nguyên nhân là do ngành nhựa tại 2 khu vực là châu Âu và Bắc Mỹ đã bước vào giai đoạn bão hòa với tỉ lệ tiêu thụ nhựa bình quân đầu người đã ở mức cao. Trong khi đó châu Á là khu vực có tỉ lệ tiêu thụ nhựa bình quân đầu người còn thấp và có tốc độ tăng trưởng nhu cầu nguyên liệu nhựa ở mức cao.

Châu Á và Trung Quốc được kỳ vọng sẽ là các khu vực có mức tăng trưởng nhanh về nhu cầu các sản phẩm nhựa trong tương lai. Tiềm năng tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm nhựa của khu vực châu Á là rất lớn khi tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước trong khu vực đang ở mức cao và cơ cấu kinh tế cũng đang chuyển dịch sang các ngành công nghiệp sử dụng nhiều sản phẩm nhựa như công nghiệp ô tô và điện – điện tử.

Xu hướng chuyển dịch sang các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường. Yếu tố thân thiện với môi trường đang dần trở thành một tiêu chí thiết yếu trong xu hướng tiêu dùng các sản phẩm của các thị trường phát triển. Vì vậy nên chuyển đổi sản xuất sang các sản phẩm nhựa có khả năng phân hủy tốt là xu hướng tất yếu của ngành nhựa thế giới.

NGÀNH NHỰA VIỆT NAM

Nguyên liệu nhựa nguyên sinh của Việt Nam vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nguyên liệu nhập khẩu. Trong giai đoạn 2018 – 2021, các dự án hóa dầu đã và sắp đi vào hoạt động sẽ giúp cải thiện rõ rệt năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa nguyên sinh của Việt Nam. Tuy nhiên với quy mô và tốc độ tăng trưởng của hạ nguồn của ngành nhựa hiện nay, cung nguyên liệu nhựa vẫn chưa đủ đáp ứng cầu trong nước.

Tăng trưởng ngành Nhựa được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức trung bình ở mức 6,5% giai đoạn 2019 – 2023. Hai mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị ngành nhựa Việt Nam là mảng nhựa bao bì và nhựa xây dựng vẫn được kỳ vọng sẽ là động lực tăng trưởng chính của ngành.

Giá nguyên liệu nhựa duy trì xu hướng giảm trong ngắn hạn và ổn định hơn trong trung hạn. Trong ngắn hạn giá các loại nguyên liệu nguyên sinh như PE, PP, PVC đều đang có xu hướng giảm trong so với cùng kỳ. Trong trung hạn, giá các loại nguyên liệu nhựa nguyên sinh được kỳ vọng sẽ ổn định hơn do cung cầu nguyên liệu nhựa trên thị trường thế giới dần tiến đến giai đoạn cân bằng.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH

- **Trong ngắn hạn (dưới 12 tháng) – KHẢ QUAN:** Chúng tôi đưa ra khuyến nghị khả quan cho ngành nhựa Việt Nam trong ngắn hạn do (1) tăng trưởng của ngành năm 2019 dự báo ở mức 7,2%; (2) năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa trong nước được cải thiện giúp giảm phụ thuộc vào nhập khẩu; (3) giá các loại nguyên liệu nhựa đang có xu hướng giảm trong ngắn hạn giúp các doanh nghiệp trong ngành có khả năng cải thiện biên lợi nhuận gộp; (4) hiệp định EVFTA đi vào hiệu lực trong nửa cuối năm 2019 kỳ vọng sẽ giúp các doanh nghiệp ngành nhựa mở rộng thị trường xuất khẩu EU
- **Trong trung và dài hạn (từ 2 – 5 năm và trên 5 năm) – THEO DÕI:** Trong trung và dài hạn, chúng tôi đưa ra khuyến nghị theo dõi cho ngành nhựa Việt Nam do (1) trong trung và dài hạn giá các loại nguyên liệu hóa thạch là dầu thô và khí thiên nhiên biến động rất khó dự đoán ảnh hưởng đến giá các loại nguyên liệu nhựa (2) xu hướng hạn chế sử dụng các loại bao bì không thân thiện với môi trường sẽ khiến các doanh nghiệp ngành nhựa phải thay đổi công nghệ sản xuất để hướng đến các sản phẩm thân thiện với môi trường hơn nếu không sẽ bị đào thải.

MỤC LỤC

A. TỔNG QUAN NGÀNH NHỰA THẾ GIỚI	4
I. Lịch sử hình thành và đặc điểm của ngành nhựa thế giới	4
1. Giới thiệu chung về chất dẻo và nhựa.....	4
2. Lịch sử ngành nhựa thế giới qua các giai đoạn chính	5
II. Vòng đời ngành nhựa.....	6
III. Chuỗi giá trị ngành Nhựa thế giới.....	7
1. Tổng quan về chuỗi giá trị ngành nhựa thế giới	7
2. Phân tích chuỗi giá trị của ngành nhựa thế giới	10
IV. Cung cầu ngành nhựa thế giới.....	14
1. Cung cầu các loại nguyên liệu nhựa trên thế giới	14
2. Động lực tăng trưởng đầu ra ngành nhựa thế giới.....	17
3. Đánh giá triển vọng và xu hướng của ngành nhựa thế giới.....	21
B. NGÀNH NHỰA VIỆT NAM	23
I. Tổng quan ngành nhựa	23
1. Sơ lược về ngành nhựa Việt Nam	23
2. Lịch sử hình thành ngành nhựa Việt Nam.....	23
II. Vòng đời ngành nhựa Việt Nam	24
III. Chuỗi giá trị ngành nhựa Việt Nam.....	26
1. Sơ lược chuỗi giá trị ngành nhựa Việt Nam	26
2. Đặc điểm chuỗi giá trị ngành nhựa Việt Nam	26
IV. Cung cầu ngành nhựa Việt Nam	38
1. Cung cầu nguyên liệu nhựa	38
2. Cung cầu sản phẩm nhựa.....	41
V. Môi trường kinh doanh	42
VI. Mức độ cạnh tranh trong ngành	43
C. TRIỂN VỌNG NGÀNH NHỰA VIỆT NAM	45
I. Phân tích SWOT.....	45
II. Triển vọng ngành nhựa Việt Nam.....	46
III. Khuyến nghị đầu tư vào ngành.....	48
1. Khuyến nghị đầu tư.....	48
2. Rủi ro đầu tư ngành nhựa Việt Nam	48
D. CẬP NHẬT CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH NHỰA VIỆT NAM	49
E. PHỤ LỤC	62

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

PE	PolyEthylene
HDPE	High Density PolyEthylene
LDPE	Low Density PolyEthylene
LLDPE	Linear Low Density PolyEthylene
PP	PolyPropylene
PVC	Poly VinylClorua
PET	PolyEthylene Terephthalate
NAFTA	Khu vực thương mại tự do Bắc Mỹ
EU	Liên minh Châu Âu
GCC	Cộng đồng các quốc gia vùng vịnh
CIS	Cộng đồng các quốc gia độc lập
VPA	Hiệp hội nhựa Việt Nam
CAGR	Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (Compound Annual Growth Rate)

A. TỔNG QUAN NGÀNH NHỰA THẾ GIỚI

I. Lịch sử hình thành và đặc điểm của ngành nhựa thế giới

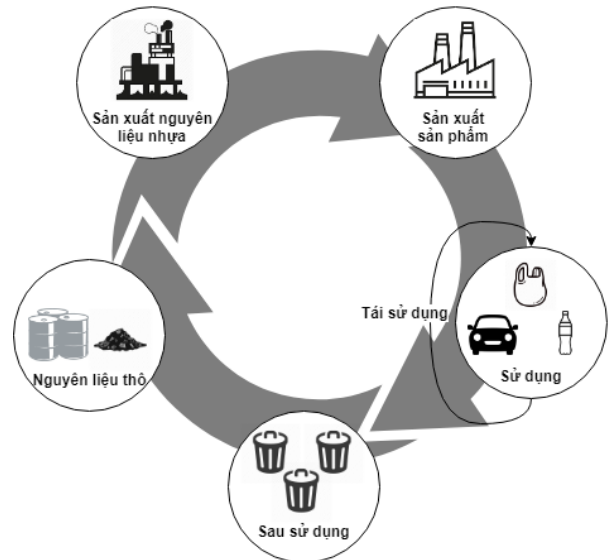
1. Giới thiệu chung về chất dẻo và nhựa

Vật liệu dẻo là các hợp chất hữu cơ có khả năng biến đổi hình dạng dưới sự tác dụng của nhiệt hoặc áp suất và vẫn giữ nguyên được sự biến dạng đó khi kết thúc quá trình. Vật liệu dẻo có đặc tính bền, nhẹ, khó vỡ và màu sắc đa dạng.

Vật liệu dẻo được chia làm 2 nhóm lớn là Nhựa (Plastic) và Vật liệu đàn hồi (Elastomers – Cao su, silicon, ...) và trong phạm vi của báo cáo chúng tôi sẽ tập trung vào nhóm vật liệu nhựa.

Vật liệu nhựa không chỉ là một loại nguyên liệu đồng nhất mà bao gồm rất nhiều loại với các tính chất khác nhau và tính ứng dụng riêng. Vật liệu nhựa là các hợp chất hữu cơ có nguồn gốc từ nguyên liệu hóa thạch như dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá hoặc có nguồn gốc từ nguyên liệu sinh học mà điển hình là tinh bột ngô, khoai, sắn, ...

Vật liệu nhựa có nguồn gốc từ nguyên liệu hóa thạch hay từ nguyên liệu sinh học thì đều có khả năng tái chế để hoàn thành một vòng tuần hoàn của sản phẩm nhựa. Hiện nay chủ yếu nguyên liệu nhựa được sử dụng trên thế giới có nguồn gốc từ nguyên liệu hóa thạch.



Vật liệu nhựa so sánh với các loại nguyên liệu khác

So với các loại nguyên liệu truyền thống như kim loại, gỗ, thủy tinh, da, ... vật liệu nhựa có một số tính chất ưu việt hơn như sau:

Khả năng chống ăn mòn, chống thấm: so với các loại nguyên liệu truyền thống như kim loại hay gỗ thì khả năng chống bị ăn mòn do tác động của oxy hóa hay khả năng chống thấm nước của vật liệu nhựa là tốt hơn.

Dễ tạo hình và sản xuất: với nhiệt độ nóng chảy thấp hơn kim loại hay thủy tinh, vật liệu nhựa giúp công việc tạo hình và chế tác sản phẩm trở nên dễ dàng hơn cũng như tiết giảm được chi phí sản xuất.

Khả năng tái sinh và tính đa dạng lớn: ngoài khả năng tái sinh tốt, nguyên liệu nhựa còn có tính đa dạng hơn so với các loại nguyên vật liệu truyền thống.

Phân loại vật liệu nhựa

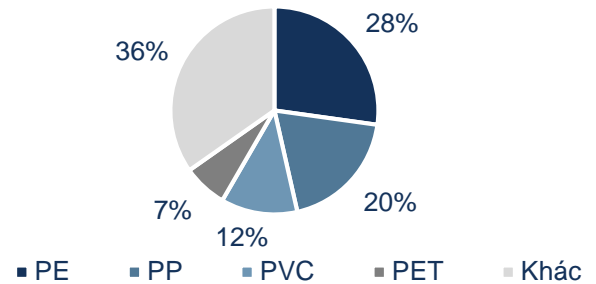
Nhựa nhiệt dẻo: là loại vật liệu nhựa khi nung nóng đến nhiệt độ nóng chảy sẽ bị biến đổi về hình dạng vật lý và giữ lại hình dạng đó khi giảm nhiệt độ. Quá trình này có thể áp dụng nhiều lần khiến cho nhựa nhiệt dẻo là loại vật liệu có khả năng tái sinh rất cao. Một số loại nhựa nhiệt dẻo phổ biến là PolyEthylene (PE) và các dẫn xuất (HDPE, LDPE và LLDPE), PolyPropylene (PP), PolyStyren (PS), PolyVinyl Clorua (PVC), ...

Nhựa nhiệt rắn: là loại vật liệu nhựa khi nung nóng đến nhiệt độ nhất định sẽ biến đổi cả về hình dạng vật lý lẫn tính chất hóa học tạo ra cấu trúc không gian ba chiều và không thể nóng chảy lại được nữa. Do đó nhựa nhiệt rắn không có khả năng tái sinh. Một số loại nhựa nhiệt rắn phổ biến là Epoxy, Vinyl Este, Melamine, PolyUrethane, ...

Nhựa nhiệt dẻo có đặc tính linh hoạt, khả năng tái sinh tốt và chi phí sản xuất rẻ hơn tương đối so với nhựa nhiệt rắn và các loại vật liệu dẻo khác. Nhựa nhiệt dẻo chiếm khoảng 75% trong cơ cấu tiêu thụ chất dẻo toàn cầu.

Các loại nhựa nhiệt dẻo được sử dụng nhiều nhất là PE, PP, PVC và PET. Trong cơ cấu tiêu thụ vật liệu nhựa toàn cầu năm 2017, PE (với các dẫn xuất HDPE, LDPE, LLDPE) và PP chiếm tỉ trọng cao nhất với lần lượt 28% và 20%. Đứng thứ 3 trong cơ cấu tiêu thụ là PVC với 12%.

Cơ cấu tiêu thụ nguyên liệu nhựa toàn cầu 2017



Nguồn: Bloomberg, FPTS Tổng hợp

2. Lịch sử ngành nhựa thế giới qua các giai đoạn chính

Những năm 1870 – 1900

Trong quá trình tìm kiếm nguyên liệu thay thế cho ngà voi, John Hyatt, một nhà hóa học người Mỹ, đã phát triển Parkesin – hợp chất nhựa đầu tiên thành một hợp chất ổn định và mang tính ứng dụng cao hơn với tên gọi là “celluloid”. Celluloid ngay sau đó đã trở thành vật liệu được ưa chuộng do giá thành rẻ và dễ gia công, ứng dụng rất rộng rãi trong các ngành công nghiệp sản xuất đồ chơi và đồ dùng cá nhân.

Những năm 1900 – 1930

Trong giai đoạn từ 1920 – 1930, một loại nguyên liệu nhựa quan trọng được đưa vào sản xuất công nghiệp, đó chính là PolyVinyl Clorua (PVC). Lịch sử của PVC bắt đầu từ rất sớm khi ngay từ năm 1872, người ta đã tìm ra cách tổng hợp PVC từ nguyên liệu chính là Vinyl Clorua. Tuy nhiên tính ứng dụng của PVC tại thời điểm đó còn rất hạn chế do tính kém ổn định, độ cứng cao và khó gia công. Mãi đến năm 1926, sau khi tiến sĩ Waldo Semon phát minh ra phương pháp dẻo hóa, PVC mới bắt đầu được đưa vào sản xuất công nghiệp.

Những năm 1930 – 1990

Giai đoạn đầu những năm 1930 là giai đoạn bản lề cho sự phát triển của ngành công nghiệp nhựa hiện đại khi các nhà sản xuất đã tìm ra phương pháp để sản xuất nguyên liệu nhựa từ dầu mỏ với quy mô công nghiệp. Giai đoạn 1950 – 1960, sau khi chiến tranh thế giới thứ 2 kết thúc, các nhà sản xuất nhựa bắt đầu tìm kiếm một thị trường mới để bán sản phẩm của mình khi nhu cầu từ chiến tranh không còn. Thị trường mới mà các nhà sản xuất hướng tới trong giai đoạn này là thị trường tiêu dùng. Các nguyên liệu nhựa trước kia dùng phục vụ chủ yếu cho chiến tranh dần biến thành những sản phẩm tiêu dùng hàng ngày.

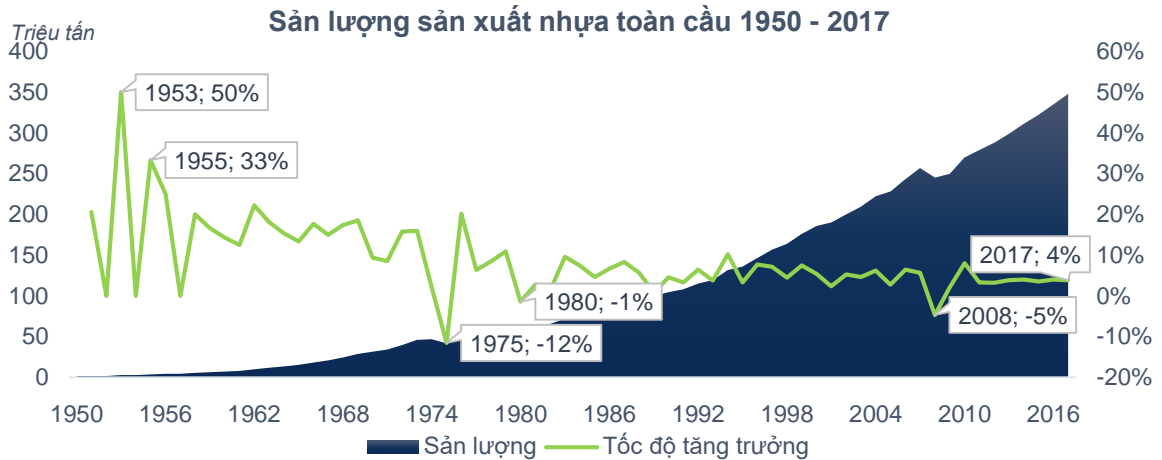
Trong những năm 60, sản lượng nhựa sản xuất toàn thế giới tăng trưởng 400%. Trong suốt những năm chiến tranh, người dân đã phải sống cùng với tiêu chí tiết kiệm tài nguyên và hạn chế tiêu dùng lãng phí. Tuy nhiên đến giai đoạn cuối những năm 1960, sự bùng nổ của ngành công nghiệp nhựa đã làm thay đổi thói quen tiêu dùng của người dân. Các yếu tố như chi phí rẻ, sản xuất hàng loạt và dùng một lần khiến cho người dân tiêu thụ ngày một nhiều các sản phẩm nhựa nhất là các sản phẩm nhựa bao bì và đóng gói.

Trong những năm 1970 - 1990, vật liệu nhựa ngày càng trở nên phổ biến hơn trong các ngành sản xuất ô tô, các thiết bị điện tử viễn thông nhờ đặc tính bền, nhẹ, chịu lực tốt và cách điện tốt.

Những năm 1990 - nay

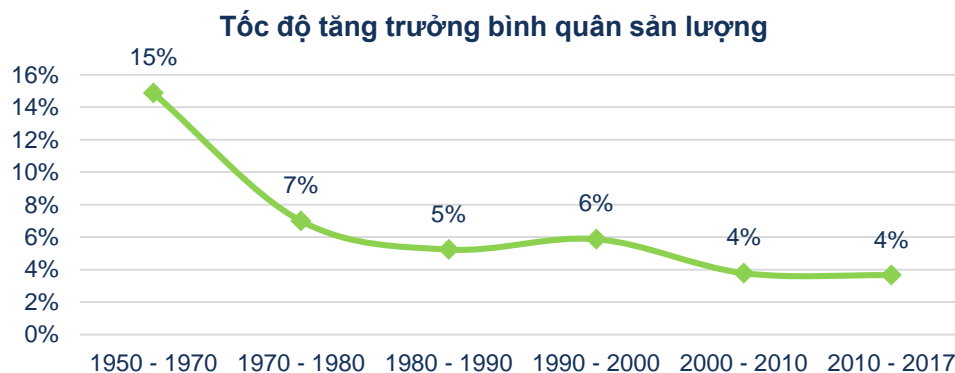
Ngành công nghiệp nhựa hiện nay tuy đang tăng trưởng chậm lại và có dấu hiệu bão hòa tuy nhiên các công nghệ mới vẫn không ngừng được phát minh giúp đưa vật liệu nhựa trở thành vật liệu của tương lai điển hình như công nghệ in 3D hay công nghệ Nano.

II. Vòng đời ngành nhựa



Nguồn: Plastic Europe, Science Advances, FPTS Tổng hợp

Sản lượng nhựa sản xuất toàn cầu năm 1950 là 1,7 triệu tấn, đến năm 2017 sản lượng nhựa đã tăng lên đến 348 triệu tấn, tương đương với CAGR = 8,3% một năm. Những năm 1950 – 1960, ngành nhựa bắt đầu hình thành và phát triển ở hai khu vực chính là Mỹ và Châu Âu. Trong suốt gần 70 năm phát triển, những giai đoạn mà ngành nhựa ghi nhận mức tăng trưởng âm đều có nguyên nhân chủ yếu đến từ các cuộc khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng dầu mỏ toàn cầu.



Nguồn: Plastic Europe, Science Advances, FPTS Tổng hợp

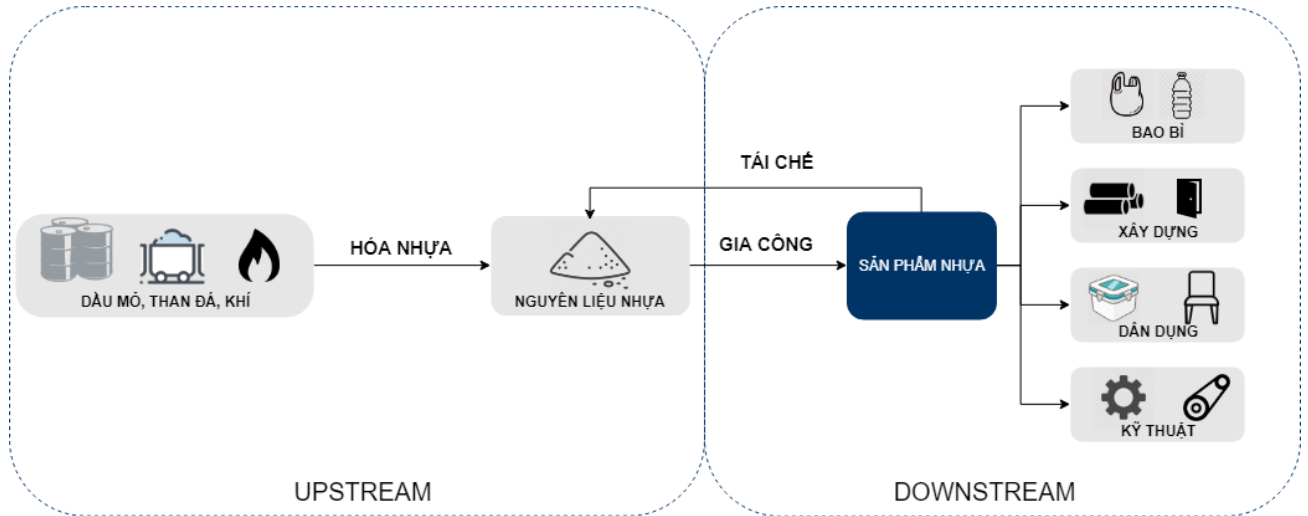
Ngành nhựa thế giới đã trải qua 3 giai đoạn trong vòng đời phát triển của mình từ đầu những năm 1950 sau khi thay đổi định hướng sản xuất. Giai đoạn 1950 -1970 là giai đoạn phát triển nhanh của ngành nhựa thế giới, khi các sản phẩm tiêu dùng từ nhựa đã tạo ra một xu hướng tiêu dùng mới trong giai đoạn phục hồi của kinh tế sau chiến tranh thế giới thứ 2. Ngành nhựa thế giới trong giai đoạn này tăng trưởng nhanh với mức CAGR = 15% trong suốt 20 năm từ 1950 đến 1970. Sau khi chịu tác động bởi cú sốc giá dầu năm 1973, ngành nhựa thế giới đã chịu ảnh hưởng đáng kể với tốc độ tăng trưởng chậm lại đáng kể với CAGR chỉ còn 7% trong giai đoạn từ năm 1970 – 1980.

Ngành nhựa thế giới hiện nay đã bước vào giai đoạn bão hòa với việc tốc độ tăng trưởng sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm dần xuống xung quanh 4% từ năm 2000 – 2017. Chỉ số chất dẻo tiêu thụ bình quân đầu người của các khu vực như NAFTA, EU hay Nhật Bản đều đã ở mức cao hơn trung bình từ 200 – 300% so với mức trung bình của thế giới. Trong những năm tới tốc độ tăng trưởng của ngành nhựa thế giới được dự báo sẽ ở mức 3 – 4% với động lực tăng trưởng là các khu vực có mức tiêu thụ nhựa bình quân đầu người tăng trưởng nhanh như Trung Quốc và Đông Nam Á.

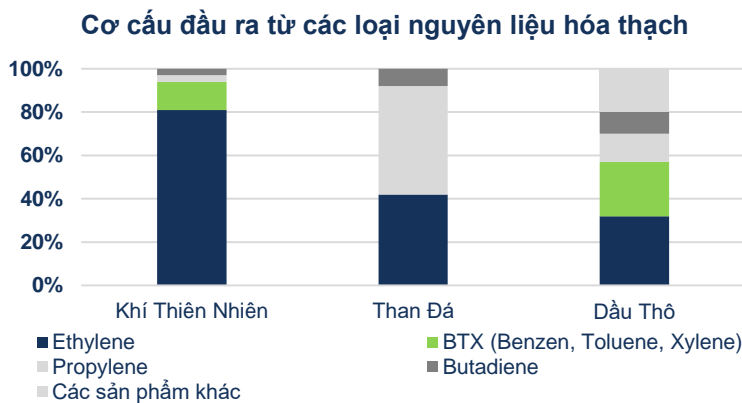
III. Chuỗi giá trị ngành Nhựa thế giới

1. Tổng quan về chuỗi giá trị ngành nhựa thế giới

Chuỗi giá trị của ngành nhựa từ nguyên liệu hóa thạch đến các sản phẩm nhựa cuối cùng bao gồm hai phân khúc là thượng nguồn (upstream) và hạ nguồn (downstream).

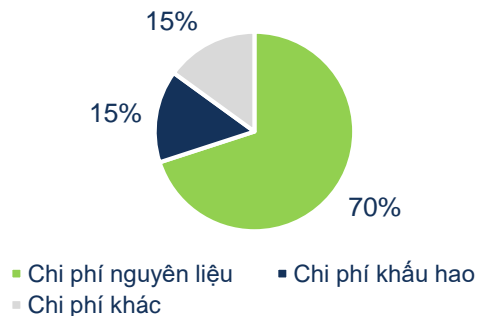


1.1. Chuỗi giá trị của phân khúc thượng nguồn:



Nguồn: Macquarie Bank Research

Cơ cấu chi phí sản xuất ngành hóa dầu



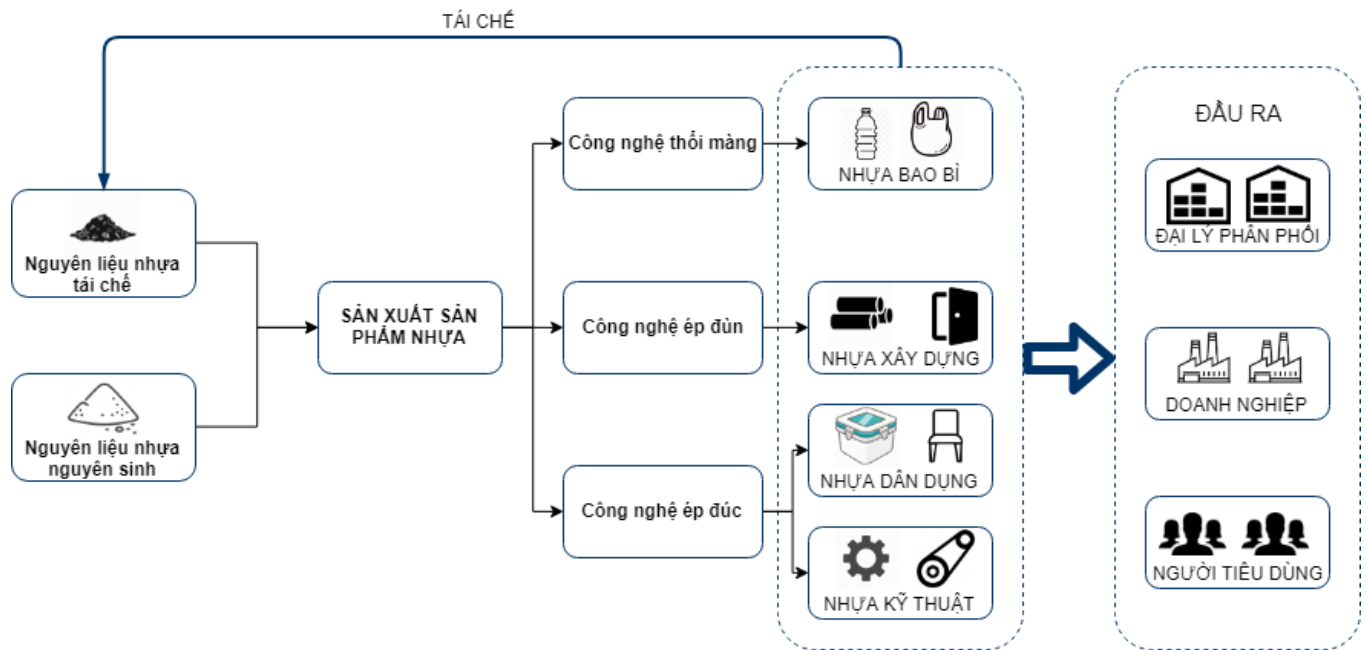
Nguồn: KPMG

Dầu thô là nguyên liệu cho cơ cấu sản phẩm đầu ra đa dạng nhất trong khi khí thiên nhiên là nguyên liệu có lợi thế khi sản xuất PE. Mỗi loại nguyên liệu đầu vào sẽ cho ra một cơ cấu thành phần đầu ra khác nhau. Sản phẩm từ khí thiên nhiên khoảng 80% là Ethylene dẫn xuất trực tiếp để điều chế PolyEthylene vì vậy các khu vực sản xuất PE từ khí thiên nhiên thường có lợi thế về chi phí sản xuất.

Giá nguyên liệu nhựa đầu ra sẽ phụ thuộc vào cung cầu của thị trường thế giới và chi phí sản xuất. Trong thị trường nguyên liệu nhựa toàn cầu có rất nhiều nhà cung cấp và thị trường tiêu thụ cũng là thị trường thế giới nên giá các loại nguyên liệu nhựa đầu ra sẽ phụ thuộc vào cung cầu của thị trường. Bên cạnh đó, do chi phí nguyên liệu đầu vào chiếm đến 70% chi phí sản xuất nguyên liệu nhựa nên biến động của các loại nguyên liệu hóa thạch như dầu thô, khí thiên nhiên hay than đá cũng sẽ gây ảnh hưởng đến giá các loại nguyên liệu nhựa.

1.2. Chuỗi giá trị của phân khúc hạ nguồn:

Phân khúc hạ nguồn của ngành nhựa là quá trình nguyên liệu nhựa được các nhà sản xuất sử dụng để tạo thành các sản phẩm nhựa. Chuỗi giá trị phân khúc hạ nguồn của ngành nhựa có thể được mô tả qua sơ đồ sau:



Phân khúc hạ nguồn của ngành nhựa sử dụng nguyên liệu đầu vào là các loại hạt nhựa, qua quá trình biến đổi vật lý và định hình cho nguyên liệu tạo ra các sản phẩm nhựa. Phân khúc hạ nguồn của ngành nhựa chia ra làm 4 mảng chính tương ứng với 4 loại sản phẩm đầu ra là mảng nhựa bao bì, mảng nhựa xây dựng, mảng nhựa dân dụng và mảng nhựa kỹ thuật. Mỗi mảng nhỏ của phân khúc hạ nguồn lại có các đặc điểm đầu vào và đầu ra khác nhau.

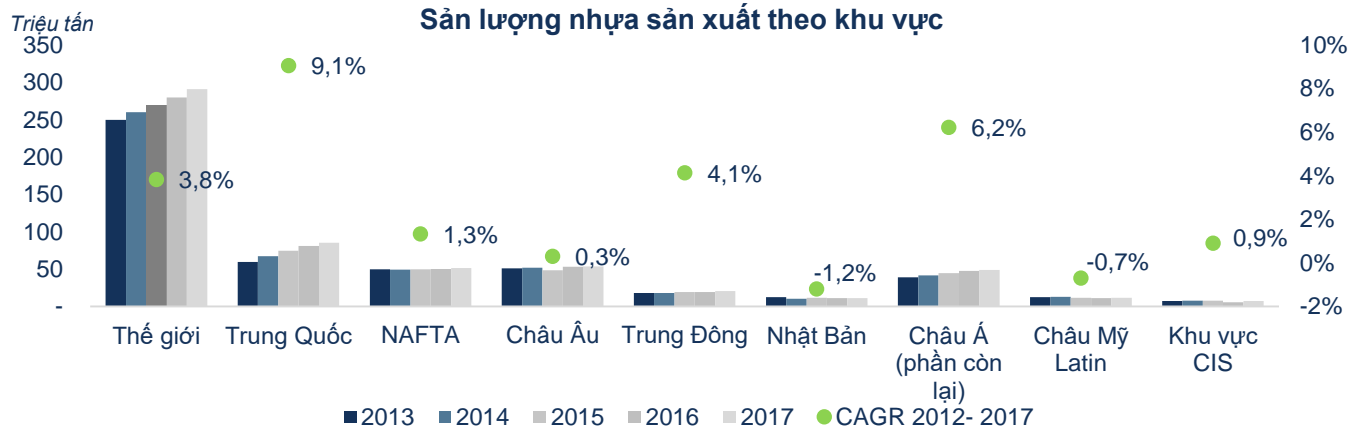
Đặc điểm chính của từng mảng:

Mảng	Nguyên liệu nhựa	Công nghệ sản xuất	Sản phẩm	Đầu ra
Nhựa bao bì	PE (HDPE, LDPE), PP và PET	Thổi (Extrusion blow molding)	Bao bì màng mỏng, túi ni lông, chai nhựa PET	Doanh nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống và các hệ thống bán lẻ, siêu thị.
Nhựa xây dựng	PVC, PE (HDPE)	Ép đùn (Extrusion molding)	Ống nhựa, tấm trần và tường nhựa	Người tiêu dùng
Nhựa dân dụng	PP, PS, ABS	Ép đúc (Injection molding)	Các sản phẩm đồ gia dụng	Người tiêu dùng
Nhựa kỹ thuật	PVC, PP, PU	Ép đúc (Injection molding)	Các loại linh phụ kiện	Các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, thiết bị điện, điện tử.

Nguồn: FPTs tổng hợp

1.3. Các khu vực có ảnh hưởng lớn đến ngành nhựa thế giới

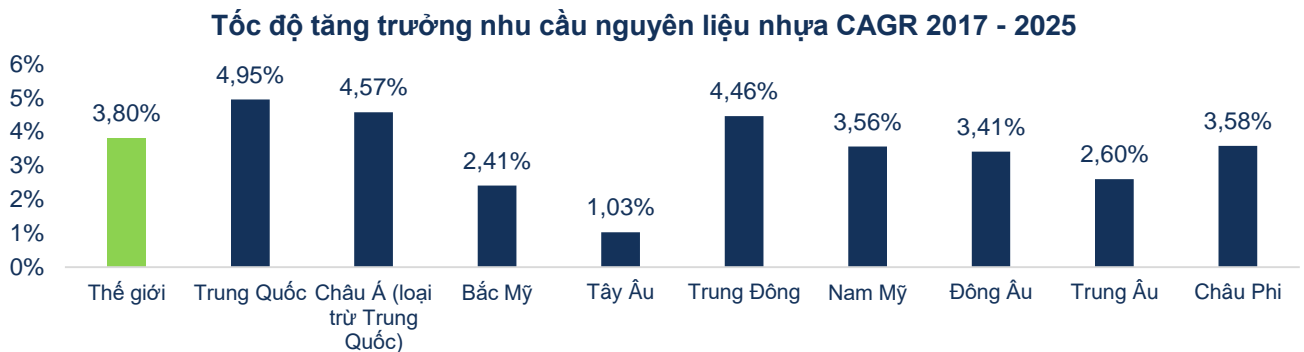
1.3.1. Các khu vực sản xuất nguyên liệu nhựa lớn nhất trên thế giới



Nguồn: Plastic Europe, FPTTS Tổng hợp

NAFTA, châu Âu và Trung Quốc là các khu vực có sản lượng sản xuất nguyên liệu nhựa lớn nhất trên thế giới. Bắc Mỹ và châu Âu là những khu vực phát triển đầu tiên của ngành nhựa thế giới từ những năm 1950. Lợi thế về nguồn nguyên liệu đầu vào như khí thiên nhiên đối với khu vực Bắc Mỹ hoặc dầu thô như đối với khu vực châu Âu hay than đá với khu vực Trung Quốc, khiến cho ngành công nghiệp hóa dầu ở những khu vực này cực kỳ phát triển và đóng vai trò rất quan trọng trong chuỗi giá trị của ngành nhựa thế giới. Trong giai đoạn 2012 - 2017, sản lượng nguyên liệu nhựa sản xuất của khu vực châu Á liên tục tăng trưởng trong khi sản lượng của khu vực NAFTA và châu Âu đã bước vào giai đoạn bão hòa.

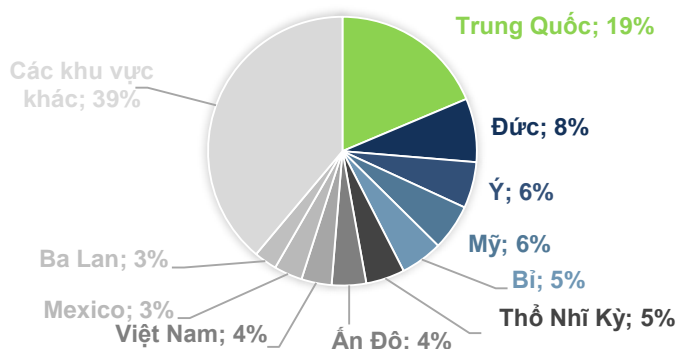
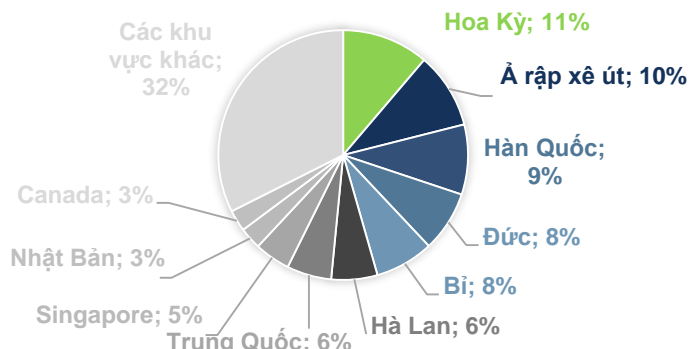
1.3.2. Các khu vực tiêu thụ nguyên liệu nhựa lớn nhất trên thế giới



Nguồn: Nexant

Nhu cầu nguyên liệu nhựa của thế giới được dự báo sẽ tăng trưởng chậm. Theo dự báo của Nexant, nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu nhựa toàn thế giới chỉ tăng trưởng bình quân 3,8% một năm giai đoạn 2017 – 2025. Nguyên nhân do ngành nhựa thế giới đã ở trong giai đoạn bão hòa khi sản lượng nhựa sản xuất toàn cầu chỉ tăng trưởng với tốc độ trung bình ở mức 4% trong vòng 20 năm qua.

Trung Quốc và Châu Á là động lực tăng trưởng chính của ngành nhựa thế giới. Tốc độ tăng trưởng nhu cầu nguyên liệu nhựa của Trung Quốc và phần còn lại của châu Á được dự báo lần lượt ở mức 4,95% và 4,57% cao hơn so với mức trung bình của thế giới. Nguyên nhân do, Châu Á là các khu vực có tăng trưởng kinh tế ở mức cao và mức tiêu thụ nguyên liệu nhựa bình quân đầu người vẫn còn thấp so với trung bình thế giới. Bên cạnh đó, Trung Đông cũng là một khu vực có mức tăng trưởng nhu cầu nguyên liệu nhựa cao với tốc độ tăng trưởng dự báo ở mức 4,46% giai đoạn 2017 – 2025.

1.3.3. Xuất nhập khẩu nguyên liệu nhựa trên thế giới
CƠ CẤU NHẬP KHẨU NGUYÊN LIỆU NHỰA THEO QUỐC GIA 2017

CƠ CẤU XUẤT KHẨU NGUYÊN LIỆU NHỰA THEO QUỐC GIA 2017


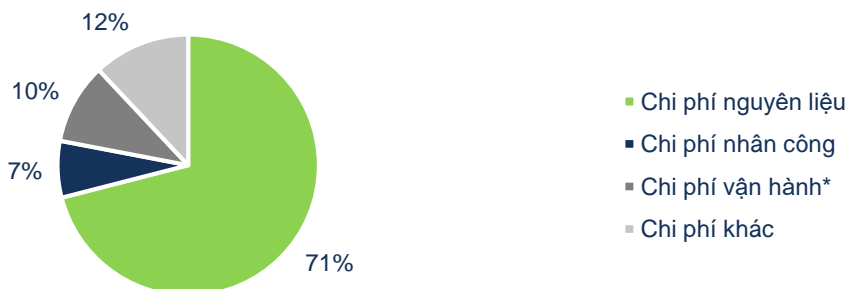
Nguồn: UNComtrade, FPTs Tổng hợp dựa trên HS code 3901 – 3911

Trung Quốc là nước sản xuất nguyên liệu nhựa lớn nhất thế giới nhưng cũng đứng đầu thế giới về nhập khẩu nguyên liệu nhựa. Nguyên nhân của việc này là do Trung Quốc là khu vực có khối lượng nguyên liệu nhựa tiêu thụ lớn nhất thế giới. Theo EuroMap ước tính, lượng nguyên liệu nhựa sản xuất của Trung Quốc đáp ứng được 80% nhu cầu nguyên liệu của ngành sản xuất trong nước còn 20% nhu cầu còn lại phải phụ thuộc vào nhập khẩu.

Mỹ và Ả rập xê út là các quốc gia xuất khẩu nguyên liệu nhựa lớn nhờ lợi thế về chi phí sản xuất. Mỹ và Ả rập xê út là hai quốc gia có trữ lượng cũng như sản lượng khí thiên nhiên khai thác hàng năm lớn nhất thế giới. Theo thống kê từ BP, trữ lượng khí thiên nhiên tại Mỹ và Ả rập xê út là 8,7 và 8,6 nghìn tỉ mét khối chiếm khoảng 8% trữ lượng khí thiên nhiên toàn cầu. Sản lượng khai thác năm 2017 của Mỹ là 734,5 tỉ mét khối chiếm 20% sản lượng khí thiên nhiên khai thác toàn cầu và Ả rập xê út là 111,4 tỉ mét khối chiếm khoảng 3% sản lượng thế giới. Lợi thế về nguồn khí thiên nhiên khiến cho Mỹ và Ả rập xê út là hai khu vực có lợi thế về sản xuất và xuất khẩu nguyên liệu nhựa trên thị trường thế giới, đặc biệt là PE.

2. Phân tích chuỗi giá trị của ngành nhựa thế giới

Trong phạm vi báo cáo chúng tôi sẽ tập trung phân tích vào **phân khúc hạ nguồn** của ngành nhựa thế giới cũng như ngành nhựa của Việt Nam.

2.1. Đầu vào
2.1.1. Cơ cấu chi phí
Cơ cấu chi phí sản xuất hạ nguồn ngành nhựa


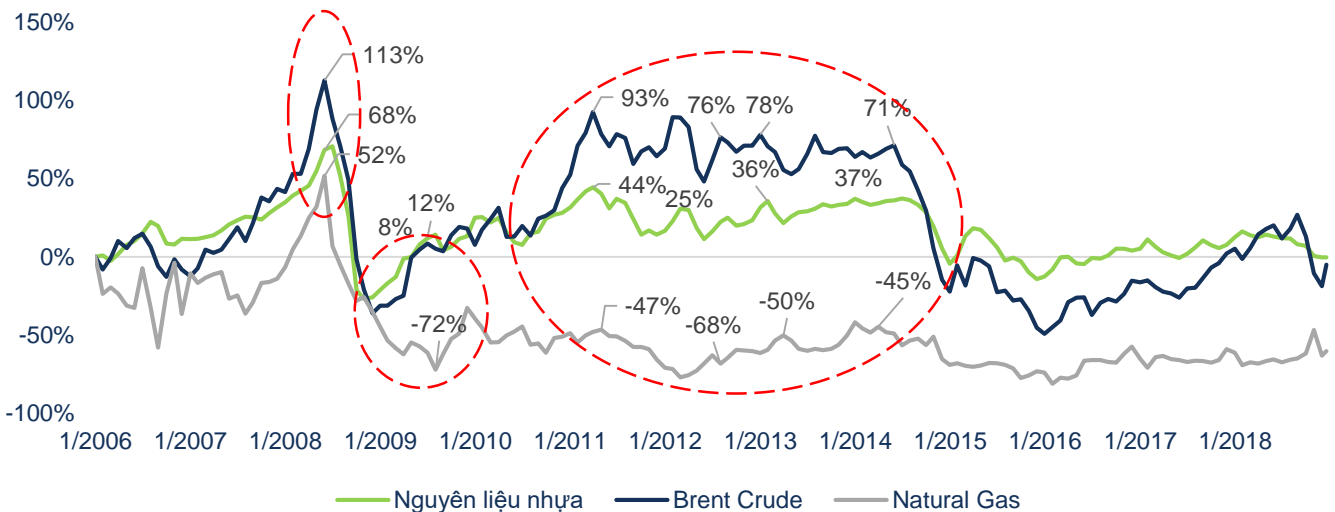
*bao gồm chi phí khấu hao và các dịch vụ mua ngoài như điện, nước.

Nguồn: American Chemistry Council

Biến động giá nguyên liệu nhựa đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nhựa. Các doanh nghiệp hạ nguồn của ngành nhựa chỉ áp dụng quá trình biến đổi vật lý lên các loại nguyên liệu nhựa để tạo thành các sản phẩm nhựa với công nghệ sản xuất tương đối đơn giản, vì vậy nên chi phí nguyên liệu nhựa là chi phí sản xuất chính. Chi phí nguyên liệu nhựa chiếm tỉ trọng trung bình khoảng 71% trong cơ cấu chi phí của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nhựa. Ngoài ra, chi phí nhân công cũng chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong cơ cấu chi phí với 7%, các chi phí vận hành khác như chi phí khấu hao và dịch vụ mua ngoài chiếm khoảng 10%.

2.1.2. Biến động giá dầu và giá khí thiên nhiên ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu đầu vào

Biến động giá nguyên liệu nhựa và nguyên liệu hóa thạch (2006 - 2018)



*nguyên liệu nhựa được tổng hợp dựa trên các loại nguyên liệu HDPE, LDPE, LLDPE, PP và PVC

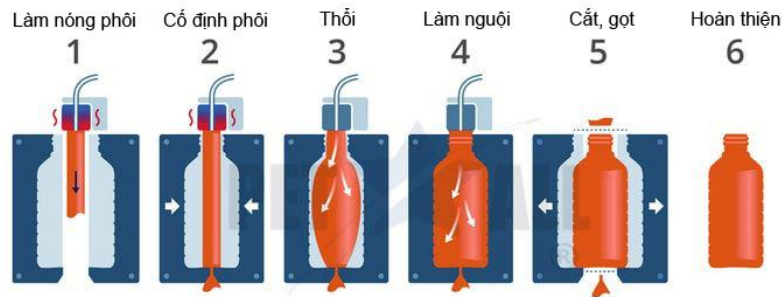
Nguồn: Bloomberg, FPTIS tổng hợp

Giá nguyên liệu nhựa sẽ biến động tương quan thuận chiều với giá dầu và giá khí thiên nhiên. Chi phí nguyên liệu chiếm đến 70% chi phí sản xuất của các doanh nghiệp hóa dầu nên khi giá các loại nguyên liệu hóa thạch tăng sẽ làm tăng chi phí sản xuất dẫn đến việc tăng giá của các loại nguyên liệu nhựa; và ngược lại. Sự tương quan này thể hiện rất rõ trong biểu đồ và được chia ra làm 3 giai đoạn chính:

- **Giai đoạn trước năm 2009: Giá dầu thô Brent, giá khí và giá các loại nguyên liệu nhựa biến động cùng chiều với nhau.** Giai đoạn 2007 – 2008, giá dầu thô và giá khí cùng tăng mạnh kéo theo đó là giá các loại nguyên liệu nhựa cũng tăng. Sau đó là giai đoạn khủng hoảng tài chính, giá dầu và giá khí thiên nhiên đồng loạt giảm mạnh dẫn đến giá các loại nguyên liệu nhựa cũng giảm sâu.
- **Giai đoạn năm 2009 – 2015: Giá khí liên tục giảm sâu, giá nguyên liệu nhựa vẫn tương quan thuận chiều với giá dầu tuy nhiên không mạnh như giai đoạn trước.** Khi giá dầu tăng đến vùng giá cao còn giá khí vẫn duy trì ở vùng giá thấp, các nhà sản xuất nguyên liệu nhựa từ khí thiên nhiên sẽ có lợi thế cạnh tranh so với các nhà sản xuất đi từ dầu mỏ. Điều đó dẫn đến việc sản lượng từ các nhà sản xuất đi từ khí thiên nhiên sẽ tăng mạnh dẫn đến việc giá nguyên liệu nhựa không thể tăng cao theo giá dầu như trong giai đoạn trước.
- **Giai đoạn năm 2015 – nay: Giá dầu và giá khí duy trì ở mức thấp, giá nguyên liệu nhựa được hỗ trợ do nhu cầu thế giới.** Giai đoạn từ nửa cuối năm 2014 đến đầu năm 2015, giá các loại nguyên liệu nhựa trên thị trường thế giới giảm sâu theo đà giảm của giá dầu. Giá dầu duy trì ở mức thấp khiến các nhà sản xuất nguyên liệu nhựa từ dầu có thể cạnh tranh lại với các nhà sản xuất từ khí thiên nhiên giúp ổn định nguồn cung. Giá các loại nguyên liệu nhựa trong giai đoạn này duy trì tương đối ổn định do có sự hỗ trợ khi nhu cầu nguyên liệu nhựa thế giới vẫn giữ được đà tăng trưởng từ 3 – 5%.

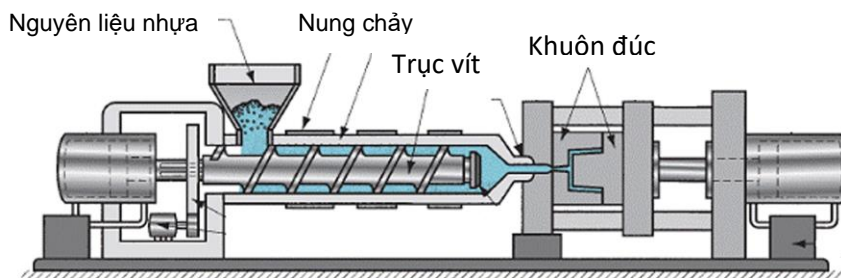
2.2. Sản xuất

Công nghệ thổi (Extrusion Blow Molding)



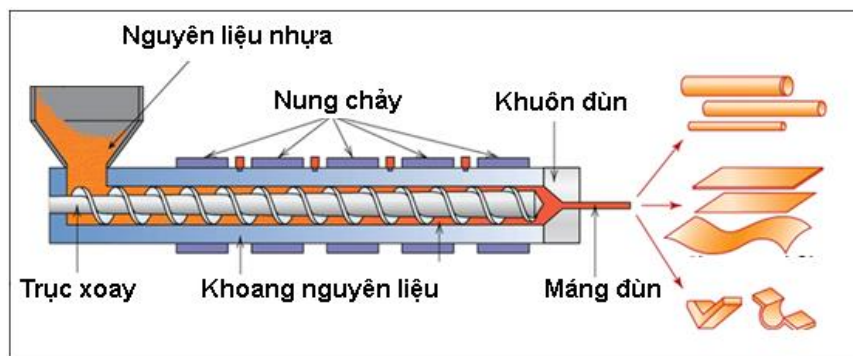
Công nghệ thổi là công nghệ phổ biến được sử dụng để sản xuất các loại túi ni lông, bao bì màng phức, chai lọ nhựa phục vụ cho việc đóng gói sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống hoặc được sử dụng trực tiếp trong hệ thống các nhà bán lẻ, siêu thị.

Công nghệ ép đúc (Injection Molding)

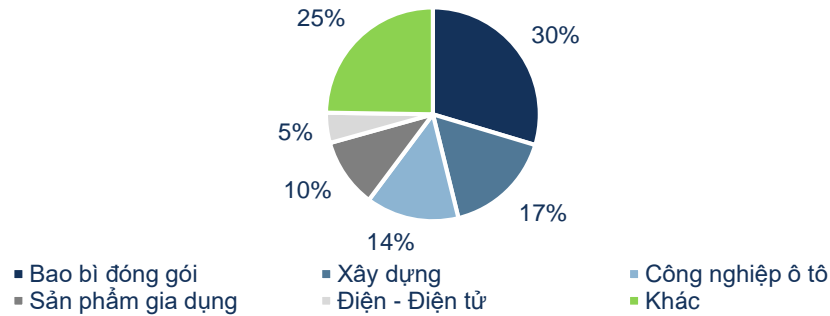


Công nghệ ép đúc là công nghệ được sử dụng phổ biến để sản xuất hầu hết các sản phẩm nhựa theo khuôn mẫu với số lượng lớn. Công nghệ ép đúc được áp dụng chủ yếu để sản xuất các sản phẩm nhựa gia dụng như bình, hộp nhựa, ... và các linh kiện nhựa kỹ thuật phục vụ cho ngành công nghiệp chế tạo và lắp ráp.

Công nghệ ép đùn (Extrusion Molding)

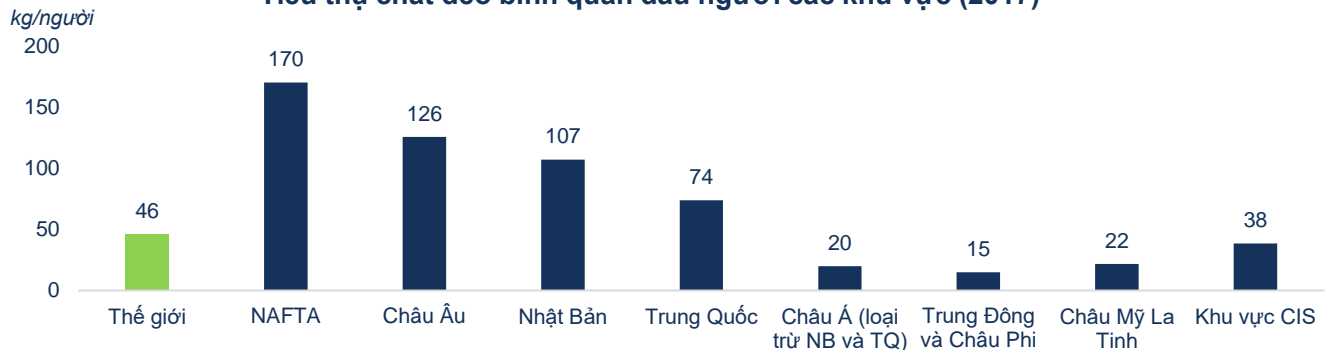


Công nghệ ép đùn được sử dụng để sản xuất các sản phẩm nhựa xây dựng như ống nhựa, thanh profile cửa nhựa hoặc các loại màng nhựa sử dụng trong nông nghiệp. Ngoài các công nghệ phổ biến và được ứng dụng rộng rãi trong ngành nhựa kể trên thì hiện tại công nghệ in 3D cũng là một công nghệ sản xuất các sản phẩm nhựa, linh kiện với độ chính xác cực cao tuy nhiên chưa được áp dụng rộng rãi trong sản xuất đại trà.

2.3. Đầu ra
Cơ cấu sản phẩm nhựa đầu ra (2017)


Nguồn: UN Environment

- **Bao bì đóng gói:** Các sản phẩm nhựa bao bì đóng gói chiếm đến 30% tổng lượng sản phẩm đầu ra của ngành nhựa thế giới năm 2017, tương đương với khoảng 115 triệu tấn. Các sản phẩm nhựa bao bì bao gồm các loại túi ni lông, bao bì màng phức, chai nhựa, ... phục vụ chủ yếu cho các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống và các chuỗi bán lẻ, siêu thị.
- **Xây dựng:** Khối lượng các sản phẩm nhựa xây dựng năm 2017 đạt khoảng 64 triệu tấn, chiếm khoảng 17% trong tổng khối lượng sản phẩm đầu ra của ngành nhựa thế giới. Các sản phẩm nhựa xây dựng bao gồm các loại ống nước, cửa nhựa (thanh profile), tấm sàn, tấm trần, ...
- **Công nghiệp ô tô và điện – điện tử:** Các sản phẩm nhựa kỹ thuật phục vụ cho công nghiệp ô tô và công nghiệp điện tử chiếm lần lượt 17% và 5% trong tổng lượng sản phẩm đầu ra của ngành nhựa.
- **Sản phẩm nhựa gia dụng:** Các sản phẩm nhựa gia dụng bao gồm các loại hộp nhựa, cốc nhựa, các sản phẩm nhà bếp, ...

Tiêu thụ chất dẻo bình quân đầu người các khu vực (2017)


Nguồn: Plastic Europe, World Bank, FPTs tổng hợp

NAFTA và châu Âu là hai khu vực có chỉ số tiêu thụ chất dẻo bình quân đầu người lớn nhất thế giới. Nguyên nhân do NAFTA và châu Âu có nền kinh tế phát triển khiến cho người dân tại hai khu vực này có thu nhập và mức chi tiêu cao, đồng thời thói quen tiêu dùng các sản phẩm nhựa cũng được hình thành sớm hơn vì đây cũng là hai khu vực phát triển đầu tiên của ngành nhựa thế giới

Châu Á và Trung Quốc được kỳ vọng sẽ là các khu vực có mức tăng trưởng nhanh về nhu cầu các sản phẩm nhựa trong tương lai. Châu Á có mức tiêu thụ chất dẻo bình quân đầu người còn thấp so với các khu vực khác và so với trung bình của cả thế giới. Vì thế nên tiềm năng tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm nhựa của khu vực châu Á là rất lớn khi tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước trong khu vực châu Á đang ở mức cao và cơ cấu kinh tế cũng đang chuyển dịch sang các ngành công nghiệp sử dụng nhiều sản phẩm nhựa như công nghiệp ô tô và điện – điện tử.

IV. Cung cầu ngành nhựa thế giới

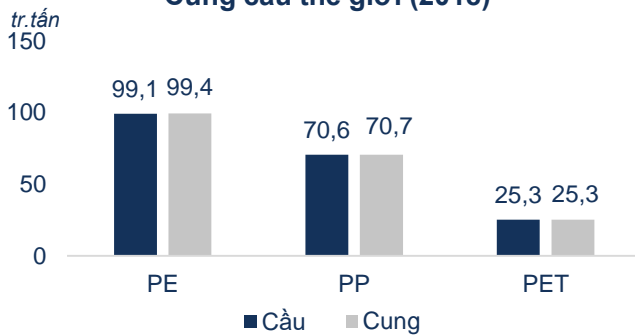
1. Cung cầu các loại nguyên liệu nhựa trên thế giới

Các loại nguyên liệu nhựa trên thị trường thế giới vô cùng phong phú và đa dạng về chủng loại. Tuy nhiên, trong phạm vi báo cáo chúng tôi sẽ tập trung chủ yếu vào bốn loại nguyên liệu nhựa phổ biến nhất đó là PE, PP, PVC và PET.

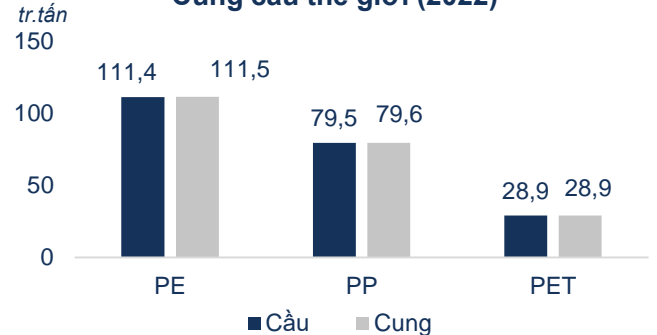
1.1. Cung cầu PE, PP và PET

Nguyên liệu nhựa PE, PP và PET đều được sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực nhựa bao bì và nhựa dân dụng. Đây là hai lĩnh vực có nhu cầu đầu sản phẩm đầu ra khá tương đồng với nhau và cùng phụ thuộc chủ yếu vào quy mô dân số, thu nhập cũng như chi tiêu hộ gia đình của các khu vực. Vì thế, nhu cầu tiêu thụ các loại nguyên liệu nhựa này cũng phụ thuộc vào quy mô dân số, thu nhập và chi tiêu của từng khu vực.

Cung cầu thế giới (2018)



Cung cầu thế giới (2022)

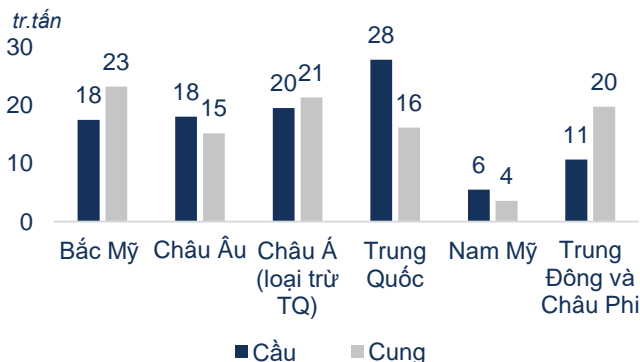


Nguồn: Nexant, Bloomberg, FPTS Tổng hợp

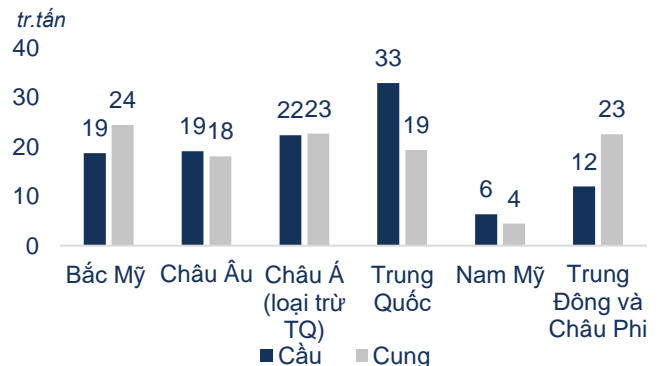
Nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu nhựa được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng. Nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu nhựa thế giới được dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ trung bình 3%/năm giai đoạn 2018 – 2022. Trong đó, PET là nguyên liệu có tốc độ tăng trưởng nhu cầu cao nhất với 3,4% còn nhu cầu PE và PP sẽ tăng trưởng trung bình năm lần lượt là 2,9% và 3%.

Cung cầu nguyên liệu nhựa thế giới được dự báo sẽ duy trì ở mức cân bằng giai đoạn 2018 – 2022. Năm 2018, sản lượng PE tiêu thụ toàn cầu ước đạt 99,1 triệu tấn, chênh lệch chỉ 0,3 triệu tấn so với sản lượng sản xuất. Sản lượng tiêu thụ và sản xuất PP và PET cũng chênh lệch không đáng kể. Theo dự báo từ Nexant Chemical, thị trường nguyên liệu nhựa sẽ tiếp tục duy trì mức cân bằng từ nay đến năm 2022.

Cung cầu PE (2018)



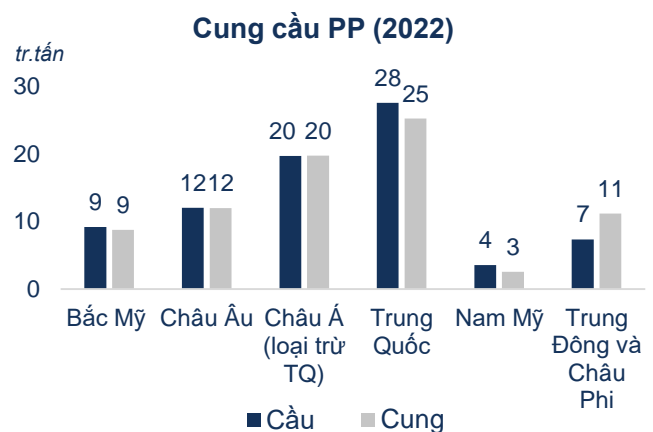
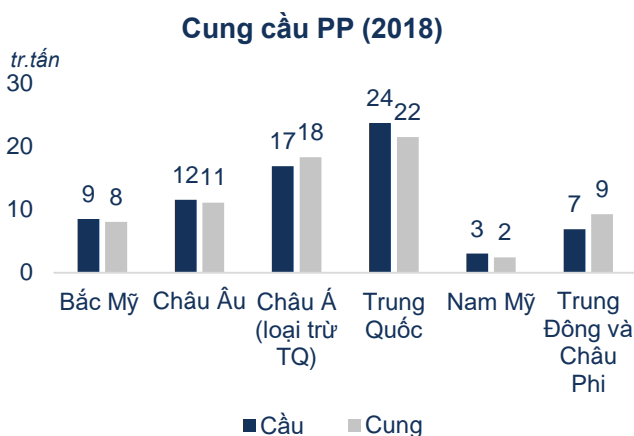
Cung cầu PE (2022)



Nguồn: Nexant, Bloomberg, FPTS Tổng hợp

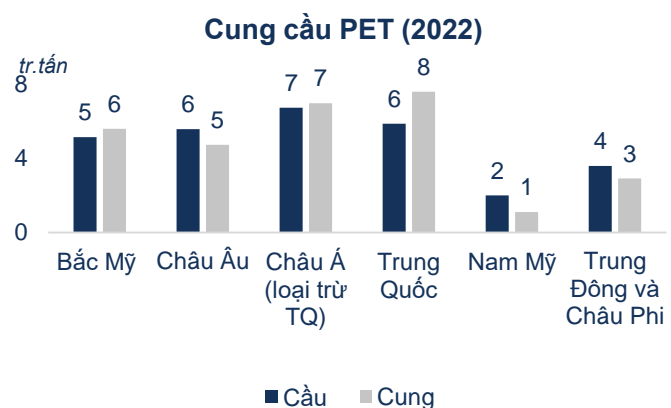
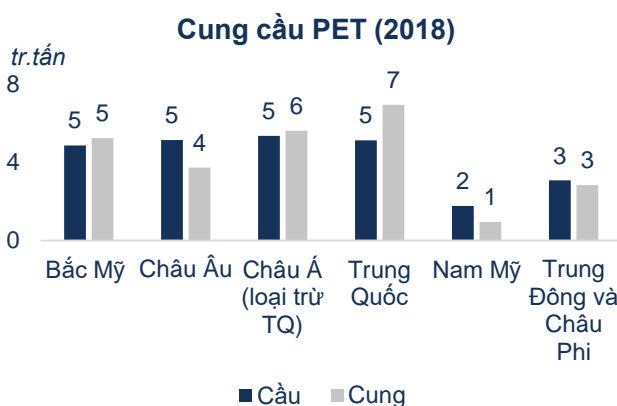
Châu Á và Trung Quốc là hai khu vực có tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ PE lớn nhất thế giới. Nhu cầu tiêu thụ PE của châu Á và đặc biệt là Trung Quốc sẽ tăng trưởng lần lượt khoảng 10% và 17,8% giai đoạn 2018 – 2022. Nguyên nhân do châu Á là khu vực có quy mô dân số lớn nhất trên thế giới, cùng với đó là tăng trưởng kinh tế nhanh hơn các khu vực khác khiến cho nhu cầu chi tiêu của người dân cũng tăng theo dẫn đến gia tăng nhu cầu tiêu thụ PE.

Bắc Mỹ và Trung Đông là hai khu vực cung cấp nguyên liệu PE cho khu vực châu Á. Nhìn vào cung cầu PE tại các khu vực có thể thấy khu vực châu Âu có thể tự đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ PE của mình khi sản lượng PE sản xuất có thể đáp ứng được khoảng 83% nhu cầu năm 2018 và kỳ vọng có thể đáp ứng được 95% nhu cầu năm 2022. Trong khi đó, tại khu vực châu Á – khu vực tiêu thụ PE nhiều nhất thế giới – sản lượng sản xuất PE chỉ đáp ứng được 77% nhu cầu năm 2018. Phần PE thiếu hụt tại khu vực châu Á và Trung Quốc sẽ được cung cấp chủ yếu bởi hai khu vực là Bắc Mỹ và Trung Đông – hai khu vực có lợi thế về chi phí sản xuất PE đi từ khí thiên nhiên.



Nguồn: Nexant, Bloomberg, FPTSS Tổng hợp

Cung cầu PP tại các khu vực tương đối cân bằng và được kỳ vọng sẽ tiếp tục ổn định trong giai đoạn 2018 – 2022. Nguyên liệu nhựa PP được sản xuất chủ yếu từ dầu thô nên chi phí sản xuất giữa các khu vực không có quá nhiều khác biệt nên cung cầu PP tại các khu vực khác tương đối cân bằng. Sản lượng PP sản xuất tại Bắc Mỹ, châu Âu và châu Á đều đáp ứng được từ 88% – 97% nhu cầu tiêu thụ trong khu vực. Theo dự báo của Nexant, cung cầu PP tại các khu vực sẽ tiếp tục duy trì trạng thái cân bằng trong giai đoạn 2018 – 2022 với sản lượng sản xuất PP trong khu vực sẽ đáp ứng được trên 95% nhu cầu tại khu vực.



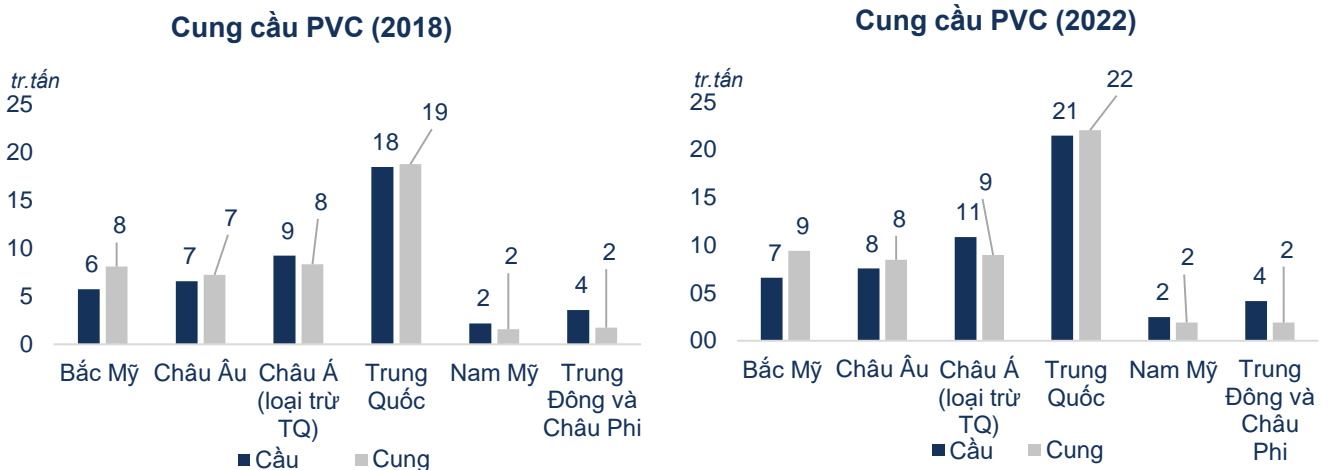
Nguồn: Nexant, Bloomberg, FPTSS Tổng hợp

Nguyên liệu nhựa PET là nguyên liệu nhựa có nhu cầu tiêu thụ tăng trưởng nhanh nhất trong ba loại nguyên liệu. Năm 2018, khu vực châu Á là khu vực có nhu cầu tiêu thụ PET lớn nhất trên thế giới với khoảng 10 triệu tấn/năm gấp đôi các khu vực khác như châu Âu hay Bắc Mỹ. Nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu PET được dự báo sẽ tăng trưởng nhanh trong giai đoạn 2018 – 2022 với tốc độ tăng trưởng của châu Á là 30%, châu Âu là 20% và Trung Đông & châu Phi là 33%.

Châu Á là khu vực cung cấp nguyên liệu nhựa PET cho khu vực châu Âu và Nam Mỹ. Nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu PET của khu vực châu Âu năm 2018 là 5 triệu tấn trong khi sản lượng sản xuất chỉ ở mức 4 triệu tấn, đáp ứng 80% nhu cầu. Sản lượng PET sản xuất tại khu vực Nam Mỹ cũng chỉ đáp ứng được 50% nhu cầu tiêu thụ của khu vực. Phần sản lượng thiếu hụt tại hai khu vực châu Âu và Nam Mỹ được cung cấp bởi châu Á và đặc biệt là Trung Quốc – quốc gia xuất khẩu nguyên liệu PET lớn nhất thế giới nhờ lợi thế về chi phí sản xuất đi từ nguyên liệu than đá (chi phí sản xuất PET từ than đá rẻ hơn khoảng 30% so với đi từ dầu mỏ).

1.2. Cung cầu PVC

Nguyên liệu PVC là một trong những loại nguyên liệu được sản xuất và tiêu thụ nhiều nhất trên thế giới. Tuy nhiên, khác với ba loại nguyên liệu còn lại, PVC được ứng dụng chủ yếu trong lĩnh vực nhựa xây dựng, cả xây dựng dân dụng cũng như xây dựng hạ tầng. Vì vậy nên, nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu PVC sẽ phụ thuộc chủ yếu vào nhu cầu và tăng trưởng xây dựng của từng khu vực.



Nguồn: Nexant, Bloomberg, FPTSS Tổng hợp

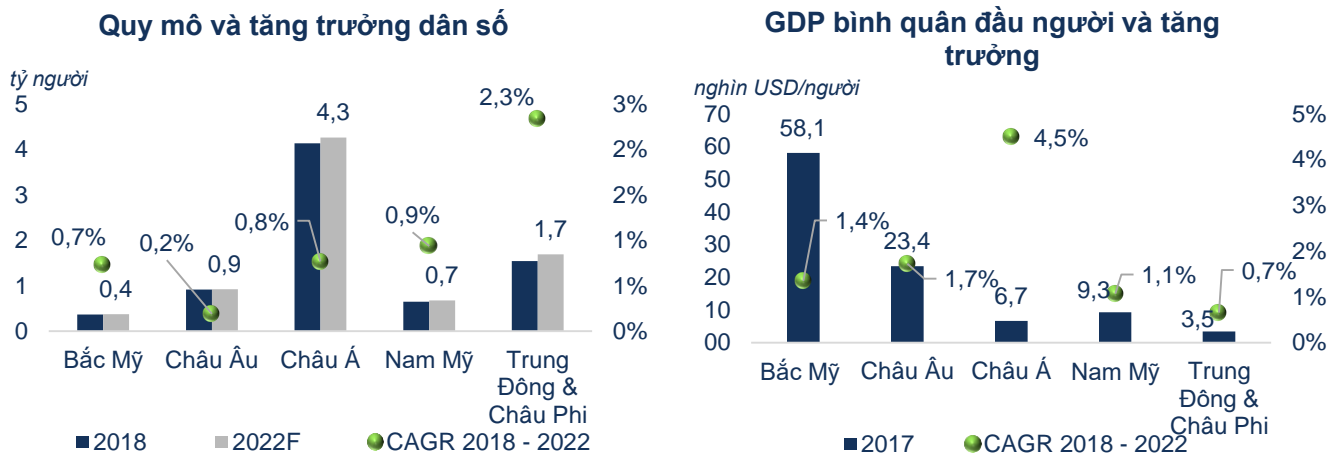
Châu Á là khu vực có nhu cầu tiêu thụ PVC lớn nhất thế giới. Nhu cầu tiêu thụ PVC của khu vực châu Á năm 2018 ước đạt 27 triệu tấn, trong đó đứng đầu là Trung Quốc với 18 triệu tấn tương đương với 66% nhu cầu tiêu thụ toàn khu vực. Không chỉ là khu vực tiêu thụ PVC nhiều nhất thế giới, tăng trưởng nhu cầu của khu vực châu Á cũng đứng đầu thế giới với tăng trưởng giai đoạn 2018 – 2022 ước đạt 18,5% so với Bắc Mỹ (16,7%), châu Âu (14,3%). Châu Á là khu vực có quy mô dân số lớn, tăng trưởng kinh tế ở mức cao cùng với đó là điều kiện cơ sở hạ tầng còn thấp so với các khu vực phát triển như Bắc Mỹ hay châu Âu nên nhu cầu xây dựng cũng như tiềm năng tăng trưởng xây dựng là rất lớn.

Cung cầu PVC tại các khu vực tương đối cân bằng và được kỳ vọng sẽ duy trì trong giai đoạn 2018 – 2022. Nguyên liệu nhựa PVC tại khu vực châu Á sản xuất chủ yếu từ nguyên liệu than đá với chi phí sản xuất rẻ hơn so với đi từ dầu thô và khí thiên nhiên. Tuy nhiên châu Á không phải là khu vực xuất khẩu PVC nhiều do nhu cầu tiêu thụ trong khu vực cũng rất lớn và sản lượng sản xuất chỉ vừa đủ đáp ứng khoảng 98% nhu cầu tiêu thụ. Trong khi đó, khu vực Trung Đông và châu Phi là khu vực thiếu hụt PVC khi sản lượng sản xuất chỉ đáp ứng được 50% nhu cầu tiêu thụ. Sản lượng PVC thiếu hụt tại Trung Đông và châu Phi sẽ được bù đắp từ sản lượng PVC dư thừa của Bắc Mỹ và châu Âu.

2. Động lực tăng trưởng đầu ra ngành nhựa thế giới

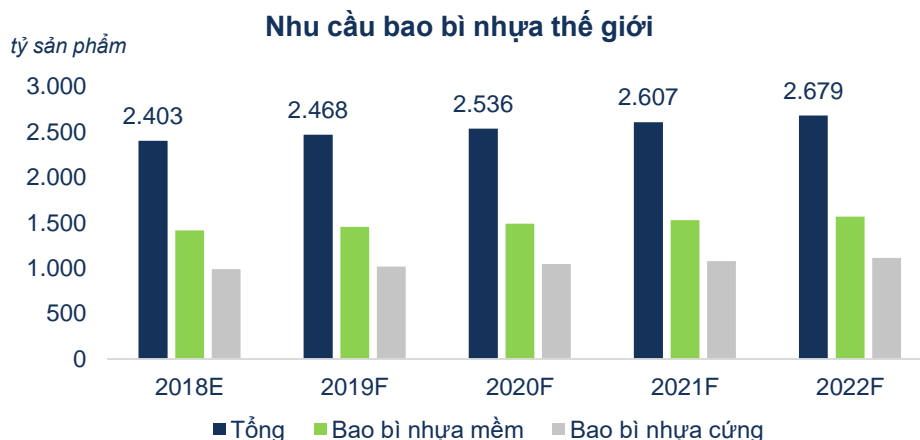
2.1. Màng nhựa bao bì và nhựa dân dụng

Nhu cầu sản phẩm đầu ra của hai mảng nhựa bao bì và nhựa dân dụng đều phụ thuộc vào quy mô dân số, thu nhập và chi tiêu của người dân. Sản phẩm đầu ra của mảng nhựa bao bì là các sản phẩm màng nhựa, chai nhựa sử dụng để đóng gói các sản phẩm của các ngành công nghiệp khác như công nghiệp chế biến đồ uống, thực phẩm; còn sản phẩm đầu ra của mảng nhựa dân dụng là các sản phẩm phục vụ nhu cầu của các hộ gia đình như các sản phẩm nội thất nhựa, dụng cụ nhà bếp, hộp nhựa. Vì vậy nên quy mô dân số tăng trưởng cùng với thu nhập gia tăng sẽ khiến nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm nhựa bao bì và sản phẩm nhựa bao bì và nhựa dân dụng tăng theo.



Nguồn: World Bank, IMF

Động lực tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm nhựa bao bì và nhựa dân dụng chủ yếu đến từ khu vực châu Á. Nguyên nhân do (1) Châu Á là khu vực có dân số lớn nhất thế giới và tốc độ tăng trưởng dân số cao trong các khu vực thế giới với quy mô dân số của khu vực châu Á đạt 4,1 tỷ người năm 2018 và dự báo tăng lên 4,3 tỷ người vào năm 2022. Tốc độ tăng trưởng dân số của khu vực châu Á giai đoạn 2018 – 2022 cũng đạt mức khoảng 0,9% (2) Tăng trưởng GDP đầu người khu vực châu Á được kỳ vọng ở mức 4,5% giai đoạn 2018 – 2022, cao nhất trong các khu vực trên thế giới. Bên cạnh châu Á, châu Âu và Bắc Mỹ cũng là hai khu vực có nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm nhựa lớn do đây là hai khu vực tuy có quy mô dân số nhỏ tuy nhiên thu nhập bình quân đầu người ở mức cao nhất thế giới và thói quen tiêu dùng các sản phẩm nhựa được phát triển sớm từ những năm 1950.

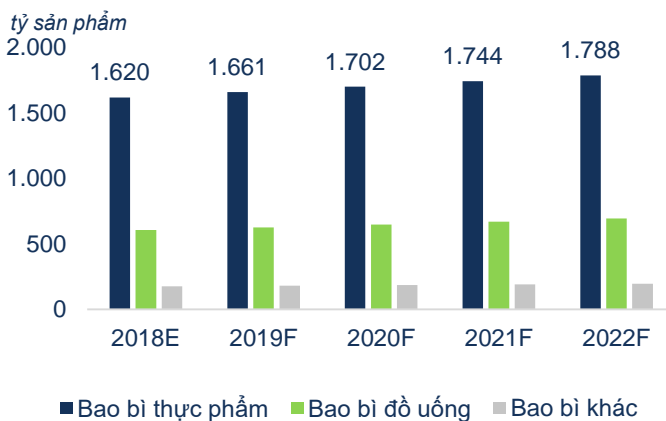


Nguồn: Euromonitor

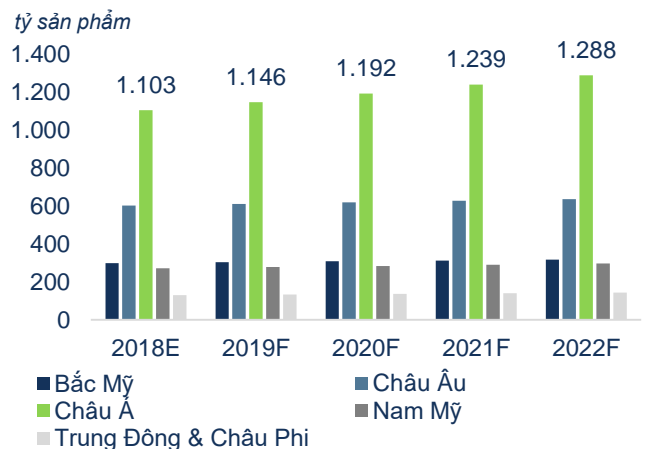
Nhu cầu bao bì nhựa thế giới được dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ trung bình 2,75%/năm giai đoạn 2018 – 2022. Năm 2018, toàn thế giới tiêu thụ khoảng 2.400 tỷ sản phẩm nhựa bao bì thông qua việc tiêu dùng các loại hóa thiết yếu như thực phẩm, đồ uống hoặc các sản phẩm tiêu dùng khác như mỹ phẩm, dược phẩm. Nhu cầu bao bì nhựa năm 2022 được dự báo sẽ ở mức 2.679 tỷ sản phẩm, tương đương với mức CAGR = 2,75% giai đoạn 2018 – 2022. Động lực tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ bao bì nhựa thế giới đến từ (1) tăng trưởng quy mô dân số toàn cầu khoảng 1% giai đoạn 2018 – 2022, (2) tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người và chi tiêu của người dân trung bình thế giới khoảng 2,9% giai đoạn 2018 – 2022.

Bao bì nhựa mềm chiếm tỷ trọng khoảng 59% trong cơ cấu tiêu thụ bao bì nhựa thế giới. Bao bì nhựa mềm là các loại bao bì, túi ni lông được sản xuất từ nguyên liệu nhựa PE, PP bằng công nghệ thổi màng, trong khi bao bì nhựa cứng là các loại chai nhựa, bình nhựa được sản xuất từ nguyên liệu PET bằng công nghệ ép đúc. Nhu cầu bao bì nhựa mềm được kỳ vọng sẽ tăng trưởng 17,1% trong khi bao bì nhựa cứng chỉ tăng trưởng 12,6%. Nguyên nhân do các quốc gia phát triển đang đẩy mạnh việc hạn chế sử dụng chai nhựa PET để giảm thiểu tác động đến môi trường.

Nhu cầu bao bì nhựa theo ứng dụng



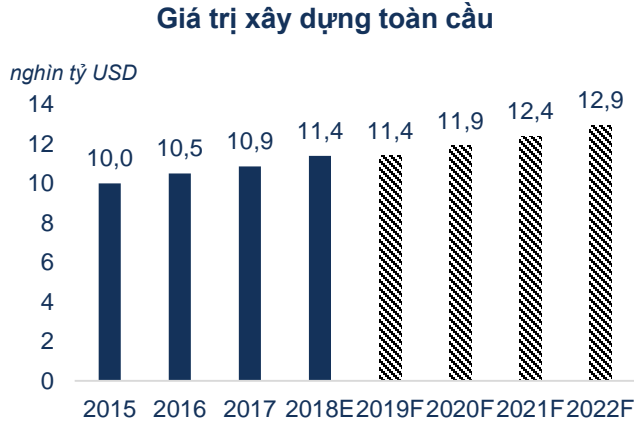
Nhu cầu bao bì nhựa theo khu vực



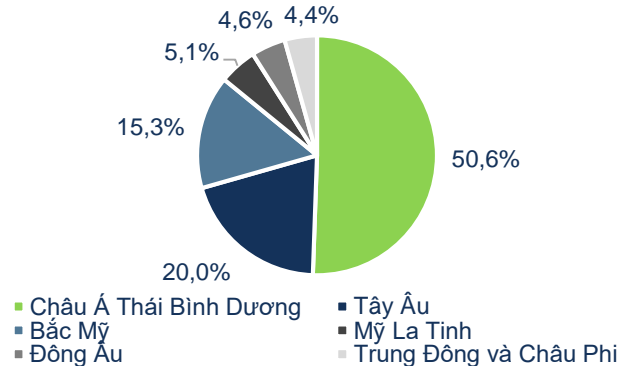
Nguồn: Euromonitor

Bao bì thực phẩm và bao bì đồ uống là hai sản phẩm bao bì có nhu cầu tiêu thụ lớn nhất. Trong số 2.400 tỷ sản phẩm bao bì được tiêu thụ năm 2018, bao bì thực phẩm và bao bì đồ uống chiếm đến 93% trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là bao bì thực phẩm với khoảng 1.620 tỷ sản phẩm, tương đương 67,5%. Nhu cầu tiêu thụ bao bì thực phẩm được dự báo sẽ đạt mức 1.788 tỷ sản phẩm một năm vào năm 2022, tương đương với tăng trưởng CAGR = 2,5% giai đoạn 2018 – 2022. Tốc độ tăng trưởng nhu cầu các sản phẩm bao bì đồ uống cũng tăng trưởng với tốc độ bình quân 3,7% một năm giai đoạn 2018 – 2022.

Nhu cầu tiêu thụ sản phẩm bao bì nhựa tại khu vực châu Á tiếp tục tăng trưởng và là động lực tăng trưởng chính cho mảng nhựa bao bì. Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm bao bì nhựa tại khu vực châu Á năm 2018 ước đạt 1.103 tỷ sản phẩm, tương đương với khoảng 46% tổng nhu cầu toàn thế giới. Nhu cầu tiêu thụ bao bì nhựa của khu vực châu Á dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ trung bình khoảng 4% một năm và đạt mức 1.288 tỷ sản phẩm năm 2022. Trong khi nhu cầu tại khu vực châu Á tiếp tục tăng trưởng, thì nhu cầu tiêu thụ bao bì nhựa tại hai khu vực phát triển là Bắc Mỹ và châu Âu sẽ chững lại trong giai đoạn 2018 – 2022 với tăng trưởng bình quân chỉ khoảng 1,5%. Nguyên nhân do (1) tăng trưởng quy mô dân số và thu nhập bình quân đầu người của hai khu vực này đang chững lại với tăng trưởng trung bình năm lần lượt 0,5% và 1,5% (2018 – 2022), (2) các thị trường phát triển đang hướng đến việc hạn chế sử dụng các loại bao bì nhựa nhằm hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường.

2.2. Màng nhựa xây dựng


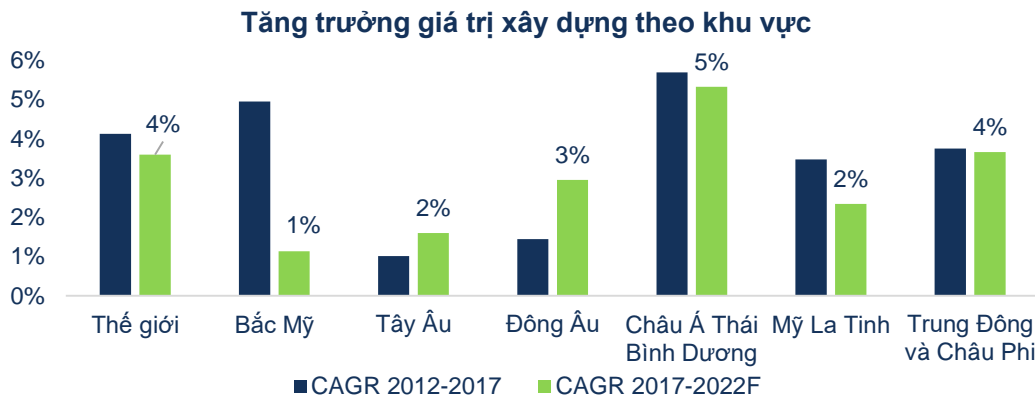
Cơ cấu giá trị xây dựng toàn cầu năm 2017 (ước tính)



Nguồn: IHS Markit, Statista

Tăng trưởng giá trị xây dựng toàn cầu duy trì ở mức 3,3% sẽ là động lực tăng trưởng cho màng nhựa xây dựng. Giá trị xây dựng toàn cầu năm 2018 ước đạt 11,4 nghìn tỷ USD tăng trưởng 3,63% so với năm 2017. Tăng trưởng giá trị xây dựng toàn cầu được kỳ vọng sẽ tăng trưởng với tốc độ trung bình 3,33%/năm giai đoạn 2018 – 2022.

Châu Á là khu vực chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị xây dựng toàn cầu. Năm 2017, giá trị xây dựng của châu Á ước đạt 4.954 tỷ USD chiếm đến hơn 50% tổng giá trị xây dựng toàn cầu. Hai khu vực đứng thứ hai và thứ ba trong cơ cấu giá trị xây dựng toàn cầu năm 2017 lần lượt là Tây Âu và Bắc Mỹ với tỷ trọng lần lượt 20% và 15%.

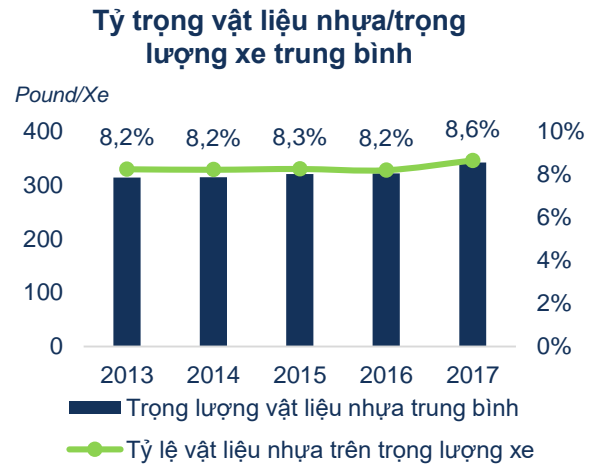
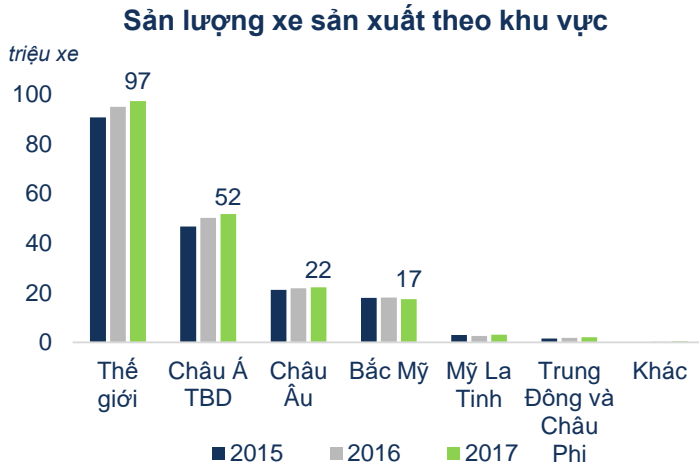


Nguồn: IHS Markit

Châu Á là động lực tăng trưởng nhu cầu chính của màng nhựa xây dựng. Không những là khu vực chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị xây dựng toàn cầu, châu Á là còn là khu vực có tăng trưởng giá trị xây dựng lớn nhất trên thế giới với tăng trưởng trung bình năm giai đoạn 2017 – 2022 kỳ vọng ở mức 5,3%/năm. Nguyên nhân do châu Á là khu vực có tăng trưởng quy mô dân số và tăng trưởng kinh tế đứng đầu thế giới nên nhu cầu cho nhà ở, hạ tầng và các công trình xây dựng liên quan cũng tăng trưởng. Tăng trưởng giá trị xây dựng của hai khu vực lớn thứ hai và thứ ba trên thế giới về chi phí xây dựng là Tây Âu và Bắc Mỹ được dự báo sẽ chứng lại trong giai đoạn 2017 – 2022 với CAGR lần lượt 1,6% và 1,1%.

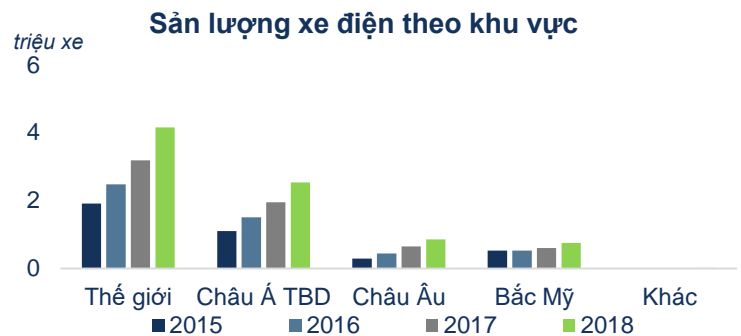
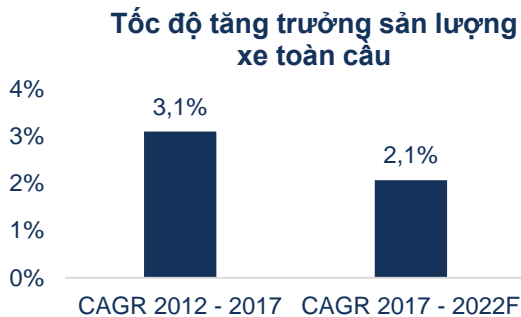
2.3. Màng nhựa kỹ thuật

Tăng trưởng màng nhựa kỹ thuật phụ thuộc chủ yếu vào ngành công nghiệp ô tô. Trong cơ cấu đầu ra của ngành nhựa toàn cầu, màng nhựa kỹ thuật chiếm khoảng 22% trong đó các sản phẩm nhựa kỹ thuật phục vụ cho ngành công nghiệp ô tô chiếm đến 17%, còn các sản phẩm nhựa kỹ thuật phục vụ cho ngành điện – điện tử chiếm 5%.



Nguồn: OICA, Bloomberg, American Chemistry Council

Tăng trưởng sản lượng sản xuất ô tô toàn cầu chững lại trong khi tỷ lệ nguyên liệu nhựa trong sản phẩm ô tô đang có xu hướng tăng. Sản lượng ô tô toàn cầu năm 2017 ước đạt 97 triệu xe, tăng trưởng 2,1% yoy và thấp hơn mức tăng trưởng 4,4% trong năm 2016. Nguyên nhân do tăng trưởng sản lượng xe của khu vực châu Á – khu vực chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản lượng xe toàn cầu chững lại và sản lượng xe của hai khu vực là châu Âu, Bắc Mỹ gần như không tăng trưởng hoặc tăng trưởng âm. Trong khi đó, các sản phẩm nhựa kỹ thuật được sử dụng trong ngành công nghiệp ô tô ngày càng phổ biến khi tỷ lệ nguyên liệu nhựa trên trọng lượng trung bình của xe đang có xu hướng tăng từ 8,2% trong năm 2012 lên 8,6% trong năm 2017.

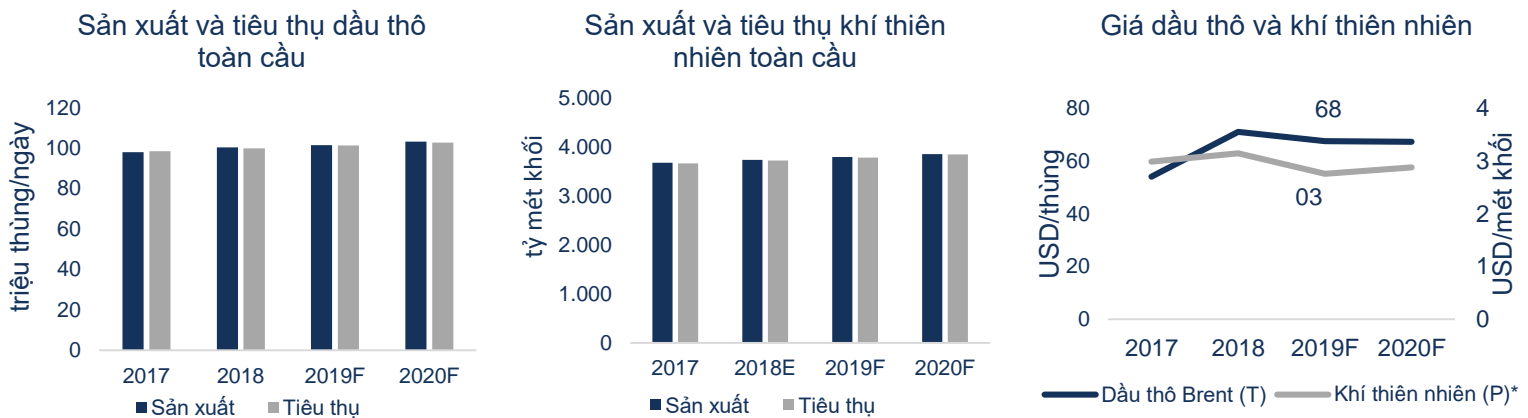


Nguồn: IHS Markit, Bloomberg

Tăng trưởng sản lượng xe toàn cầu được dự báo ở mức 2,1% giai đoạn 2017 – 2022 và xu hướng sử dụng các loại xe điện được kỳ vọng là động lực tăng trưởng chính cho màng nhựa kỹ thuật. Theo dự báo của IHS Markit, tăng trưởng sản lượng xe toàn cầu sẽ chững lại trong giai đoạn 2017 – 2022 với tăng trưởng bình quân một năm chỉ ở mức 2,1% thấp hơn so với 3,1% trong giai đoạn trước. Ngoài ra, các sản phẩm xe điện thân thiện với môi trường đang trở thành xu hướng tiêu dùng của thế giới khi sản lượng các loại xe điện toàn cầu liên tục tăng trưởng mạnh trung bình 18,9%/năm từ 2015 đến 2018. Trong ngành công nghiệp sản xuất các loại xe điện, các linh kiện nhựa kỹ thuật ngày càng được sử dụng nhiều hơn để thay thế cho các loại vật liệu khác giúp giảm trọng lượng của xe, hạn chế năng lượng tiêu hao. Đây sẽ là động lực tăng trưởng chính cho màng nhựa kỹ thuật trong tương lai.

3. Đánh giá triển vọng và xu hướng của ngành nhựa thế giới.

3.1. Triển vọng giá các loại nguyên liệu hóa thạch trong ngắn hạn



Nguồn: IEA, EIA, WB

Trong ngắn hạn, cung và cầu các loại nguyên liệu hóa thạch được kỳ vọng sẽ cân bằng hơn do: (1) Nhu cầu các loại nguyên liệu hóa thạch toàn cầu vẫn giữ được tăng trưởng tuy nhiên sẽ chậm lại do triển vọng của kinh tế thế giới trở nên kém khả quan hơn. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại, căng thẳng thương mại gia tăng khiến cho nhu cầu các loại nguyên liệu hóa thạch tăng trưởng chậm (2) Nguồn cung đến từ các quốc gia xuất khẩu dầu mỏ và khí thiên nhiên hàng đầu thế giới như Mỹ hay các nước OPEC vẫn không ngừng gia tăng. Theo IEA, nguồn cung dầu thô toàn cầu sẽ tăng trưởng khoảng 1,6% trong năm 2019 và 2020.

Giá các loại nguyên liệu nhựa trên được kỳ vọng sẽ duy trì xu hướng giảm trong ngắn hạn. Giá dầu Brent trong ngắn hạn được dự báo sẽ có xu hướng giảm nhẹ và ổn định hơn, còn giá khí thiên nhiên sẽ vẫn duy trì ở mức thấp giúp cho giá các loại nguyên liệu nhựa được dự báo sẽ có xu hướng giảm trong ngắn hạn.

3.2. Triển vọng tăng trưởng của ngành nhựa thế giới

Sản lượng nguyên liệu nhựa sản xuất và tiêu thụ dự báo sẽ đạt 412 triệu tấn vào năm 2022, tương đương với tăng trưởng trung bình 3,4%/năm giai đoạn 2017 – 2022:

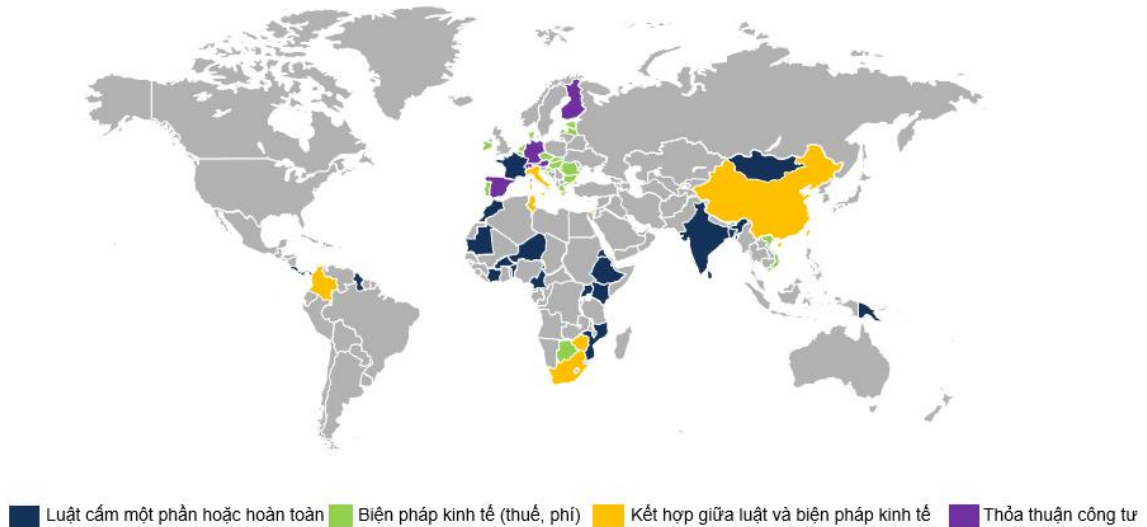
- Bốn loại nguyên liệu nhựa phổ biến nhất là PE, PP, PVC và PET vẫn sẽ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản xuất và tiêu thụ các loại nguyên liệu nhựa toàn cầu, ước tính khoảng 66% vào năm 2022.
- Châu Á và Trung Quốc sẽ là động lực tăng trưởng chính của ngành nhựa thế giới với vai trò là khu vực sản xuất và tiêu thụ nguyên liệu nhựa lớn nhất trên thế giới.

Ngành nhựa thế giới được kỳ vọng sẽ tăng trưởng với tốc độ trung bình từ 3 – 4% một năm giai đoạn 2017 – 2022. Động lực tăng trưởng chính của ngành nhựa bao gồm:

- Màng nhựa bao bì và nhựa dân dụng được kỳ vọng sẽ tăng trưởng trung bình khoảng 3% khi quy mô dân số và tăng trưởng kinh tế cũng như thu nhập của người dân tiếp tục tăng trưởng, đặc biệt là tại khu vực châu Á.
- Giá trị xây dựng toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trung bình 3,6% giai đoạn 2017 – 2022, tạo động lực tăng trưởng đầu ra cho màng nhựa xây dựng
- Màng nhựa kỹ thuật kỳ vọng sẽ tăng trưởng khoảng 2,1% do (1) tăng trưởng ngành sản xuất ô tô dự báo ở mức 2,1% giai đoạn 2017 – 2022, (2) xu hướng giảm nhẹ trọng lượng của các loại phương tiện khiến nguyên liệu nhựa được sử dụng ngày càng nhiều trong ngành công nghiệp ô tô.

3.2. Xu hướng của ngành nhựa thế giới

3.2.1. Xu hướng hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa bao bì dùng một lần*

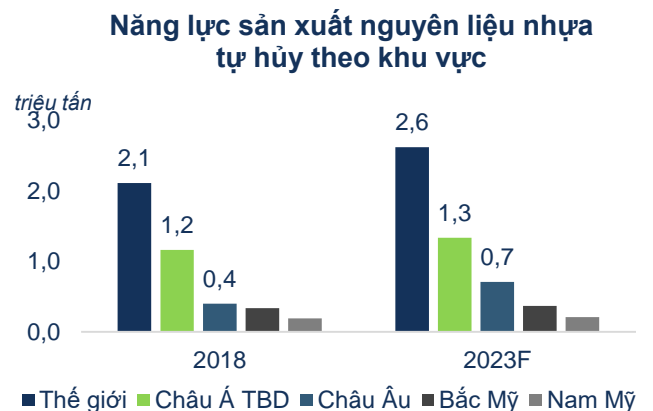
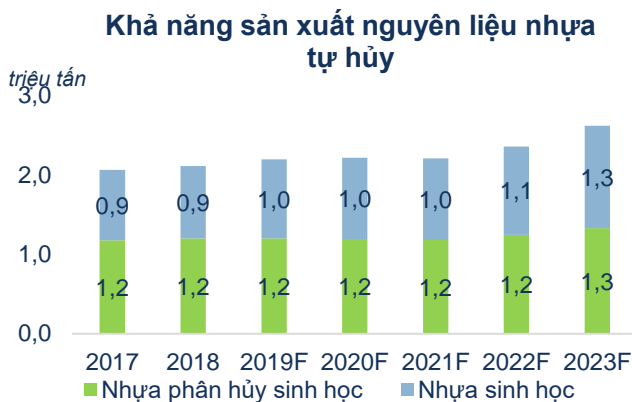


*bao bì dùng một lần là các loại túi ni lông, túi siêu thị độ dày rất nhỏ.

Nguồn: UN Environment

Trước vấn đề quá tải rác thải nhựa, các quốc gia trên thế giới đang dần đẩy mạnh việc hạn chế sử dụng bao bì nhựa và đặc biệt là bao bì dùng một lần nhằm giảm thiểu lượng rác thải nhựa ra môi trường. Các biện pháp chủ yếu là cấm một phần hoặc toàn bộ việc sử dụng bao bì, và các biện pháp kinh tế liên quan đến thuế hoặc phí phạt. Việc các khu vực tiêu thụ nhiều sản phẩm nhựa bao bì như EU, Mỹ, Trung Quốc hướng đến việc hạn chế sử dụng bao bì nhựa dùng một lần sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến mảng nhựa bao bì toàn cầu.

3.2.2. Sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường – Nhựa tự hủy



Nguồn: European Bioplastics

Trong xu hướng tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường, sản phẩm nhựa tự hủy là sản phẩm được ưa chuộng để thay thế cho các sản phẩm nhựa truyền thống. Tổng năng lực sản xuất các loại nguyên liệu nhựa tự hủy toàn cầu năm 2018 đạt 2,1 triệu tấn/năm trong đó nhựa phân hủy sinh học chiếm 1,2 triệu tấn và nhựa sinh học chiếm 0,9 tấn. Theo dự báo của European Bioplastics, tổng năng lực sản xuất các loại nguyên liệu nhựa tự hủy năm 2023 ước đạt 2,6 triệu tấn/năm tương đương với tăng trưởng trung bình 4,4% một năm giai đoạn 2018 – 2023.

B. NGÀNH NHỰA VIỆT NAM

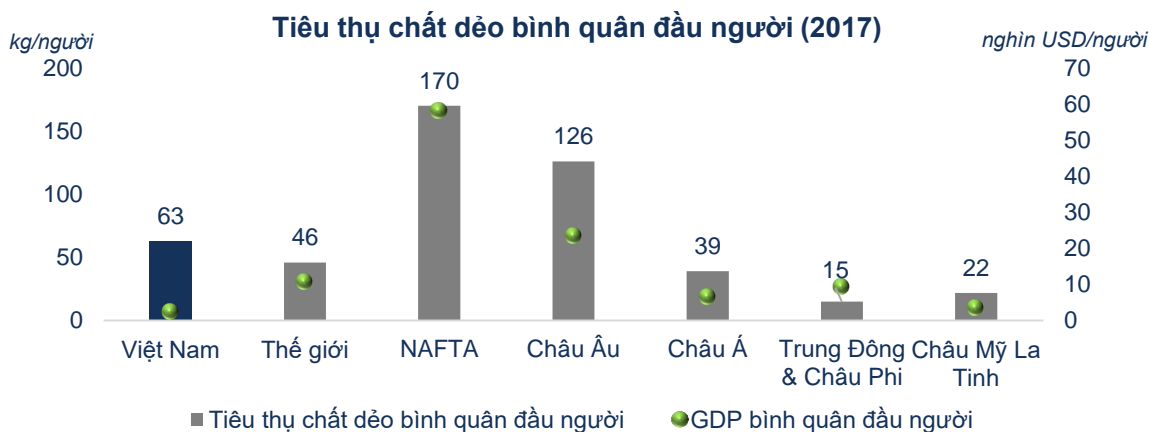
I. Tổng quan ngành nhựa

1. Sơ lược về ngành nhựa Việt Nam

Ngành nhựa Việt Nam là một trong các ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng tương đối nhanh so với nền kinh tế nói chung. Trong giai đoạn từ 2012 đến 2017, ngành nhựa Việt Nam tăng trưởng trung bình 11,6% một năm nhanh hơn so với mức tăng trưởng 3,9% của ngành nhựa thế giới và nhanh hơn so với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 6,2% của Việt Nam trong cùng giai đoạn. Các sản phẩm đầu ra của ngành nhựa Việt Nam được ứng dụng trong rất nhiều các lĩnh vực khác nhau từ tiêu dùng, thương mại cho đến xây dựng, lắp ráp và được phân chia làm bốn mảng chính là các sản phẩm nhựa bao bì, nhựa dân dụng, nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật.

Quy mô ngành nhựa năm 2017 ước đạt 15 tỷ USD, tương đương với khoảng 6,7% GDP của Việt Nam năm 2017. Trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là hai mảng nhựa bao bì và mảng nhựa xây dựng. Ngoài phụ vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước, sản phẩm của ngành nhựa Việt Nam hiện đang có mặt tại hơn 160 quốc gia trên thế giới với kim ngạch xuất khẩu năm 2017 ước đạt 2,5 tỷ USD, tăng trưởng 14,3% so với năm 2016 và chiếm 1,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 2017. Trong phạm vi báo cáo chúng tôi sẽ tập trung vào hai mảng lớn nhất trong cơ cấu đầu ra của ngành nhựa là mảng nhựa bao bì và mảng nhựa xây dựng.

Năm 2017, ngành nhựa Việt Nam tiêu thụ khoảng 5,9 triệu tấn nguyên liệu nhựa nguyên sinh tương đương tỷ lệ tiêu thụ chất dẻo bình quân đầu người ở mức 63 kg/người/năm. Tỷ lệ này của Việt Nam trong năm 1990 chỉ ở mức 3,8 kg/người/năm; như vậy trong giai đoạn từ 1990 đến 2017, tỷ lệ tiêu thụ chất dẻo bình quân đầu người của Việt Nam tăng trưởng trung bình 10,6% một năm.



Nguồn: VPA, Plastic Europe, WB, FPTTS Tổng hợp

2. Lịch sử hình thành ngành nhựa Việt Nam

Giai đoạn 1960 – 1980:

Đây là giai đoạn hình thành của ngành nhựa Việt Nam với việc dây chuyền sản xuất nhựa PVC đầu tiên được Trung Quốc hỗ trợ xây dựng tại nhà máy hóa chất Việt Trì vào năm 1959. Nguyên liệu nhựa PVC trong giai đoạn này được sử dụng chủ yếu để phục vụ trong ngành công nghiệp quốc phòng. Nhà máy hóa chất Việt Trì tiếp tục sản xuất PVC cho đến năm 1976 thì dây chuyền PVC phải ngừng hoạt động do công nghệ lạc hậu và hư hỏng nặng.

Giai đoạn 1980 – 1990:

Trong thập thiên 90, ngành nhựa Việt Nam vẫn chưa phát triển, sản xuất chủ yếu là lắp ráp và phần lớn các sản phẩm nhựa trong giai đoạn này đều phụ thuộc vào nhập khẩu. Sản phẩm nhựa sản xuất trong giai đoạn này hầu hết chỉ là những sản phẩm với thiết kế đơn giản và ít đa dạng về hình thức, mẫu mã.

Giai đoạn 1990 – 1999:

Những năm từ 1990 – 1999 là giai đoạn phát triển nhanh chóng của ngành nhựa Việt Nam với chính sách đổi mới của nhà nước. Năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa trong nước giai đoạn này cũng được cải thiện đáng kể với sự xuất hiện của liên doanh hóa dầu lớn là TPC Vina (Liên doanh giữa CTCP Nhựa và Hóa chất Thái Lan TPC, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam Vinachem và CTCP Nhựa Việt Nam). Trong giai đoạn này nguyên liệu nhựa sản xuất của Việt Nam vẫn chủ yếu tập trung vào nguyên liệu PVC.

Giai đoạn 2000 – 2007:

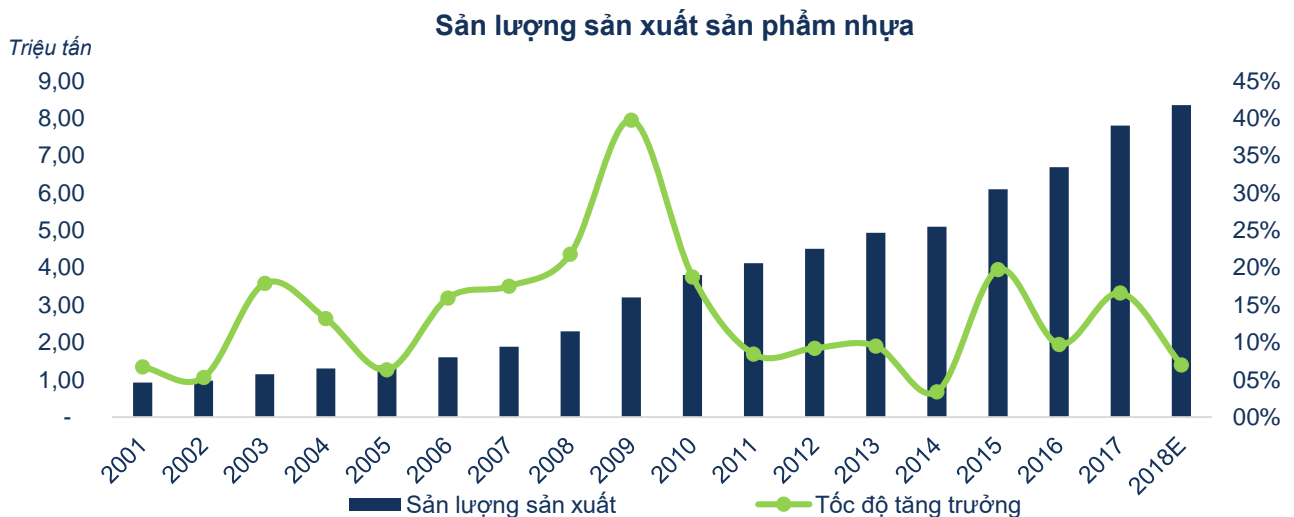
Đây là giai đoạn ngành nhựa phát triển nhanh với tăng trưởng sản lượng bình quân khoảng 13,5%. Sản lượng nguyên liệu nhựa cũng được cải thiện đáng kể với sự xuất hiện của liên doanh thứ hai Nhựa và Hóa chất Phú Mỹ (liên doanh giữa Petronas Malaysia và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) năm 2002. Trong giai đoạn này, các sản phẩm của ngành nhựa cũng đa dạng hơn về mẫu mã cũng như chất lượng cũng được cải thiện đáng kể.

Giai đoạn 2007 – nay:

Đây là giai đoạn tiếp tục phát triển nhanh sau khi Việt Nam gia nhập WTO vào năm 2007. Ngành nhựa phát triển mạnh, đa dạng hóa sản phẩm của mình trong cả bốn mảng sản phẩm là nhựa bao bì, nhựa dân dụng, nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật. Việc duy trì chính sách mở cửa khiến dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam nhiều hơn tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp chế biến, thực phẩm, đồ uống tạo động lực giúp mảng nhựa bao bì phát triển mạnh mẽ.

II. Vòng đời ngành nhựa Việt Nam

Ngành nhựa Việt Nam trải qua 5 giai đoạn hình thành và phát triển. Giai đoạn từ trước những năm 2000, sản phẩm nhựa trong nước vẫn chủ yếu phụ thuộc vào việc nhập khẩu. Giai đoạn từ năm 2000 đến nay là giai đoạn đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của ngành nhựa Việt Nam, thể hiện rõ qua sản lượng sản xuất các sản phẩm nhựa trong giai đoạn này. Cụ thể như sau:



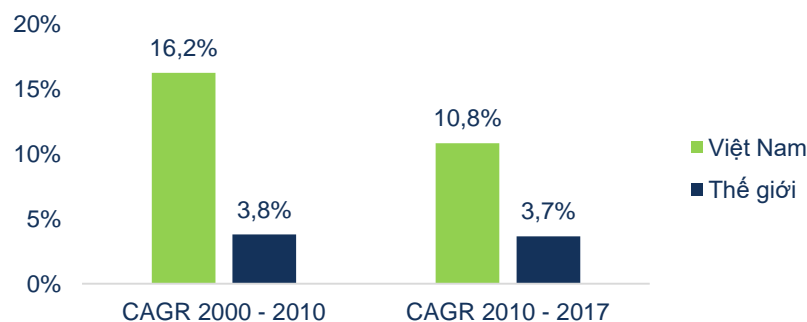
Nguồn: VPA, GSO, FPT S Tổng hợp

- Giai đoạn 2001 – 2005:** Đây là giai đoạn phát triển đầu tiên trong việc sản xuất các loại sản phẩm nhựa của ngành nhựa Việt Nam. Sản lượng nhựa sản xuất của ngành nhựa Việt Nam năm 2001 ước đạt 0,9 triệu tấn sản phẩm sau đó tăng lên khoảng 1,4 triệu tấn vào năm 2005, tương đương với tăng trưởng

bình quân xấp xỉ 12%. Trong giai đoạn này sản phẩm nhựa sản xuất của Việt Nam chủ yếu là các sản phẩm nhựa xây dựng và nhựa bao bì với sự hiện diện một số doanh nghiệp lớn như Nhựa Tiền Phong, Nhựa Bình Minh hay Nhựa Rạng Đông.

- Giai đoạn 2005 – 2009:** Trong giai đoạn này ngành nhựa phát triển một cách mạnh mẽ với tăng trưởng lên đến 23,4% một năm. Việt Nam tham gia vào tổ chức WTO năm 2007 đánh dấu thời kỳ mở cửa nền kinh tế và dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam trong giai đoạn này cũng tăng trưởng mạnh, trung bình 32% một năm giai đoạn 2005 – 2009 so với chỉ 8% giai đoạn từ 2001 – 2005. Đây là động lực mạnh mẽ cho các ngành công nghiệp thực phẩm và chế biến của Việt Nam giúp mảng nhựa bao bì phát triển mạnh mẽ. Ngoài ra, thị trường xây dựng và bất động sản năm 2007 – 2008 cũng tăng trưởng mạnh tạo động lực phát triển cho mảng nhựa xây dựng. Tốc độ tăng trưởng sản lượng của ngành nhựa Việt Nam đạt đỉnh ở mức 40% vào năm 2009.
- Giai đoạn 2009 – 2014:** Ngành nhựa trong giai đoạn này vẫn giữ được đà tăng trưởng tuy nhiên mức tăng trưởng có xu hướng giảm dần qua các năm. Trong giai đoạn này tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành nhựa chỉ còn 9,7% giảm 13,7 điểm phần trăm so với giai đoạn trước. Nguyên nhân do (1) ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 – 2009 tác động tới Việt Nam khiến tăng trưởng các ngành công nghiệp bị suy giảm gây ảnh hưởng đến mảng nhựa bao bì (2) bong bóng bất động sản sụp đổ trong giai đoạn 2010 – 2011 khiến ngành xây dựng bị đóng băng tác động tiêu cực đến mảng nhựa xây dựng (3) giá dầu thô Brent đạt đỉnh trong giai đoạn này kéo theo giá các loại nguyên liệu nhựa tăng mạnh khiến lợi nhuận chung của ngành bị ảnh hưởng.
- Giai đoạn 2014 – nay:** Năm 2014, giá dầu lập đỉnh vào giữa năm sau đó sụt giảm mạnh và tạo đáy vào đầu năm 2015, kéo theo giá các loại nguyên liệu nhựa cũng giảm sâu trong cùng giai đoạn. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế của Việt Nam bắt đầu phục hồi trong giai đoạn 2015 – 2016 khiến cho ngành nhựa nhìn chung được hưởng lợi rất lớn từ các yếu tố đầu vào lẫn đầu ra. Sản lượng sản phẩm nhựa sản xuất trong năm 2015 ước đạt 6,1 triệu tấn tăng trưởng 20% so với năm 2014. Trong giai đoạn từ 2016 – 2018, giá dầu nhìn chung trong xu hướng tăng, tuy nhiên tăng trưởng kinh tế cùng với đó là tăng trưởng nhu cầu xây dựng bất động sản vẫn được duy trì nên ngành nhựa vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khoảng 11,3% một năm trong giai đoạn này.

Tốc độ tăng trưởng sản lượng

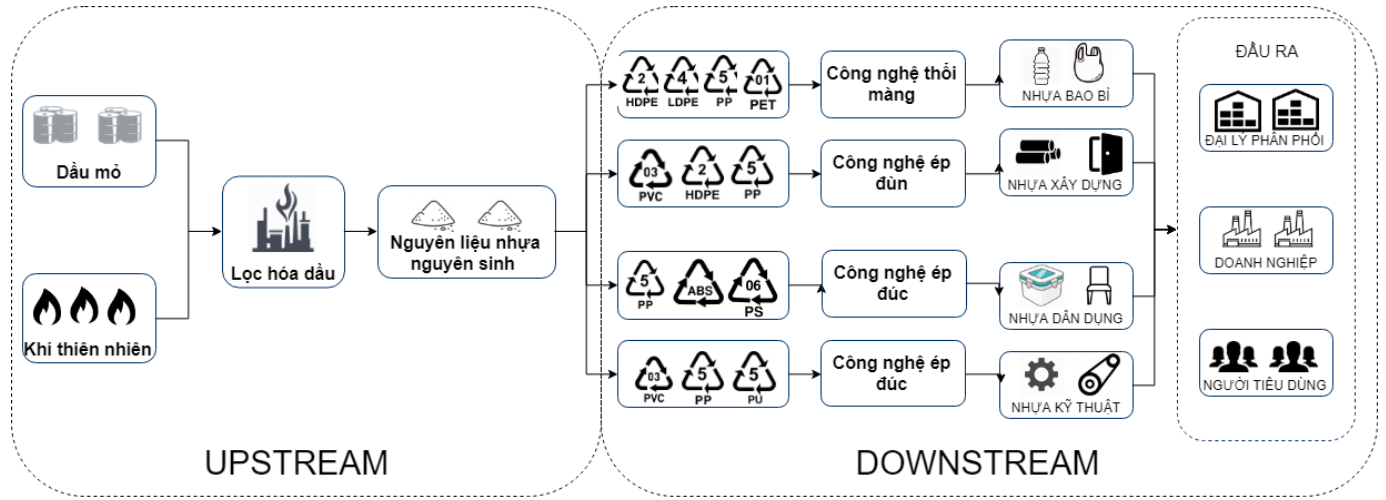


Nguồn: VPA, GSO, Plastic Europe, Science Advances, FPTTS Tổng hợp

Ngành nhựa Việt Nam vẫn đang ở trong giai đoạn tăng trưởng tốt. Ngành nhựa thế giới hiện tại đã bước vào giai đoạn bão hòa với tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2000 – 2017 chỉ khoảng 3,7% – 3,8% một năm. Trong bối cảnh đó, tăng trưởng sản lượng của ngành nhựa Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2017 vẫn giữ ở mức 10,8% tuy đã giảm khoảng 5,4 điểm phần trăm so với giai đoạn tăng trưởng nhanh trước đó.

III. Chuỗi giá trị ngành nhựa Việt Nam

1. Sơ lược chuỗi giá trị ngành nhựa Việt Nam



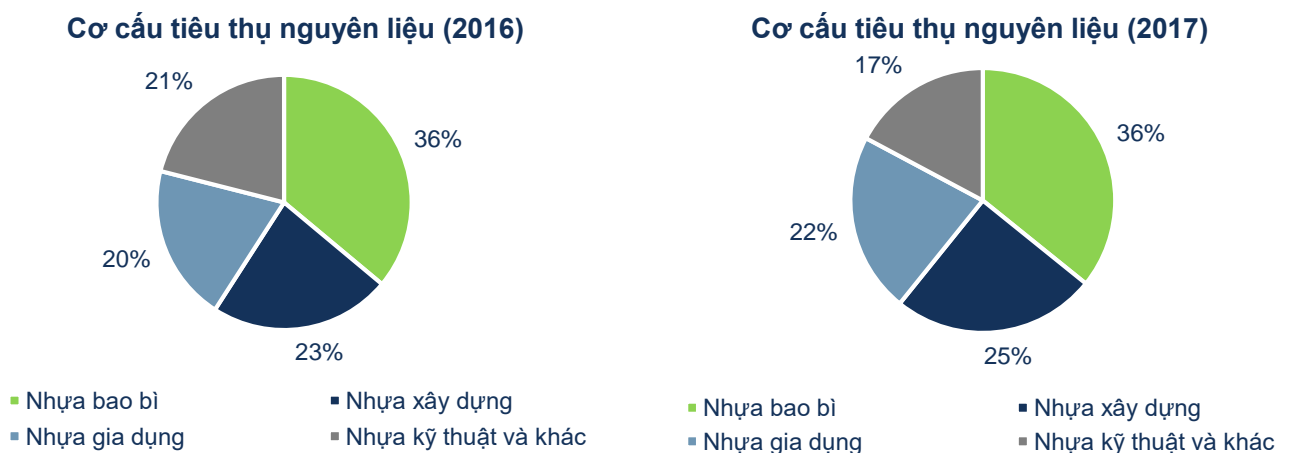
Nguồn: FPTSS Tổng hợp

Ngành nhựa Việt Nam cũng như các quốc gia khác trên thế giới, bao gồm hai phần chính là thượng nguồn (Upstream) và hạ nguồn (Downstream). Thượng nguồn của ngành nhựa bao gồm các doanh nghiệp lọc hóa dầu, các doanh nghiệp hóa chất với hoạt động chính là biến đổi các loại nguyên liệu hóa thạch thành các loại hạt nhựa nguyên liệu. Hạ nguồn của ngành nhựa là giai đoạn các nhà sản xuất biến đổi các loại hạt nhựa nguyên liệu thành các sản phẩm nhựa. Hạ nguồn của ngành nhựa, dựa vào sản phẩm có thể chia ra làm 4 mảng chính là nhựa bao bì, nhựa xây dựng, nhựa dân dụng và nhựa kỹ thuật.

2. Đặc điểm chuỗi giá trị ngành nhựa Việt Nam

2.1. Đầu vào

Màng nhựa bao bì và nhựa xây dựng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiêu thụ nguyên liệu nhựa nguyên sinh

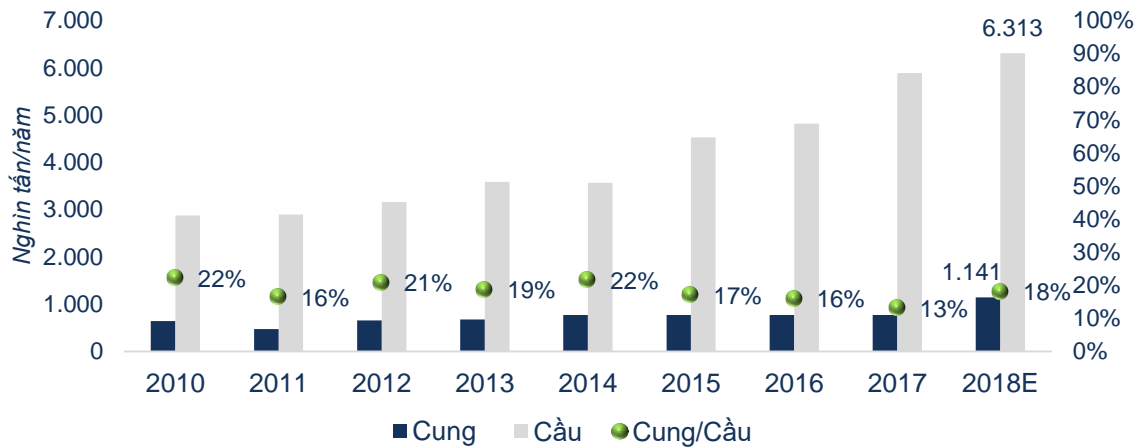


Nguồn: VPA, FPTSS Tổng hợp

Trong cơ cấu nguyên liệu nhựa nguyên sinh tiêu thụ của ngành nhựa Việt Nam, màng nhựa bao bì và màng nhựa xây dựng luôn là hai mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất chiếm khoảng 61%. Năm 2017, tổng khối lượng nguyên liệu nhựa nguyên sinh tiêu thụ ước đạt 5,89 triệu tấn trong đó màng nhựa bao bì tiêu thụ khoảng 2,1 triệu tấn chiếm 36% và màng nhựa xây dựng tiêu thụ khoảng 1,5 triệu tấn tương ứng với 25%.

Thượng nguồn và hạ nguồn ngành nhựa phát triển không tương xứng – Nguyên liệu nhựa nguyên sinh phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu

Cung cầu nguyên liệu nhựa nguyên sinh trong nước



Nguồn: S&P Global Platts, FPTS Tổng hợp

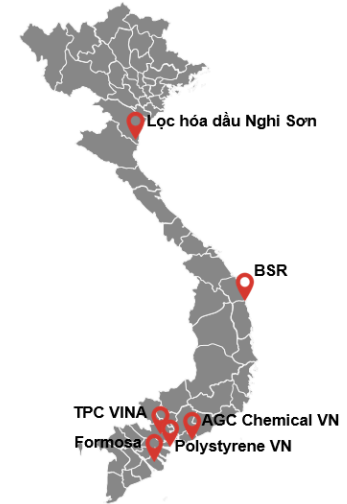
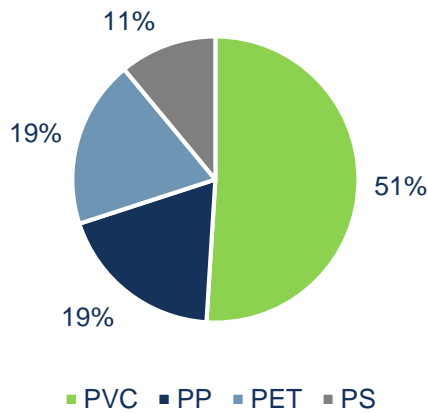
Đặc thù của ngành nhựa Việt Nam là nguyên liệu nhựa nguyên sinh phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu do thượng nguồn của ngành nhựa chưa phát triển tương xứng với quy mô và nhu cầu nguyên liệu của hạ nguồn. Trong suốt giai đoạn từ 2010 đến 2017, năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa nguyên sinh của thượng nguồn ngành nhựa chỉ đáp ứng được trung bình khoảng 20% nhu cầu nguyên liệu của các nhà sản xuất hạ nguồn. Đây cũng là giai đoạn tăng trưởng nhanh của ngành nhựa khi nhu cầu nguyên liệu nhựa nguyên sinh trong nước tăng trưởng với tốc độ bình quân khoảng 10,8% một năm, tuy nhiên tăng trưởng cung nguyên liệu nhựa trong nước chỉ ở mức 2,7%. Nguyên nhân thượng nguồn ngành nhựa Việt Nam chưa phát triển đủ để đáp ứng nhu cầu trong nước là do không đáp ứng đủ năng lực về vốn. Đặc điểm và cũng là rào cản gia nhập ngành của thượng nguồn ngành nhựa chính là yếu tố thâm dụng vốn rất lớn cả về vốn đầu tư ban đầu lẫn nhu cầu vốn lưu động trong quá trình vận hành.

Năm 2018, cung nguyên liệu nhựa nguyên sinh được cải thiện đáng kể sau khi nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn đi vào hoạt động với sản phẩm chính là PP và công suất thiết kế đạt 370.000 tấn/năm giúp năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa trong nước tăng lên mức 1,1 triệu tấn/năm. Nhu cầu nguyên liệu nhựa nguyên sinh năm 2018 ước đạt 6,3 triệu tấn/năm, như vậy cung nguyên liệu nhựa sau khi nhà máy Nghi Sơn đi vào hoạt động cũng chỉ đáp ứng được khoảng 18% nhu cầu tiêu thụ trong nước.

Các dự án hóa dầu đang hoạt động:

Dự án	Nguyên liệu	Sản phẩm	Công suất (tấn/năm)	Năm hoạt động
Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	Dầu thô	PP	150.000	2009
Hưng Nghiệp Formosa	Dầu thô	PET	145.000	2004
Nhựa và hóa chất Phú Mỹ (AGC chemical Vietnam)	Dầu thô	PVC	200.000	2004
Nhựa và hóa chất TPC	Dầu thô	PVC	190.000	2010
Polystyrene Việt Nam	Dầu thô	PS	48.000	2012
Polystyrene Việt Nam	Dầu thô	PS	38.000	2006
Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Dầu thô	PP	370.000	2018

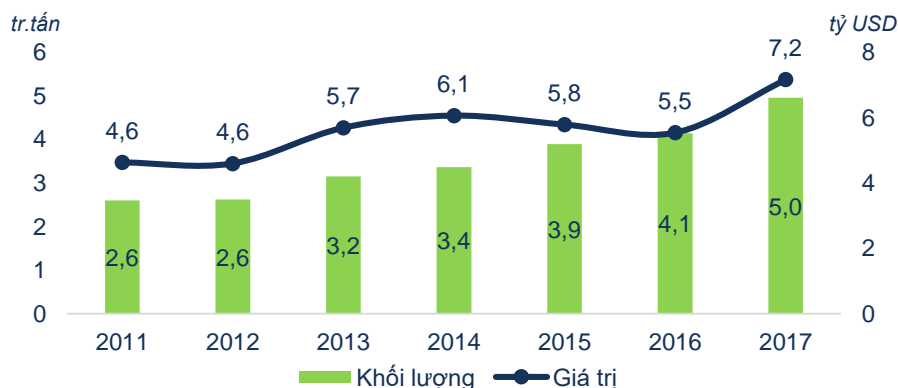
Nguồn: VPA, FPTS Tổng hợp

Nguyên liệu nhựa nguyên sinh sản xuất kém đa dạng, các nhà máy hóa dầu tập trung tại phía nam
Cơ cấu nguyên liệu nhựa nguyên sinh sản xuất theo sản phẩm


Nguồn: FPTS Tổng hợp

Thượng nguồn ngành nhựa Việt Nam không chỉ không sản xuất đủ số lượng mà cơ cấu sản phẩm cũng không đủ đa dạng để đáp ứng được nhu cầu của hạ nguồn. Hiện tại thượng nguồn ngành nhựa Việt Nam chỉ có khả năng sản xuất 4 loại nguyên liệu là PVC, PP, PET và PS trong đó nguyên liệu nhựa PVC chiếm đến 51% năng lực sản xuất của toàn ngành. Trong khi đó, hàng năm hạ nguồn ngành nhựa Việt Nam sử dụng đến 30 loại nguyên liệu nhựa nguyên sinh khác nhau và chủ yếu phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong số hơn 30 loại nguyên liệu nhựa nhập khẩu hàng năm, PE là loại nguyên liệu quan trọng nhất. Đây là loại nguyên liệu nhựa phổ biến nhất thế giới và hiện tại thượng nguồn ngành nhựa Việt Nam chưa có khả năng sản xuất loại nguyên liệu này. Điều này gây ảnh hưởng tiêu cực nhất đến màng nhựa bao bì do PE là nguyên liệu quan trọng nhất, được sử dụng nhiều nhất trong các sản phẩm bao bì nhựa.

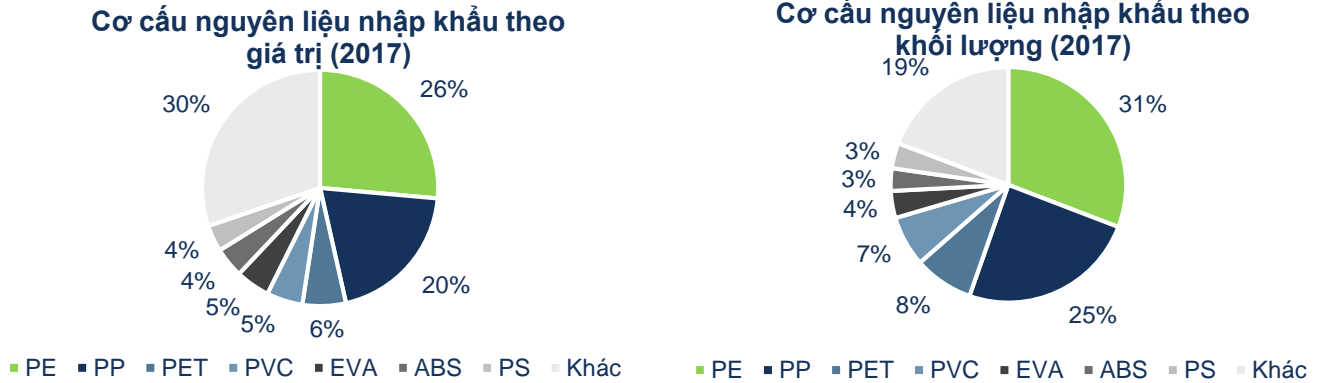
Các nhà máy hóa dầu đang hoạt động hiện tại chủ yếu tập trung ở phía Nam, đặc biệt ở khu vực Vũng Tàu và Đồng Nai, chỉ có một nhà máy hóa dầu là BSR ở khu vực miền Trung và một nhà máy là nhà máy Nghi Sơn tại miền Bắc. Do khoảng cách về địa lý và chi phí vận chuyển lớn, nên các doanh nghiệp nhựa khu vực phía Bắc khá khó tiếp cận với nguồn nguyên liệu sản xuất trong nước mà đặc biệt là PVC, và phải phụ thuộc gần như hoàn toàn vào nhập khẩu.

Nhập khẩu nguyên liệu nhựa của Việt Nam liên tục tăng
Khối lượng và giá trị nguyên liệu nhựa nhập khẩu


Nguồn: VPA, FPTS Tổng hợp

Khối lượng nguyên liệu nhựa nhập khẩu của ngành nhựa của Việt Nam liên tục tăng trưởng trong giai đoạn 2011 – 2017. Khối lượng nguyên liệu nhựa nhập khẩu năm 2017 ước đạt 5 triệu tấn với giá trị lên đến 7,2 tỷ USD. Tăng trưởng bình quân của khối lượng và giá trị nguyên liệu nhập khẩu trong giai đoạn này tăng trưởng bình quân lần lượt 11,5% và 7,8% một năm. Đây là hệ quả tất yếu của việc thượng nguồn ngành nhựa không phát triển đủ để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng nhanh của phân khúc hạ nguồn. Việc phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu của ngành nhựa Việt Nam được dự báo sẽ vẫn tiếp tục trong tương lai khi các dự án hóa dầu mới vẫn chưa thể đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước.

PE là nguyên liệu nhựa được nhập khẩu nhiều nhất

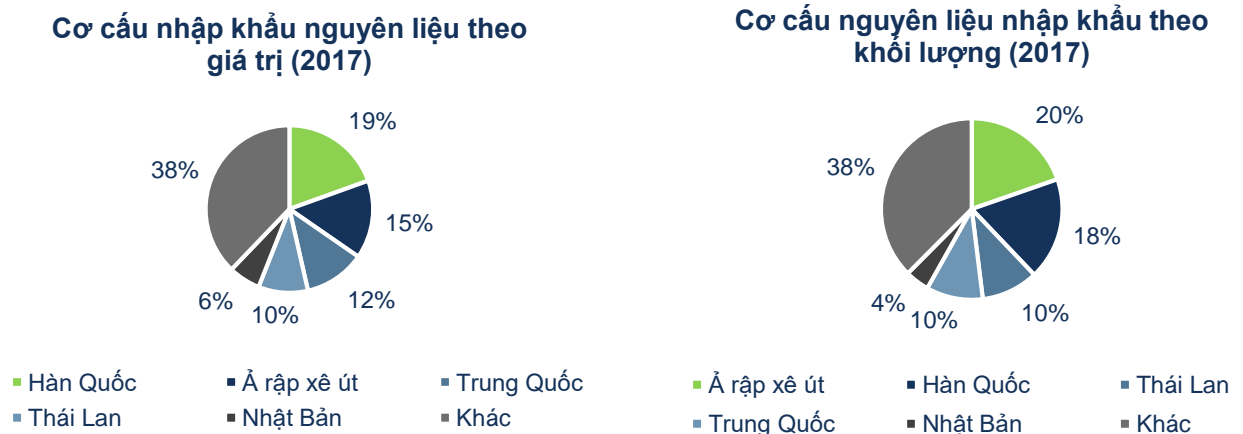


Nguồn: VPA, FPTTS Tổng hợp

Trong cơ cấu nguyên liệu nhựa nhập khẩu của Việt Nam, PE là nguyên liệu được nhập khẩu nhiều nhất cả về khối lượng lẫn giá trị. Lượng PE nhập khẩu năm 2017 ước đạt 1,5 triệu tấn với giá trị khoảng 1,9 tỷ USD chiếm lần lượt 31% và 26% trong cơ cấu nguyên liệu nhập khẩu theo khối lượng và giá trị của ngành nhựa. Nguyên nhân do hiện tại thượng nguồn của ngành nhựa Việt Nam chưa sản xuất được nguyên liệu PE nên hạ nguồn phải phụ thuộc hoàn toàn vào việc nhập khẩu.

PP cũng là một loại nguyên liệu phụ thuộc lớn vào việc nhập khẩu. Trong năm 2017, lượng PP nhập khẩu ước đạt 1,2 triệu tấn tương đương 1,4 tỷ USD chiếm lần lượt 25% và 20% trong cơ cấu nguyên liệu nhập khẩu theo khối lượng và theo giá trị. PP cùng với PE là hai nguyên liệu chính được sử dụng trong màng nhựa bao bì – màng tiêu thụ nguyên liệu nhựa nhiều nhất ngành. Vì vậy nên nguyên liệu PP vẫn phải phụ thuộc vào nhập khẩu mặc dù thượng nguồn ngành nhựa Việt Nam đã sản xuất được nguyên liệu PP với công suất thiết kế năm 2017 khoảng 150 nghìn tấn/năm.

Nguyên liệu nhựa của Việt Nam được nhập khẩu chủ yếu từ Ả rập xê út và Hàn Quốc

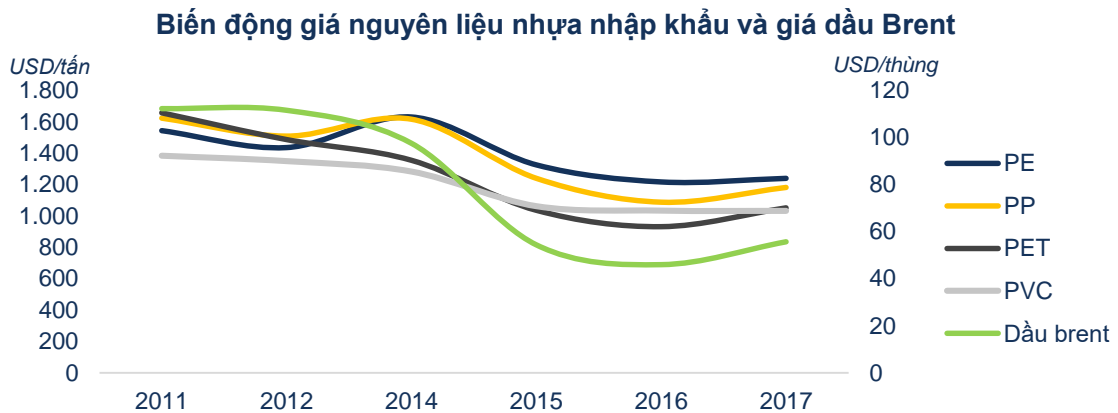


Nguồn: UN Comtrade

Hàn Quốc và Ả rập xê út chiếm lần lượt 19% và 15% trong cơ cấu giá trị nhập khẩu nguyên liệu nhựa của Việt Nam năm 2017. Đối với khối lượng nguyên liệu nhập khẩu, khối lượng nhập khẩu từ Ả rập xê út ước đạt 1 triệu tấn, chiếm khoảng 20%. Hàn Quốc là khu vực đứng thứ hai với khoảng 18% trong cơ cấu nhập khẩu nguyên liệu nhựa theo khối lượng.

Nguyên liệu nhựa của Việt Nam chủ yếu được nhập khẩu từ các nước trong khu vực Đông Á như Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản để hạn chế chi phí vận chuyển. Tuy nhiên Ả rập xê út cũng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguyên liệu nhập khẩu theo quốc gia của Việt Nam. Nguyên nhân do Ả rập xê út với lợi thế về chi phí sản xuất PE là khu vực cung cấp phần lớn lượng PE – nguyên liệu nhựa chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam.

Giá nhập khẩu trung bình của các loại nguyên liệu nhựa nhập khẩu biến động theo giá dầu Brent.

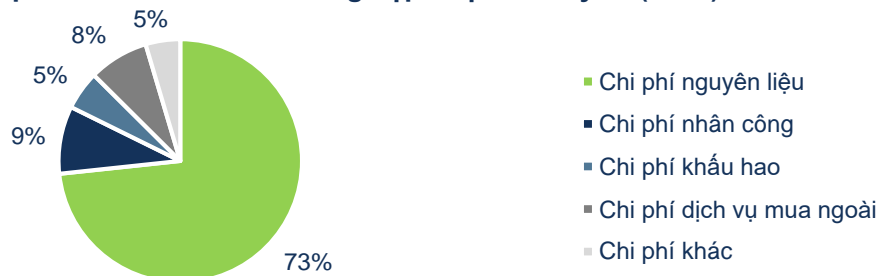


Nguồn: VPA, Bloomberg, FPTTS Tổng hợp

Nguyên liệu nhựa nhập khẩu vào Việt Nam cũng như các loại nguyên liệu nhựa trên thế giới đều chịu ảnh hưởng từ biến động giá nguyên liệu hóa thạch là dầu thô. Đặc biệt nguyên liệu của Việt Nam được nhập khẩu chủ yếu từ các nước trong khu vực Đông Á là khu vực sản xuất nguyên liệu đi từ dầu thô nên sự ảnh hưởng này lại càng rõ rệt. Trong giai đoạn từ giữa năm 2014 đến giữa năm 2015, giá dầu Brent liên tục giảm mạnh và tạo đáy vào giữa năm 2015 khiến cho giá các loại nguyên liệu nhựa nhập khẩu vào Việt Nam (thống kê dựa trên 4 loại nguyên liệu chính là PE, PP, PET và PVC) cũng giảm mạnh trong năm 2015. Trong giai đoạn 2016 – 2017, giá dầu trên thị trường thế giới có xu hướng hồi phục nhẹ từ mức trung bình 46 USD/thùng năm 2016 lên đến 56 USD/thùng trung bình năm 2017. Cùng trong giai đoạn, giá nguyên liệu nhựa nhập khẩu của Việt Nam cũng tăng khoảng 8% từ mức 1.337 USD/tấn lên mức 1.446 USD/tấn năm 2017.

Nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất của ngành nhựa Việt Nam

Cơ cấu chi phí sản xuất các doanh nghiệp nhựa niêm yết* (2018)



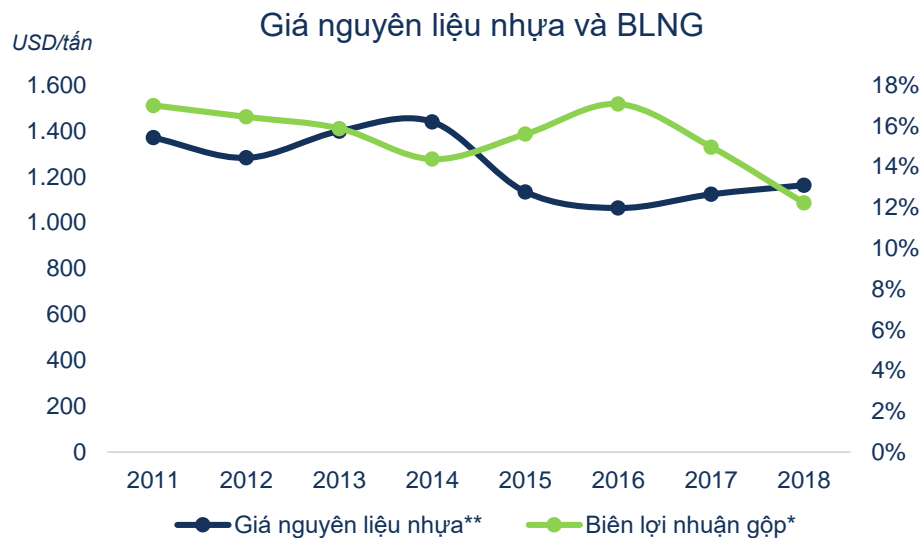
*Tổng hợp từ số liệu của các doanh nghiệp nhựa niêm yết bao gồm: AAA**, NNG, RDP, SPP, VBC, TPP, TPC, NHP, BBS, BPC, PMP, BXH, STP, PBP, BMP, NTP, DNP, DAG, DPC, NHH

**Loại trừ mảng thương mại hạt nhựa của AAA

Nguồn: FPTTS Tổng hợp

Quá trình sản xuất các sản phẩm nhựa chủ yếu là quá trình biến đổi vật lý và hình dạng của các loại nguyên liệu nhựa vì vậy nên chi phí nguyên liệu nhựa luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất của các doanh nghiệp hạ nguồn ngành nhựa. Trong cơ cấu chi phí sản xuất của các doanh nghiệp ngành nhựa niêm yết của Việt Nam, chi phí nguyên liệu nhựa trung bình chiếm 73% tỷ trọng. Chi phí nhân công là loại chi phí chiếm tỷ trọng lớn thứ hai với khoảng 9% trong cơ cấu chi phí của ngành nhựa Việt Nam.

Chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí nên sẽ ảnh hưởng lớn đến khả năng sinh lời của các doanh nghiệp ngành nhựa.



** Giá nguyên liệu nhựa trung bình được tổng hợp của các loại nguyên liệu: HDPE, LDPE, LLDPE, PP, PVC

*Tổng hợp từ số liệu của các doanh nghiệp nhựa niêm yết bao gồm: AAA***, NNG, RDP, SPP, VBC, TPP, TPC, NHP, BBS, BPC, PMP, BXH, STP, PBP, BMP, NTP, DNP, DAG, DPC, NHH

***Loại trừ mảng thương mại hạt nhựa của AAA

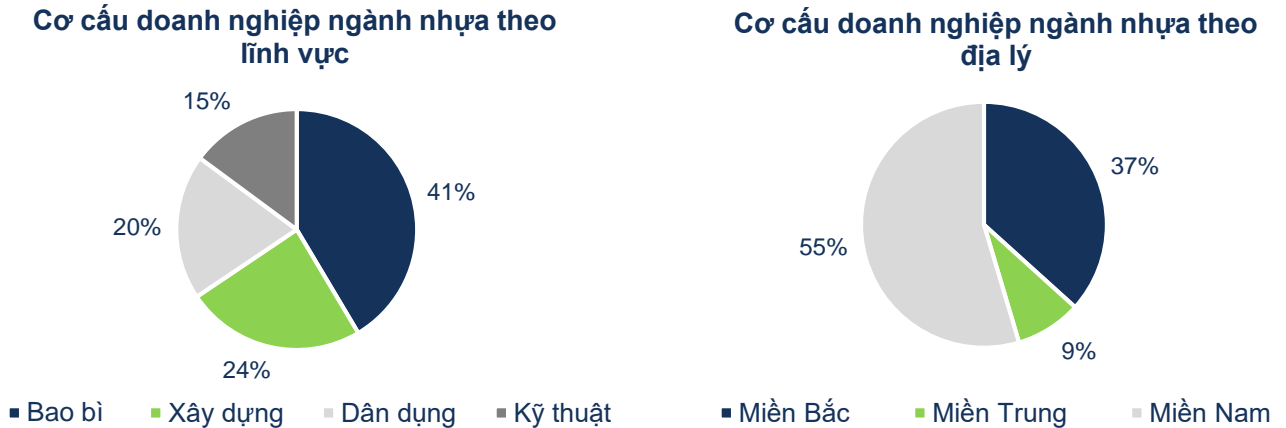
Nguồn: Bloomberg, FPTTS Tổng hợp

Chi phí nguyên liệu nhựa chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nhựa vì thế nên khả năng sinh lời của các doanh nghiệp trong ngành sẽ chịu ảnh hưởng từ biến động giá nguyên liệu nhựa. Biên lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp ngành nhựa sẽ tương quan ngược chiều với giá các loại nguyên liệu nhựa trên thị trường thế giới. Trong giai đoạn 2011 – 2014, giá nguyên liệu nhựa trung bình có xu hướng tăng dẫn đến biên lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp ngành nhựa Việt Nam giảm từ 17% năm 2011 xuống còn 14% năm 2014. Sau khi tạo đỉnh vào năm 2014, giá nguyên liệu nhựa liên tục giảm sau theo biến động giảm của giá dầu và tạo đáy vào đầu năm 2016. Biên lợi nhuận gộp trung bình của các doanh nghiệp nhựa Việt Nam trong giai đoạn này vì thế liên tục được cải thiện và đạt đỉnh ở mức 17% vào năm 2016. Trong giai đoạn từ 2016 – 2018, biên lợi nhuận gộp trung bình của ngành giảm sâu nguyên nhân chủ yếu là do giá nguyên liệu nhựa tăng trong giai đoạn này. Bên cạnh đó việc đầu tư mở rộng công suất trong giai đoạn từ 2015 – 2016 (giai đoạn giá dầu tạo đáy) cũng khiến cho cạnh tranh trong ngành gia tăng, gây ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận gộp.

2.2. Sản xuất

2.2.1. Cơ cấu doanh nghiệp nhựa Việt Nam theo lĩnh vực và địa lý

Các doanh nghiệp ngành nhựa Việt Nam hiện tại chủ yếu hoạt động trong mảng nhựa bao bì và tập trung ở khu vực miền Nam



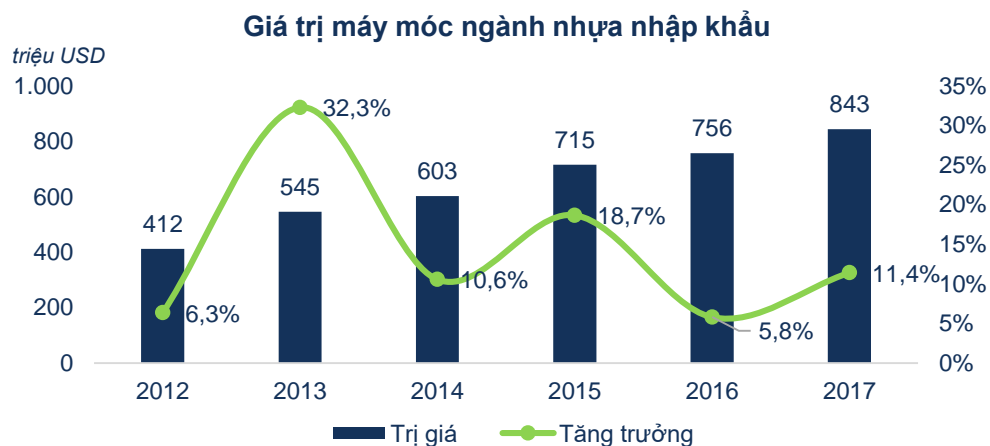
Nguồn: Tổng cục thống kê, FPTS Tổng hợp

Theo số liệu của tổng cục thống kê, ngành nhựa hiện tại có khoảng hơn 3.300 doanh nghiệp đang hoạt động. Trong đó các doanh nghiệp sản xuất trong mảng nhựa bao bì chiếm tỷ trọng lớn nhất với 41% trong cơ cấu tương đương với khoảng 1.353 doanh nghiệp. Các doanh nghiệp hoạt động trong hai mảng là nhựa xây dựng và nhựa dân dụng chiếm lần lượt 24% và 20% trong tổng số các doanh nghiệp ngành nhựa Việt Nam.

Theo khu vực địa lý, các doanh nghiệp ngành nhựa tập trung chủ yếu ở khu vực miền Nam với khoảng 55% số doanh nghiệp đang hoạt động tại khu vực này. Khu vực miền Bắc và miền Trung tập trung lần lượt 37% và 9% phân bố của các doanh nghiệp ngành nhựa. Nguyên nhân các doanh nghiệp ngành nhựa tập trung chủ yếu ở khu vực miền Nam và khu vực miền Bắc là vì đây là hai khu vực trọng điểm kinh tế nơi tập trung đông dân cư cũng như các doanh nghiệp sản xuất và chế biến đồ uống, thực phẩm.

2.2.2. Công nghệ sản xuất

Ngành nhựa Việt Nam phải phụ thuộc hoàn toàn vào dây chuyền, máy móc nhập khẩu

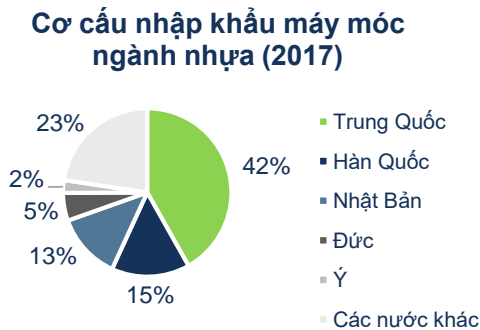


Nguồn: UNcomtrade, FPTS tổng hợp

Ngành nhựa Việt Nam cũng giống như ngành nhựa thế giới sử dụng ba công nghệ sản xuất chính để sản xuất các sản phẩm nhựa là công nghệ ép thổi (Extrusion Blown Molding), ép đúc (Injection Molding) và ép đùn (Extrusion Molding).

Ngành công nghiệp chế tạo máy móc trong nước còn chưa phát triển nên hiện tại các dây chuyền sản xuất và máy móc của ngành nhựa đều phải phụ thuộc hoàn toàn vào việc nhập khẩu. Giá trị nhập khẩu liên tục tăng trưởng trong giai đoạn từ 2012 – 2017. Trong giai đoạn này, sản lượng sản xuất ngành nhựa tăng trưởng trung bình 11,6%/năm kéo theo giá trị dây chuyền, máy móc sản xuất sản phẩm nhựa cũng tăng trưởng trung bình 15,4% một năm. Năm 2015, tăng trưởng giá trị máy móc nhập khẩu vào Việt Nam tăng trưởng 18,7% nguyên nhân do đây là năm giá nguyên liệu nhựa xuống thấp khiến cho các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp nhựa bao bì đầu tư mở rộng sản xuất điển hình như AAA với dự án nhà máy số 6 hay RDP với dự án nhà máy tại Long An. Năm 2017, giá trị máy móc sản xuất nhập khẩu của ngành nhựa Việt Nam ước đạt 842,7 triệu USD tăng trưởng 11,4% so với năm 2016.

Công nghệ sản xuất các sản phẩm nhựa của Việt Nam chủ yếu là công nghệ Trung Quốc



Nguồn: UNcomtrade, FPTS tổng hợp

Tiêu chí	Trung Quốc	Đức/Nhật Bản
Tỷ lệ tự động hóa	Trung bình	Cao
Tính linh hoạt của nguyên liệu đầu vào*	Trung bình	Cao
Tiết kiệm năng lượng	Thấp	Cao
Giá bán	Thấp	Cao

*một dây chuyền có thể hoạt động được với nhiều loại nguyên liệu nhựa đầu vào khác nhau

Nguồn: PlasticInsight, FPTS tổng hợp

Trong năm 2017, 42% giá trị dây chuyền, máy móc sản xuất nhập khẩu của ngành nhựa Việt Nam đến từ Trung Quốc. Màng nhựa bao bì – màng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu của ngành nhựa Việt Nam chủ yếu sử dụng dây chuyền máy móc với công nghệ của Trung Quốc. Màng nhựa bao bì là màng sản phẩm có giá trị gia tăng và biên lợi nhuận tương đối thấp so với các màng sản phẩm còn lại của ngành nhựa vì vậy dây chuyền sản xuất của Trung Quốc thường được ưu tiên sử dụng vì giá thành rẻ và chất lượng sản phẩm tương đương với dây chuyền Đức hoặc Nhật Bản.

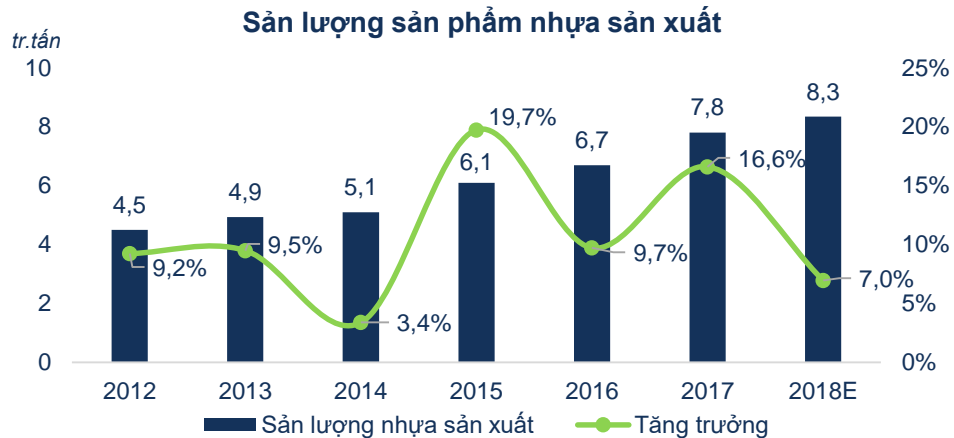
Dây chuyền, máy móc theo công nghệ của Hàn Quốc, Nhật Bản và Đức chiếm lần lượt 15%, 13% và 5% trong cơ cấu máy móc nhập khẩu của ngành nhựa Việt Nam. Công nghệ Hàn Quốc, Nhật Bản thường được sử dụng trong màng nhựa kỹ thuật còn đối với màng nhựa xây dựng, công nghệ Đức thường được ưu tiên lựa chọn. Nguyên nhân do:

- **Màng nhựa kỹ thuật:** (1) các sản phẩm linh kiện, phụ tùng của màng nhựa kỹ thuật yêu cầu tính chính xác cao và độ hoàn thiện tốt (2) các doanh nghiệp màng nhựa kỹ thuật của Việt Nam thường là nhà cung cấp linh kiện cho các doanh nghiệp FDI đến từ Hàn Quốc và Nhật Bản như Samsung, Honda hay Canon nên công nghệ sản xuất từ các quốc gia này thường được ưu tiên lựa chọn.
- **Màng nhựa xây dựng:** do các sản phẩm của màng nhựa xây dựng thường yêu cầu cao về độ chịu lực, tính đồng nhất của sản phẩm đầu ra cũng như tính linh hoạt của nguyên liệu đầu vào nên thường sử dụng dây chuyền, công nghệ ép đùn của các nước châu Âu như Đức hoặc Ý.

2.3. Đầu ra

2.3.1. Đặc điểm chung của ngành

Sản lượng sản phẩm nhựa đầu ra tăng trưởng có dấu hiệu chững lại



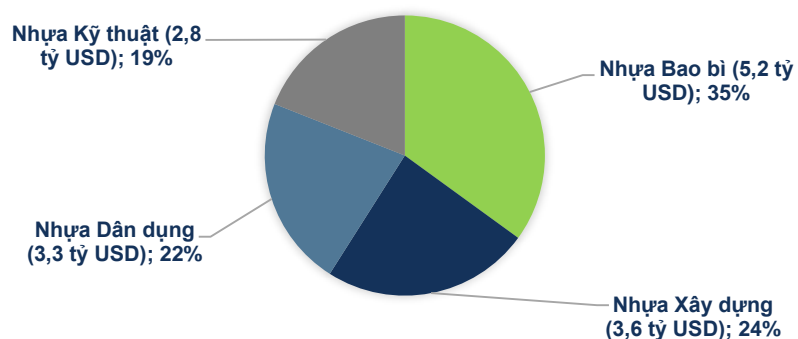
Nguồn: VPA, GSO, FPTS tổng hợp

Năm 2017, sản lượng sản xuất sản phẩm nhựa Việt Nam đạt khoảng 7,8 triệu tấn, tăng trưởng 16,6% yoy với động lực chủ yếu đến từ tăng trưởng của các ngành công nghiệp chế biến, ngành bán lẻ và tăng trưởng ngành xây dựng. Theo báo cáo của tổng cục thống kê, các ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng trưởng 17,8% và doanh thu bán lẻ từ đồ dùng dụng cụ gia đình tăng 8,5%. Đây là hai động lực tăng trưởng chính cho mảng nhựa bao bì và nhựa dân dụng trong năm 2017. Giá trị xây dựng trong năm 2017 tăng trưởng 8,7% so với năm 2016 cũng tạo động lực tăng trưởng đầu ra cho mảng nhựa xây dựng.

Năm 2018, ước tính tăng trưởng sản lượng nhựa sản xuất khoảng 7% so với năm 2017. Sản lượng nhựa sản xuất ước tính năm 2018 của ngành nhựa đạt khoảng 8,3 triệu tấn, tốc độ tăng trưởng giảm so với tốc độ tăng trưởng năm 2017 do tăng trưởng của cả hai ngành sản xuất chế biến và xây dựng đều chậm hơn so với năm 2017. Tăng trưởng ngành sản xuất chế biến và giá trị xây dựng 9 tháng năm 2018 đều giảm so với năm 2017 lần lượt ở mức 12,6% và 8,6%. Bên cạnh đó việc giá nguyên liệu nhựa trung bình tăng 3,7% trong năm 2018 ảnh hưởng tiêu cực đến biên lợi nhuận chung của ngành cũng khiến việc tăng trưởng sản lượng trở nên khó khăn hơn với các doanh nghiệp trong ngành.

Màng nhựa bao bì chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị của ngành

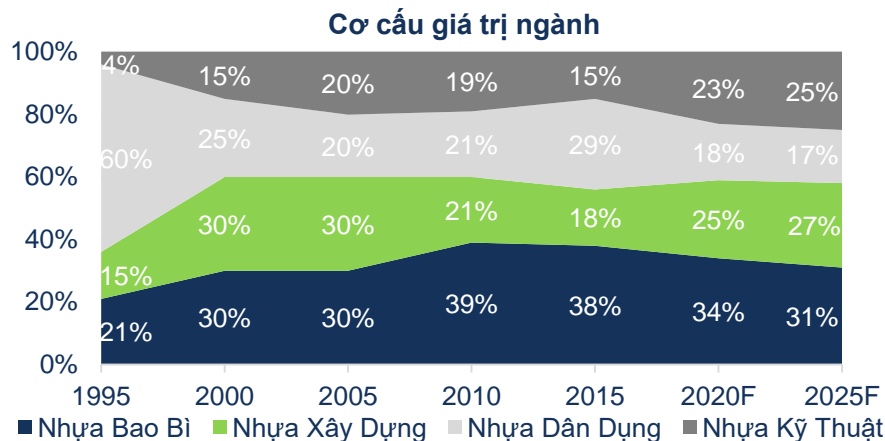
CƠ CẤU GIÁ TRỊ NGÀNH NHỰA (2017)



Nguồn: VPA, FPTS Tổng hợp và ước tính

Theo số liệu thống kê từ Hiệp hội nhựa Việt Nam (VPA) và ước tính của FPT S, ngành nhựa Việt Nam năm 2017 có quy mô ước tính khoảng 15 tỷ USD, trong đó mảng sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất là mảng nhựa bao bì với giá trị khoảng 5,2 tỷ USD. Mảng nhựa bao bì cũng là mảng có số doanh nghiệp hoạt động nhiều nhất và tiêu thụ nguyên liệu nhiều nhất trong ngành nhựa Việt Nam. Quy mô của các mảng còn lại như nhựa xây dựng, nhựa dân dụng, nhựa kỹ thuật lần lượt là 3,6 tỷ USD (24%), 3,3 tỷ USD (22%) và 2,8 tỷ USD (19%). Mảng nhựa kỹ thuật, tuy chỉ chiếm 15% tổng số doanh nghiệp hoạt động trong ngành nhưng đóng góp đến 19% trong cơ cấu giá trị của ngành so đây là mảng sản phẩm có giá trị gia tăng tương đối cao so với các sản phẩm khác của ngành nhựa.

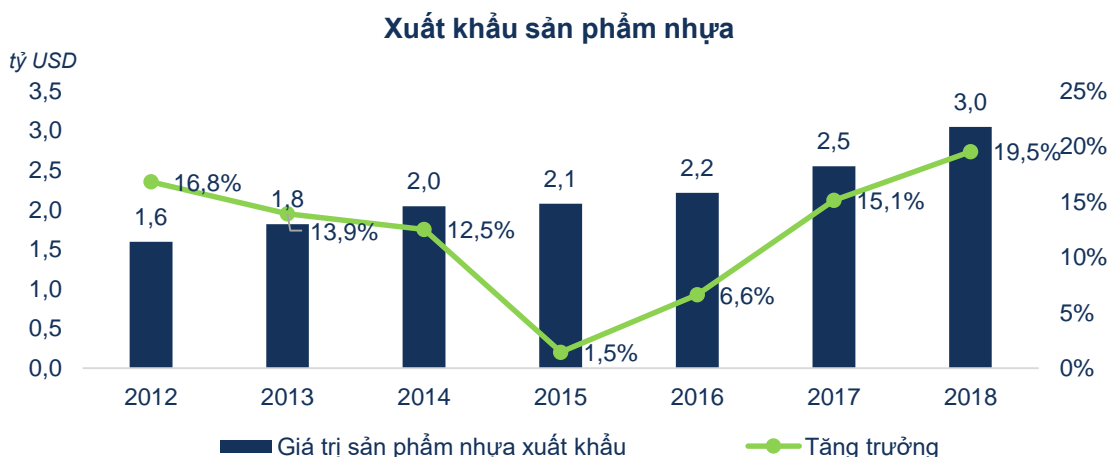
Xu hướng chuyển dịch từ mảng nhựa bao bì và nhựa dân dụng sang mảng nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật



Nguồn: Bộ Công Thương, FPT S Tổng hợp

Trong giai đoạn 2005 – 2015, trong cơ cấu giá trị của ngành nhựa Việt Nam, hai mảng nhựa dân dụng và nhựa bao bì đều chiếm từ 56% đến 60%. Trong giai đoạn từ 2015 – 2017, cơ cấu giá trị ngành nhựa Việt Nam đang có xu hướng chuyển dịch từ các mảng có giá trị gia tăng thấp như mảng nhựa bao bì và mảng nhựa dân dụng sang các mảng sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn như nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật. Trong cơ cấu giá trị ngành năm 2017, mảng nhựa xây dựng có giá trị khoảng 3,6 tỷ USD, tăng 60% yoy, chiếm 24% và mảng nhựa kỹ thuật có giá trị khoảng 2,8 tỷ USD, tăng 50% yoy và chiếm 19%. Theo quy hoạch phát triển ngành (QĐ/2992 – BCT), hai mảng nhựa xây dựng và nhựa dân dụng được kỳ vọng sẽ đóng góp lần lượt 27% và 25% trong cơ cấu giá trị ngành nhựa năm 2025.

Xuất khẩu của ngành nhựa Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh



Nguồn: Tổng cục Hải Quan, FPT S Tổng hợp

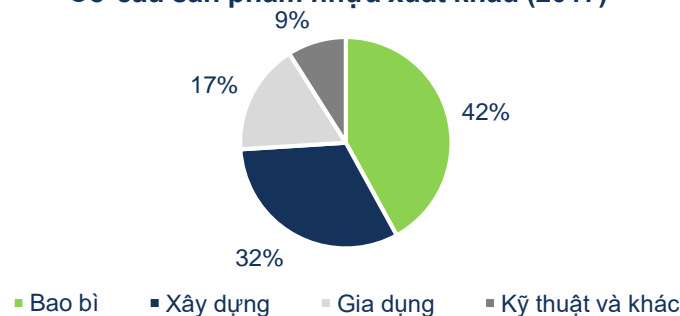
Giá trị sản phẩm nhựa xuất khẩu của Việt Nam liên tục tăng trưởng trong giai đoạn 2012 – 2017 với tốc độ tăng trưởng bình quân một năm đạt 9,3%. Giá trị xuất khẩu sản phẩm nhựa năm 2017 ước đạt 2,5 tỷ USD tăng trưởng 15,1% so với năm 2016 và chiếm 16,7% trong cơ cấu giá trị của ngành nhựa Việt Nam.

Năm 2018, giá trị xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh 19,5% so với năm 2017 (vượt mức kỳ vọng 13% của chúng tôi) đạt khoảng 3,0 tỷ USD. Trong giai đoạn 2017 – 2018, giá trị xuất khẩu các sản phẩm nhựa liên tục tăng trưởng mạnh nguyên nhân do Việt Nam có lợi thế cạnh tranh về giá thành sản phẩm đến từ:

- Khả năng tiếp cận với nguồn nguyên liệu tái chế giá rẻ: do chính sách quản lý về môi trường chưa chặt chẽ, ngành tái chế rác nhựa ở Việt Nam tương đối phát triển. Đây là nguồn cung cấp nguyên liệu tái chế (chủ yếu là PE, PP) cho màng nhựa bao bì – màng chiếm tỷ trọng lớn nhất và cũng là mảng tăng trưởng ổn định nhất trong cơ cấu xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam.
- Chi phí nhân công giá rẻ: chi phí nhân công chiếm tỷ 7 – 10% trong cơ cấu chi phí sản xuất của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nhựa. Vì vậy lợi thế từ nhân công giá rẻ cũng tạo lợi thế cạnh tranh của Việt Nam tại thị trường thế giới.

Màng nhựa bao bì chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản phẩm nhựa xuất khẩu của Việt Nam

Cơ cấu sản phẩm nhựa xuất khẩu (2017)

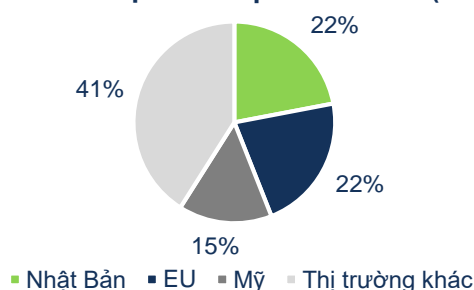


Nguồn: VPA, FPTSS tổng hợp

Trong cơ cấu sản phẩm nhựa xuất khẩu của Việt Nam, màng nhựa bao bì và màng nhựa xây dựng là hai mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất. Màng nhựa bao bì gồm các sản phẩm chính là túi ni lông, bao bì màng mỏng còn màng nhựa xây dựng chủ yếu bao gồm các sản phẩm tấm nhựa, màng nhựa PVC và vải bạt nhựa. Các sản phẩm nhựa xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là các sản phẩm bao bì, túi ni lông, màng nhựa với giá trị gia tăng tương đối thấp. Nguyên nhân do, ngành nhựa Việt Nam chỉ có lợi thế cạnh tranh về chi phí tại các thị trường xuất khẩu với các sản phẩm nhựa ở phân khúc thấp và tương đối đơn giản như nhựa bao bì. Còn đối với các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như nhựa kỹ thuật thì tỷ trọng trong cơ cấu sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam còn rất thấp chỉ khoảng 9% trong năm 2017.

Nhật Bản, EU và Mỹ là ba thị trường xuất khẩu chính của ngành nhựa Việt Nam

Cơ cấu sản phẩm nhựa xuất khẩu (2017)



Nguồn: Tổng cục Hải Quan, FPTSS Tổng hợp

Nhật Bản, EU và Mỹ là ba thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của ngành nhựa Việt Nam, chiếm đến 59% trong kim ngạch xuất khẩu của ngành. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa sang hai thị trường là Nhật Bản và EU ước đạt lần lượt 566 triệu và 564 triệu USD trong năm 2017 chiếm khoảng 22% mỗi thị trường trong cơ cấu giá trị sản phẩm nhựa xuất khẩu.

2.3.2. Đặc thù đầu ra của mảng nhựa bao bì và nhựa xây dựng

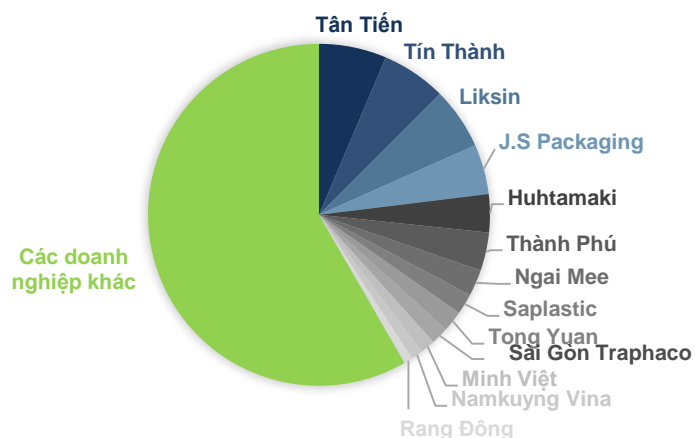
2.3.2.1. Màng nhựa Bao bì

Mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp nhựa bao bì chủ yếu là mô hình B2B (Business to Business): Sản phẩm đầu ra của màng nhựa bao bì chia làm 4 nhóm chính là bao bì màng mỏng, bao bì màng phức, chai PET và chai non – PET. Khách hàng của các doanh nghiệp nhựa bao bì chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống, các doanh nghiệp ngành hàng tiêu dùng nhanh (FMCG), các doanh nghiệp bán lẻ được chia làm bốn nhóm chính là:

Thực phẩm – khách hàng của các doanh nghiệp bao bì màng phức		
Masan Consumer	AceCook	Ajinomoto Việt Nam
Orion Việt Nam	Micoem	Vifon
Đồ uống – khách hàng của các doanh nghiệp sản xuất chai PET và non – PET		
Coca Cola	Suntory Pepsico	Nestle
Tân Hiệp Phát	Urc Việt Nam	
Bán lẻ - khách hàng của các doanh nghiệp bao bì màng mỏng, túi ni lông		
BigC	Vinmart	Circle K
Các doanh nghiệp sản xuất khác (bao bì dệt PP, các loại bao bì nhựa khác)		

Thị trường màng nhựa bao bì rất phân mảnh

THỊ PHẦN BAO BÌ MÀNG PHỨC 2017



Nguồn: FPTTS Tổng hợp

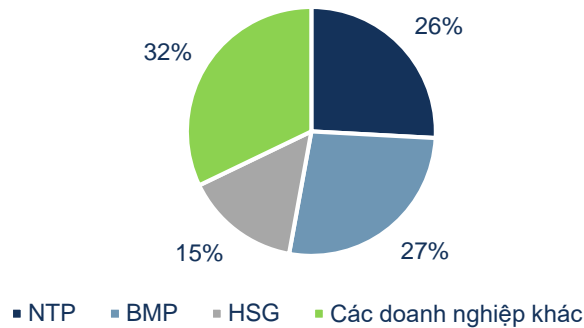
Sản phẩm của các doanh nghiệp nhựa bao bì có giá trị gia tăng tương đối thấp, không có quá nhiều khác biệt cả về sản phẩm lẫn công nghệ sản xuất. Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong mảng nhựa bao bì lên đến 1.353 doanh nghiệp trong đó phân khúc bao bì màng mỏng chủ yếu tập trung các doanh nghiệp nhỏ và hộ gia đình. Đối với phân khúc bao bì màng phức, thị trường cũng phân mảnh với 13 doanh nghiệp lớn nhất (chiếm từ 1% thị phần trở lên) nắm giữ khoảng 41,7% thị phần.

2.3.2.2. Màng nhựa Xây dựng

Mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp nhựa xây dựng chủ yếu là mô hình B2C (Business to Customer): Sản phẩm chủ yếu của các doanh nghiệp nhựa xây dựng là các loại ống nước, cửa nhựa, tấm trần, sản phẩm phục vụ cho xây dựng hoàn thiện.

Thị trường màng nhựa xây dựng tương đối tập trung

Thị phần ống nhựa 2018



Nguồn: FPTIS Tổng hợp

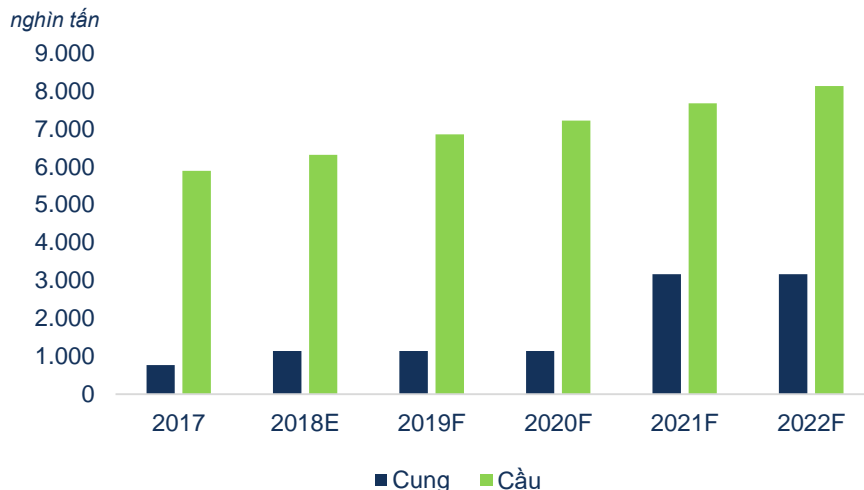
Các sản phẩm nhựa xây dựng có giá trị gia tăng cao hơn và khác biệt về các sản phẩm cũng rõ ràng hơn. Khác với các doanh nghiệp nhựa bao bì, các doanh nghiệp nhựa xây dựng hoàn toàn có thể tạo lập thương hiệu cho mình và thực hiện marketing sản phẩm. Vì đặc thù sản phẩm tương đối công kênh, chi phí vận chuyển lớn nên các doanh nghiệp nhựa xây dựng chủ yếu cạnh tranh theo vùng và thông qua hệ thống đại lý. So với các thị trường màng nhựa bao bì, thị trường màng nhựa xây dựng tương đối tập trung. Điển hình là thị trường ống nhựa Việt Nam, hai doanh nghiệp đầu ngành là nhựa Tiền Phong và nhựa Bình Minh chiếm đến 53% thị phần năm 2018.

IV. Cung cầu ngành nhựa Việt Nam

1. Cung cầu nguyên liệu nhựa

Cung nguyên liệu nhựa được cải thiện rõ rệt tuy nhiên ngành nhựa Việt Nam vẫn phải phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu

Cung cầu nguyên liệu nhựa Việt Nam



Nguồn: S&P Global Platts, FPTIS Tổng hợp

Nhu cầu nguyên liệu nhựa của Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ trung bình 6,6% một năm giai đoạn 2017 – 2022. Theo dự báo của S&P Global Platts, nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu nhựa nguyên sinh của Việt Nam được dự báo ở mức 8,1 triệu tấn vào năm 2022. Hiện tại chỉ số tiêu thụ nguyên liệu nhựa bình quân đầu người của Việt Nam vẫn còn tương đối thấp so với các nước trong khu vực như Thái Lan, Trung Quốc. Tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người cùng với đó là tăng trưởng xây dựng dân dụng cũng như xây dựng hạ tầng là động lực tăng trưởng cầu nguyên liệu nhựa của ngành nhựa Việt Nam.

Cung nguyên liệu nhựa được cải thiện rõ rệt trong năm 2018 và được kỳ vọng sẽ phát triển mạnh trong giai đoạn 2020 – 2021. Công suất sản xuất nguyên liệu nhựa của Việt Nam trong năm 2017 là 771 nghìn tấn/năm thì đến năm 2018 đã tăng lên 1,1 triệu/năm sau khi nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn đi vào hoạt động. Nhà máy Nghi Sơn cung cấp thêm khoảng 370 nghìn tấn PP/năm vào công suất sản xuất nguyên liệu nhựa của Việt Nam năm 2018. Năm 2019, hai dự án hóa dầu lớn nữa cũng chính thức được cấp phép và khởi công xây dựng đó là dự án hóa dầu Long Sơn và dự án hóa dầu Hyosung. Hiện tại hai dự án này đang trong quá trình xây dựng và nếu đúng theo kế hoạch hoạt động có thể giúp cải thiện năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa của Việt Nam thêm khoảng 177% vào năm 2021.

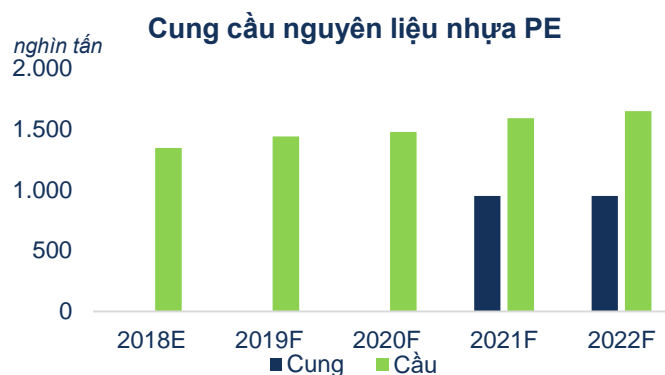
Nguyên liệu nhựa nguyên sinh của Việt Nam vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nguyên liệu nhập khẩu. Trong giai đoạn 2018 – 2021, các dự án hóa dầu đã đi vào hoạt động và các dự án đang xây dựng nếu đi vào hoạt động sẽ giúp cải thiện rõ rệt năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa nguyên sinh của Việt Nam. Tuy nhiên với quy mô hạ nguồn của ngành nhựa hiện nay và tốc độ tăng trưởng nhu cầu nguyên liệu thì vẫn chưa đủ. Năm 2018, nhà máy hóa dầu Nghi Sơn đi vào hoạt động giúp tỷ lệ nguyên liệu nhập khẩu được dự báo sẽ giảm còn 83% trong năm 2019. Năm 2021, trong trường hợp hai dự án là Long Sơn và Hyosung hoạt động tối đa công suất, tỷ lệ nhập khẩu nguyên liệu nhựa của Việt Nam vẫn ở mức cao, khoảng 59%.

Các dự án nhà máy hóa dầu triển vọng trong tương lai

Dự án	Nguyên liệu	Sản phẩm	Công suất (tấn/năm)	Năm hoạt động	Trạng thái
Lọc hóa dầu Long Sơn	Dầu thô	PP, PE	1.410.000	2020	Đang xây dựng
Dự án hóa dầu Hyosung	Dầu thô	PP	600.000	2020	Đang xây dựng
Dung Quất mở rộng GD 1	Dầu thô	PP	15.000	2021	Kế hoạch
Dung Quất mở rộng GD 2	Khí thiên nhiên	Methanol	N/A	2035	Kế hoạch
PVGas Bà Rịa Vũng Tàu	Khí thiên nhiên	PP	400.000	2021	Kế hoạch
PVGas Bà Rịa Vũng Tàu	Khí thiên nhiên	Ethane	120.000	2021	Kế hoạch

Nguồn: S&P Global Platts, VPA, FPTTS Tổng hợp

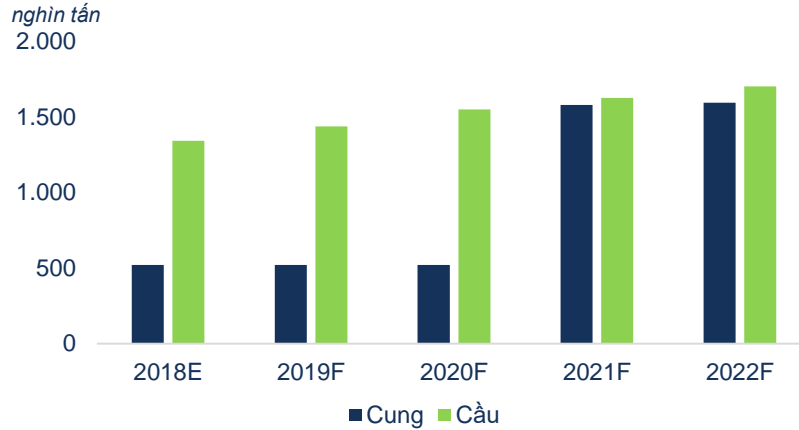
Cung cầu một số loại nguyên liệu nhựa chính



Nguồn: S&P Global Platts, FPTTS Tổng hợp

Nguyên liệu nhựa PE của ngành nhựa Việt Nam vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào nhập khẩu cho đến năm 2021. Theo dự báo của S&P Global Platts, nhu cầu tiêu thụ PE của Việt Nam được dự báo ở mức 1,6 triệu tấn tương đương với mức tăng trưởng bình quân khoảng 5,2% giai đoạn 2018 – 2022. Trong khi nhu cầu tiêu thụ PE trong nước vẫn tăng trưởng tương đối ổn định, năng lực sản xuất PE của ngành nhựa Việt Nam hiện tại vẫn chỉ là con số không. Trong tương lai, chỉ có duy nhất một dự án hóa dầu đang trong quá trình triển khai là dự án Long Sơn có PE trong cơ cấu sản phẩm của mình. Trong trường hợp dự án hóa dầu Long Sơn đi vào hoạt động đúng kế hoạch cuối năm 2020 và hoạt động tối đa công suất thì vào năm 2021, dự báo nguồn cung PE trong nước sẽ đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu tiêu thụ.

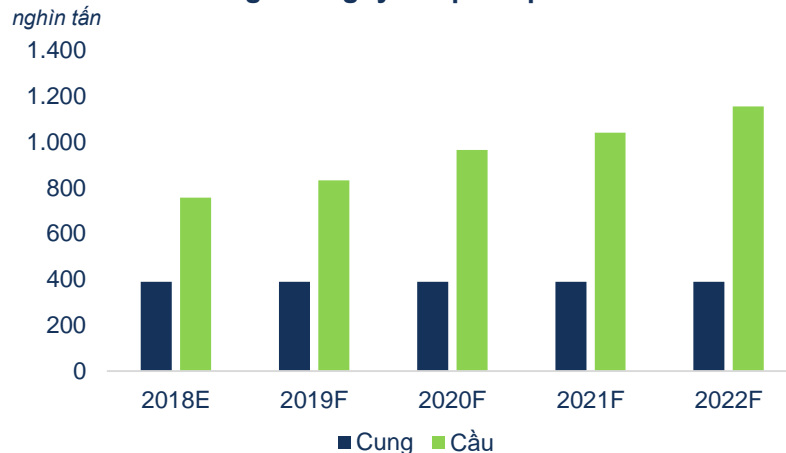
Cung cầu nguyên liệu nhựa PP



Nguồn: S&P Global Platts, FPTTS Tổng hợp

Cung nguyên liệu nhựa PP được kỳ vọng sẽ đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ vào năm 2021. Nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu nhựa PP được kỳ vọng sẽ ở mức 1,7 triệu tấn vào năm 2022 tương đương với mức tăng trưởng CAGR = 6,1% giai đoạn 2018 – 2022. Trong giai đoạn 2017 – 2019, năng lực sản xuất PP của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể sau khi dự án hóa dầu Nghi Sơn đi vào hoạt động trong năm 2018 với công suất 370 nghìn tấn PP một năm. Hai dự án hóa dầu lớn đang được triển khai của Việt Nam là dự án hóa dầu Long Sơn và dự án hóa dầu Hyosung cũng sản xuất PP với công suất lần lượt là 460 nghìn tấn/năm và 600 nghìn tấn/năm. Theo đúng kế hoạch, hai dự án này được kỳ vọng sẽ giúp năng lực sản xuất PP của ngành nhựa Việt Nam tăng gấp khoảng 3 lần và đáp ứng được khoảng 97% nhu cầu tiêu thụ PP trong nước vào năm 2021.

Cung cầu nguyên liệu nhựa PVC



Nguồn: S&P Global Platts, FPTTS Tổng hợp

Nhu cầu tiêu thụ PVC tiếp tục tăng trưởng trong khi năng lực sản xuất PVC của Việt Nam không được cải thiện. Trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa và nhu cầu xây dựng của Việt Nam vẫn tăng trưởng ổn định, nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu PVC phục vụ cho mảng nhựa xây dựng được dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ trung bình 11,1% một năm giai đoạn 2018 – 2022 và đạt khoảng 1,2 triệu tấn vào năm 2022. Trong khi đó, năng lực sản xuất PVC của Việt Nam trong giai đoạn này gần như không thay đổi với chỉ hai nhà sản xuất là TPC Vina và AGC Chemicals Việt Nam có tổng công suất khoảng 390 nghìn tấn/năm. Nhu cầu tiêu thụ PVC trong nước đến năm 2021 được dự báo vẫn phải phụ thuộc đến 66% vào nhập khẩu.

2. Cung cầu sản phẩm nhựa

2.1. Màng nhựa Bao bì:

	2016	2017	2018E	2019F	2020F	2021F	2022F
Chi tiêu hộ gia đình	2.469.038	2.735.129	3.034.872	3.396.823	3.801.942	4.253.346	4.756.075
Tăng trưởng thực (%)	5,64%	7,25%	7,26%	7,13%	7,13%	7,12%	7,12%
Thực phẩm (tỷ VND)	468.997	519.023	575.369	643.400	719.538	804.370	898.842
Tăng trưởng (%)	8,22%	10,67%	10,86%	11,82%	11,83%	11,79%	11,74%
Đồ uống không cồn	37.002	41.050	45.610	51.116	57.277	64.142	71.787
Tăng trưởng (%)	8,45%	10,94%	11,11%	12,07%	12,05%	11,99%	11,92%

Nguồn: BMI Research

Tăng trưởng chi tiêu cho thực phẩm và đồ uống không cồn sẽ là động lực tăng trưởng chính cho mảng nhựa bao bì trong giai đoạn 2019 – 2022. Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm nhựa bao bì chủ yếu phụ thuộc vào tăng trưởng của các ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống và thu nhập, chi tiêu của hộ gia đình nói chung. Theo BMI dự báo, chi tiêu hộ gia đình sẽ ở mức khoảng 3,3 triệu tỷ đồng năm 2019 và 4,7 triệu tỷ đồng trong năm 2022. Trong đó chi tiêu cho thực phẩm và đồ uống không cồn vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất khoảng 20% tổng chi tiêu hộ gia đình. Tốc độ tăng trưởng của hai mảng thực phẩm và đồ uống không cồn được kỳ vọng sẽ tăng trưởng lần lượt 11,8% và 12% một năm giai đoạn 2019 - 2022. Đây là động lực chính cho tăng trưởng của các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm và đồ uống đầu ra của mảng nhựa bao bì.

2.2. Màng nhựa Xây dựng:

Tăng trưởng	2018E	2019F	2020F	2021F	2022F
Nhà ở	7,40%	5,70%	6,20%	7,10%	7,70%
Nhà không để ở	5,80%	8,20%	7,50%	6,40%	5,30%
Hạ tầng nước	6,70%	7,70%	7,20%	7,20%	7,00%

Nguồn: BMI Research

Tăng trưởng của mảng nhựa xây dựng trong giai đoạn 2019 - 2022 chủ yếu đến từ tăng trưởng xây dựng nhà ở và xây dựng hạ tầng nước. Đầu ra của mảng nhựa xây dựng phục vụ chủ yếu cho ngành xây dựng và bất động sản. Trong năm 2019, tăng trưởng cả ngành xây dựng được kỳ vọng sẽ tăng trưởng khoảng 8%, chậm hơn so với mức tăng trưởng của năm 2018. Trong đó, tăng trưởng xây dựng nhà ở giảm chỉ còn 5,7% còn tăng trưởng nhà không để ở và hạ tầng nước tăng lên ở mức lần lượt là 8,2% và 7,7%. Giai đoạn 2019 – 2022, xây dựng nhà ở và xây dựng hạ tầng nước được dự báo sẽ tăng trưởng lần lượt 6,7% và 7,3% một năm.

V. Môi trường kinh doanh

1. Những cơ quan, hiệp hội tham gia quản lý ngành nhựa Việt Nam

- Bộ Công Thương: www.moit.gov.vn
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: www.mpi.gov.vn
- Bộ Tài nguyên và Môi trường: www.monre.gov.vn
- Hiệp hội nhựa Việt Nam: www.vpas.vn

2. Một số văn bản pháp lý, quy định ảnh hưởng lớn đến ngành nhựa Việt Nam

2.1. Quyết định 2992/QĐ – BCT:

Đây là quy hoạch phát triển của ngành nhựa Việt Nam được Bộ Công thương đề ra với ba mục tiêu chính là phát triển ngành với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, tăng dần tỷ trọng nguyên liệu trong nước để trở thành ngành công nghiệp tự chủ, sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng và thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu. Một số chỉ tiêu chính theo quy hoạch:

Chỉ tiêu	Giai đoạn 2016 – 2020	Giai đoạn 2021 - 2025
Tăng trưởng giá trị sản xuất toàn ngành	18,26%	16,52%
Tăng trưởng giá trị tăng thêm toàn ngành	12,11%	10,81%
Tỷ trọng ngành Nhựa so với toàn ngành Công nghiệp	5,5%	6,0%
Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành	14,87%	
Tổng vốn đầu tư xây dựng các dự án hóa dầu cung cấp nguyên liệu nguyên sinh cho ngành nhựa Việt Nam	530 triệu USD	2.400 triệu USD
Tổng vốn đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất nguyên liệu nhựa tái chế	60 triệu USD	
Tổng vốn đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất máy móc và khuôn mẫu cho ngành nhựa Việt Nam	140 triệu USD	

2.2. Nghị định 122/2016/NĐ – CP:

Nghị định 122/2016 của Chính phủ quy định biểu thuế quan ưu đãi dành cho nguyên liệu nhựa PP nhập khẩu vào Việt Nam cụ thể như sau:

Thời gian	Biểu thuế quan ưu đãi
Từ 01/09/2016 đến 31/12/2016	1%
Từ 01/01/2017 trở đi	3%

PP là một loại nguyên liệu nhựa chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguyên liệu nhập khẩu của Việt Nam hàng năm nên việc thuế nhập khẩu PP tăng từ 1% - 3% bắt đầu từ năm 2017 sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng sinh lời của các doanh nghiệp ngành nhựa, đặc biệt là các doanh nghiệp nhựa bao bì.

2.3. Công văn 5806/BTNMT – TCMT:

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 5 tháng đầu năm 2018, khối lượng phế liệu nhựa nhập khẩu đã tăng gần 200% so với cả năm 2017 sau khi Trung Quốc cấm nhập khẩu phế liệu nhựa để tái chế. Trong số đó tồn tại một số lô hàng không đạt đủ tiêu chuẩn phế liệu được phép nhập khẩu nên đã dẫn đến tình trạng ùn ứ không được thông quan tại cảng gây ảnh hưởng tiêu cực đến các doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu nhựa tái chế của Việt Nam. Để giải quyết vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có công văn trả lời Hiệp hội Nhựa Việt Nam với các vấn đề chính như sau:

- Quy định rõ các loại phế liệu được phép nhập khẩu: Quyết định số 73/2014/QĐ-TTg và Thông tư số 08/2018/TT-BTNMT
- Tăng cường hoạt động cấp phép cho phế liệu nhựa nhập khẩu làm nguyên liệu tái chế: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT, Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT.

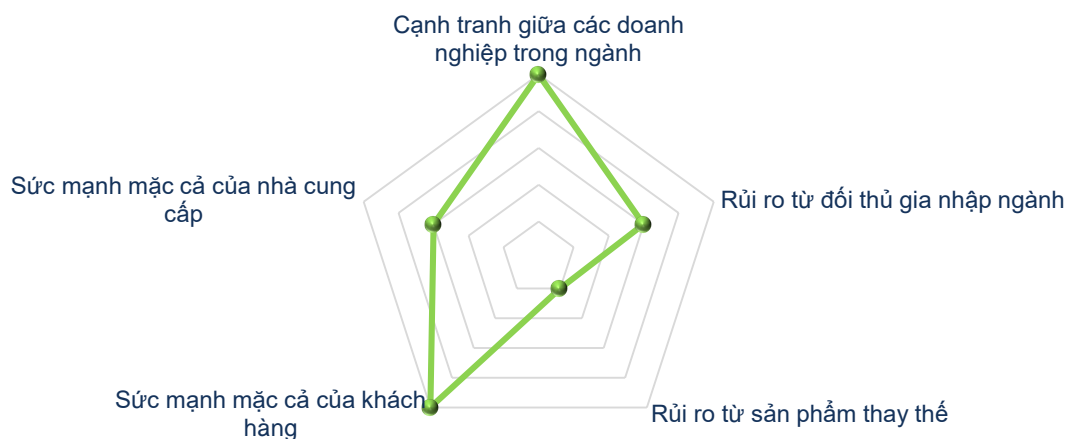
3. Các hiệp định thương mại ảnh hưởng lớn đến ngành Nhựa Việt Nam

Hiệp định	Thời gian ký	Trạng thái
Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)	26/02/2009	Đã đi vào hiệu lực
Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA)	09/11/2004	Đã đi vào hiệu lực
Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)	05/05/2015	Đã đi vào hiệu lực
Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA)	25/12/2018	Đã đi vào hiệu lực
Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA)	30/06/2019	Chờ Nghị viện Châu Âu thông qua

Nguồn: FPTTS Tổng hợp

Các hiệp định thương mại tự do trên đều bao gồm các đối tác thương mại quan trọng của ngành nhựa Việt Nam cả về nguyên liệu nhập khẩu cũng như sản phẩm nhựa xuất khẩu. Đối với nguyên liệu nhập khẩu, hầu hết các loại nguyên liệu nhựa nhập khẩu từ Hàn Quốc và các nước trong khối ASEAN – hai khu vực chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nhập khẩu của ngành nhựa Việt Nam sẽ được hưởng 0% thuế quan. Đối với xuất khẩu, Nhật Bản và Châu Âu là hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của ngành nhựa Việt Nam và tại cả hai thị trường này Việt Nam đều đã ký kết hiệp định thương mại tự do trong đó thuế quan dành cho các hàng hóa các sản phẩm nhựa đều sẽ giảm về 0%.

VI. Mức độ cạnh tranh trong ngành



Cạnh tranh trong ngành nhựa của Việt Nam ở mức cao. Nguyên nhân do ngành nhựa Việt Nam có rào cản gia nhập ngành tương đối thấp, thị trường phân mảnh nhất là đối với sản phẩm nhựa bao bì. Bên cạnh đó, sản phẩm của ngành nhựa Việt Nam không có quá nhiều khác biệt về mẫu mã cũng như chất lượng nên sức mạnh mặc cả của khách hàng là cao.

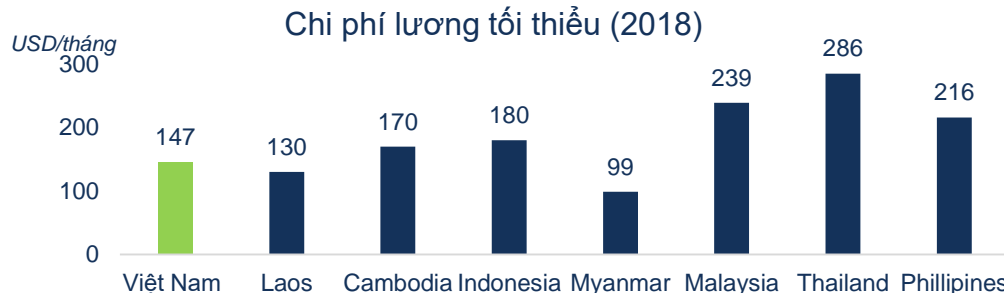
Yếu tố	Mức độ	Nhận định
Cạnh tranh giữa các công ty trong ngành	Cao	<p>Cạnh tranh trong ngành nhựa Việt Nam ở mức cao do:</p> <ul style="list-style-type: none"> (1) Số lượng doanh nghiệp lớn: ngành nhựa Việt Nam hiện có khoảng 3.300 doanh nghiệp đang hoạt động với quy mô toàn ngành ở mức 15 tỷ USD. (2) Sản phẩm không có quá nhiều khác biệt: công nghệ sản xuất của ngành nhựa Việt Nam tương đối đơn giản và chủ yếu là công nghệ Trung Quốc nên khác biệt về sản phẩm giữa các doanh nghiệp là không đáng kể (3) Thị trường màng nhựa bao bì phân mảnh (4) Thị trường nhựa xây dựng tập trung hơn tuy nhiên cạnh tranh vẫn mức cao do dư thừa công suất
Rủi ro từ đối thủ gia nhập ngành	Trung bình	<p>Rủi ro đến từ đối thủ mới gia nhập ngành ở mức trung bình do (1) chi phí vốn đầu tư ban đầu của ngành nhựa không lớn, công nghệ sản xuất cũng rất dễ dàng tiếp cận đặc biệt với màng nhựa bao bì (2) ngành nhựa là ngành có lợi thế về quy mô khi các doanh nghiệp có quy mô lớn có khả năng đàm phán với những đơn hàng lớn để có thể mua được nguyên liệu với giá cạnh tranh hơn</p>
Rủi ro từ sản phẩm thay thế	Thấp	<p>Rủi ro sản phẩm thay thế cho các sản phẩm nhựa rất thấp do nguyên liệu nhựa có rất nhiều lợi thế trước các loại nguyên liệu truyền thống khác như: trọng lượng nhẹ, độ bền hóa học cao và tính linh hoạt cao.</p>
Sức mạnh mặc cả của khách hàng	Cao	<p>Nguyên nhân do các sản phẩm nhựa khá tương đồng về chất lượng, chi phí chuyển đổi nhà cung cấp không cao. Đặc biệt với màng nhựa bao bì, sản phẩm không có khả năng xây dựng thương hiệu nên sức mạnh mặc cả của khách hàng càng cao.</p>
Sức mạnh mặc cả của nhà cung cấp	Trung bình	<p>Số lượng nhà cung cấp ít và năng lực sản xuất trong nước ít không đủ đáp ứng nhu cầu, tuy nhiên thị trường nguyên liệu nhựa là thị trường toàn cầu nên việc tiếp cận với các nguồn nguyên liệu nhựa nhập khẩu của ngành nhựa Việt Nam không quá khó. Bên cạnh đó, nguyên liệu nhựa là loại nguyên liệu có thể dự trữ dễ dàng và Việt Nam hiện tại cũng có các hiệp định thương mại tự do với các khu vực sản xuất nguyên liệu nhựa lớn. Vì vậy nên chúng tôi đánh giá sức mạnh mặc cả của nhà cung cấp đối với ngành nhựa Việt Nam ở mức trung bình.</p>

C. TRIỂN VỌNG NGÀNH NHỰA VIỆT NAM

I. Phân tích SWOT

1. Điểm mạnh

- Chi phí nhân công của Việt Nam tương đối rẻ với mức lương trung bình năm 2018 ở mức 147 USD/tháng thấp hơn khoảng 22% so với mức trung bình khu vực Đông Nam Á. Chi phí nhân công chiếm khoảng 9% trong cơ cấu chi phí sản xuất trung bình của ngành vì vậy nên chi phí nhân công rẻ là lợi thế đối với ngành nhựa Việt Nam.



Nguồn: ILO, FPT S tổng hợp

- Khả năng tiếp cận với nguồn nguyên liệu tái chế giá rẻ: do chính sách quản lý về môi trường chưa chặt chẽ, ngành tái chế rác nhựa ở Việt Nam tương đối phát triển. Đây là nguồn cung cấp nguyên liệu tái chế (chủ yếu cho màng nhựa bao bì).

2. Điểm yếu

- Năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa của ngành nhựa Việt Nam không đủ để đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trong nước. Bên cạnh đó, việc nguyên liệu nhựa nguyên sinh của phụ thuộc chủ yếu vào các nhà cung cấp nước ngoài dẫn đến việc các doanh nghiệp sản xuất phải chịu thêm rủi ro về tỷ giá.
- Ngành nhựa Việt Nam không thể sản xuất được dây chuyền, máy móc cũng như khuôn mẫu phục vụ cho việc sản xuất các sản phẩm nhựa, điều này sẽ làm giảm sự đa dạng của sản phẩm nhựa đầu ra.

3. Cơ hội

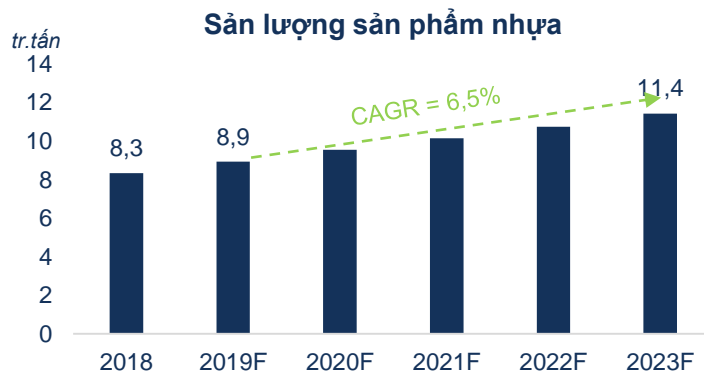
- Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng kinh tế ổn định kéo theo tăng trưởng thu nhập và chi tiêu hộ gia đình sẽ giúp tạo động lực phát triển cho màng nhựa bao bì và nhựa dân dụng. Xu hướng chuyển dịch sản xuất của các doanh nghiệp từ Trung Quốc sang Việt Nam sẽ tạo động lực cho tăng trưởng xây dựng dân dụng và cả hạ tầng. Ngoài ra xu hướng chuyển dịch sản xuất sang Việt Nam cũng là cơ hội để phát triển màng nhựa kỹ thuật, phục vụ cho các ngành công nghiệp chế tạo, lắp ráp.
- Các hiệp định tự do liên tục được đàm phán và ký kết tạo điều kiện cho ngành nhựa Việt Nam có thể (1) dễ dàng tiếp cận các nguồn nguyên liệu từ các khu vực trên thế giới trong bối cảnh nguyên liệu sản xuất trong nước không thể đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ (2) có khả năng mở rộng các thị trường xuất khẩu sản phẩm nhựa đặc biệt là thị trường Nhật Bản và EU.

4. Thách thức

- Ngành nhựa Việt Nam còn nhiều dư địa tăng trưởng vì vậy các doanh nghiệp ngành nhựa Việt Nam có nguy cơ phải đối mặt với sức cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp FDI đặc biệt là trong giai đoạn giá nguyên liệu nhựa đang ở mức tương đối thấp như hiện nay
- Xu hướng hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường cũng là một thách thức đối với ngành nhựa Việt Nam khi trong cơ cấu xuất khẩu của ngành, các sản phẩm bao bì truyền thống không thân thiện với môi trường chiếm tỷ trọng tương đối lớn.

II. Triển vọng ngành nhựa Việt Nam

1. Tăng trưởng ngành Nhựa được kỳ vọng sẽ duy trì trung bình ở mức 6,5% giai đoạn 2019 – 2023

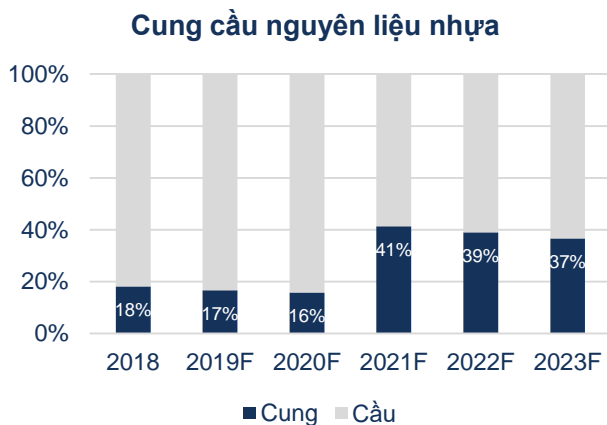


Nguồn: FPTS tổng hợp

Sản lượng sản xuất sản phẩm nhựa năm 2019 dự báo ở mức 8,9 triệu tấn, tăng trưởng 7,2% so với năm 2018. Tuy đã bước vào giai đoạn chững lại nhưng, ngành nhựa Việt Nam được kỳ vọng sẽ duy trì đà tăng trưởng trung bình 6,5% một năm giai đoạn 2019 – 2023 do:

- Theo BMI, tăng trưởng thu nhập và chi tiêu hộ gia đình được dự báo ở mức trung bình khoảng 7,1% giai đoạn 2019 – 2022. Trong đó tăng trưởng chi tiêu cho hai mảng thực phẩm và đồ uống không còn lần lượt ở mức 11,8% và 12,0%. Đây sẽ là động lực tăng trưởng chính cho mảng nhựa bao bì.
- Giai đoạn 2019 – 2022, xây dựng nhà ở và xây dựng hạ tầng nước được dự báo sẽ tăng trưởng lần lượt 6,7% và 7,3% một năm sẽ tạo động lực tăng trưởng cho mảng nhựa xây dựng.
- Xu hướng chuyển dịch sản xuất sang Việt Nam trong ngắn hạn cùng với đó là chính sách tập trung phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ của chính phủ sẽ tạo cơ hội phát triển cho mảng nhựa kỹ thuật trong tương lai.

2. Cải thiện năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa, giảm bớt phụ thuộc vào nhập khẩu

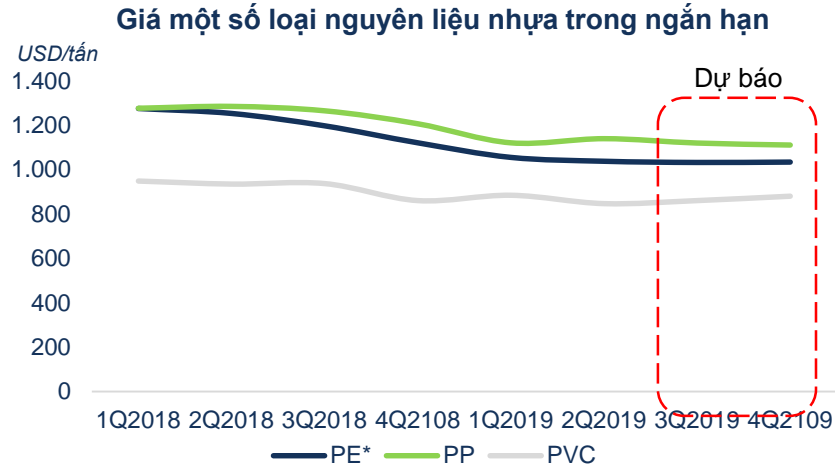


Nguồn: S&P Global Platts, FPTS Tổng hợp

Năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa trong nước được cải thiện giúp đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp hạ nguồn ngành nhựa. Năm 2018, nhà máy lọc dầu Nghi Sơn đi vào hoạt động với công suất thiết kế 370 nghìn tấn PP/năm giúp công suất thiết kế sản phẩm PP của Việt Nam tăng 246% và đáp ứng khoảng 50% nhu cầu PP trong nước. Trong năm 2018, cũng có hai dự án hóa dầu lớn được chính phủ phê duyệt và bước vào quá trình xây dựng đó là dự án hóa dầu Long Sơn và dự án hóa dầu HyoSung với sản phẩm chủ yếu vẫn là PP. Sau khi hoàn thành và đi vào hoạt động cuối năm 2020, sản lượng nguyên liệu nhựa được kỳ vọng sẽ đáp ứng được 41% nhu cầu nguyên liệu nhựa trong nước năm 2021.

3. Giá nguyên liệu nhựa duy trì xu hướng giảm trong ngắn hạn và ổn định hơn trong trung hạn

Trong ngắn hạn:

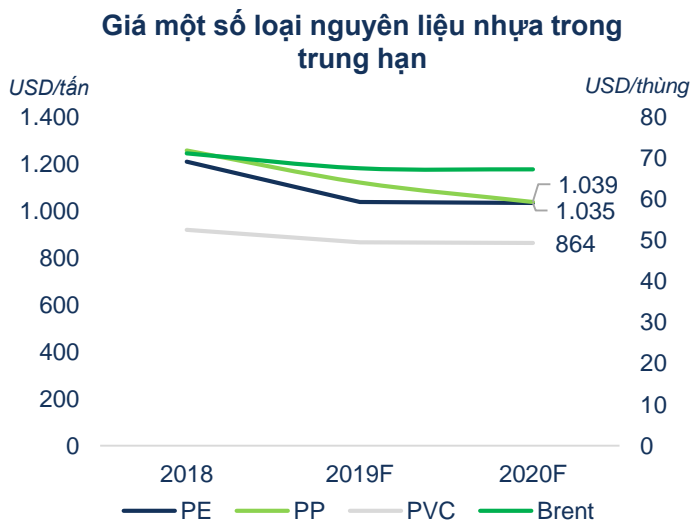


*giá PE trung bình được tổng hợp từ ba loại: HDPE, LDPE và LLDPE

Nguồn: Bloomberg, ICIS, FPTTS tổng hợp

Trong ngắn hạn, hai loại nguyên liệu là PE, và PP sẽ duy trì xu hướng giảm nhẹ do (1) Giá dầu vẫn duy trì ở mức tương đối thấp so với trung bình năm 2018, (2) các dự án hóa dầu trong khu vực Đông Nam Á bắt đầu đi vào hoạt động dẫn đến tình trạng dư thừa công suất trong ngắn hạn. Giá PE trong quý 3 và quý 4 năm 2019 được kỳ vọng sẽ ở mức trung bình khoảng 1.033 USD/tấn giảm nhẹ 1,2% so với nửa đầu năm 2019 và giảm 10,9% so với cùng kỳ năm 2018. Tương tự như PE, giá PP trung bình trong nửa cuối năm 2019 được dự báo ở mức 1.115 USD/tấn, giảm nhẹ 1,2% so với nửa đầu năm và giảm 9,8% so với cùng kỳ. Đối với PVC, giá bán tại khu vực Đông Nam Á đang có xu hướng giảm trong quý 2 năm 2019 do nhu cầu tăng trưởng tại thị trường Trung Quốc giảm nhẹ và thị trường Ấn Độ thay đổi chính sách thuế chống bán phá giá gây khó khăn việc xuất khẩu vào thị trường này. Tuy nhiên trong nửa cuối năm 2019, giá PVC được kỳ vọng sẽ ở mức 870 USD/tấn, tăng nhẹ 0,5% so với đầu năm và giảm 3,2% so với cùng kỳ do nhu cầu xây dựng tại Trung Quốc sẽ tăng trở lại trong giai đoạn cuối năm.

Trong trung hạn:



Nguồn: EIA, WB, FPTTS tổng hợp

Trong trung hạn, giá các loại nguyên liệu nhựa được kỳ vọng sẽ ổn định hơn do (1) sản lượng sản xuất các loại nguyên liệu nhựa đã gần như tối đa công suất thiết kế (trên 80%), (2) cung cầu các loại nguyên liệu nhựa trên thế giới đã bắt đầu bước vào giai đoạn cân bằng, (3) giá các loại nguyên liệu hóa thạch được dự báo sẽ ổn định hơn. Theo dự báo của WB và EIA, giá dầu thô Brent trong năm 2020 sẽ ở mức trung bình 67,4 USD/thùng giảm nhẹ 0,38% so với năm 2019. Giá các loại nguyên liệu nhựa PE, PP và PVC được kỳ vọng sẽ ở mức lần lượt 1.039 USD/tấn, 1.035 USD/tấn và 864 USD/tấn trung bình năm 2020, giảm nhẹ so với năm 2019.

4. Triển vọng từ hiệp định thương mại tự do EVFTA

Châu Âu là thị trường quan trọng, chiếm đến 22% trong cơ cấu giá trị xuất khẩu của ngành nhựa Việt Nam. Các sản phẩm bao bì nhựa của Việt Nam đã có lợi thế cạnh tranh tại thị trường EU với các sản phẩm bao bì nhựa từ các nước khác trong khu vực như Thái Lan, Trung Quốc do không bị đánh thuế chống bán phá giá từ 4 – 30% (EC Regulation 1425/2006). Sau khi EVFTA đi vào hiệu lực, thuế quan của hầu hết các sản phẩm nhựa xuất khẩu vào thị trường EU sẽ được gỡ bỏ. Đây sẽ là một lợi thế lớn để gia tăng sản lượng sản phẩm nhựa xuất khẩu của ngành nhựa Việt Nam với một thị trường quan trọng là EU. Hiện tại EVFTA đã hoàn tất ký kết vào tháng 6 năm 2019 và đang trong quá trình chờ Nghị viện Châu Âu phê duyệt. Dự kiến EVFTA sẽ có hiệu lực vào giai đoạn cuối năm 2019 và đầu năm 2020.

III. Khuyến nghị đầu tư vào ngành

1. Khuyến nghị đầu tư

- **Trong ngắn hạn (dưới 12 tháng) – KHẢ QUAN:** Chúng tôi đưa ra khuyến nghị khả quan cho ngành nhựa Việt Nam trong ngắn hạn do (1) tăng trưởng của ngành năm 2019 dự báo ở mức 7,2%; (2) năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa trong nước được cải thiện giúp giảm phụ thuộc vào nhập khẩu; (3) giá các loại nguyên liệu nhựa đang có xu hướng giảm trong ngắn hạn giúp các doanh nghiệp trong ngành có khả năng cải thiện biên lợi nhuận gộp; (4) hiệp định EVFTA đi vào hiệu lực trong nửa cuối năm 2019 kỳ vọng sẽ giúp các doanh nghiệp ngành nhựa mở rộng thị trường xuất khẩu EU
- **Trong trung và dài hạn (từ 2 – 5 năm và trên 5 năm) – THEO DÕI:** Trong trung và dài hạn, chúng tôi đưa ra khuyến nghị theo dõi cho ngành nhựa Việt Nam do (1) trong trung và dài hạn giá các loại nguyên liệu hóa thạch là dầu thô và khí thiên nhiên biến động rất khó dự đoán ảnh hưởng đến giá các loại nguyên liệu nhựa (2) xu hướng hạn chế sử dụng các loại bao bì không thân thiện với môi trường sẽ khiến các doanh nghiệp ngành nhựa phải thay đổi công nghệ sản xuất để hướng đến các sản phẩm thân thiện với môi trường hơn nếu không sẽ bị đào thải.

2. Rủi ro đầu tư ngành nhựa Việt Nam

- **Rủi ro biến động giá nguyên liệu nhựa:** Chi phí nguyên liệu nhựa chiếm khoảng 70% trong cơ cấu chi phí sản xuất của ngành nên biến động giá các loại nguyên liệu trên thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của ngành nhựa Việt Nam.
- **Rủi ro tỷ giá USD/VND:** Nguyên liệu nhựa nguyên sinh của ngành nhựa Việt Nam chủ yếu phụ thuộc vào nhập khẩu trong khi doanh thu đến từ thị trường xuất khẩu chỉ chiếm khoảng 14% cơ cấu giá trị của ngành. Vì vậy biến động tỷ giá USD/VND cũng sẽ ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành.

D. CẬP NHẬT CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH NHỰA VIỆT NAM
I. Quy mô của các doanh nghiệp ngành nhựa niêm yết

Sàn	Mảng	Doanh nghiệp	Vốn hóa (31/07/2019) (tỷ VND)	Doanh thu (2018) (tỷ VND)	Tổng tài sản (2018) (tỷ VND)
HSX		AAA	3064	8.012	7.529
HSX		RDP	302	1.552	1.772
Upcom		NNG	293	1.619	2.503
Upcom		TTP	291	1.717	1.248
HSX		TPC	237	714	662
HNX		VBC	134	932	486
HNX		TPP	130	780	738
HNX	Nhựa bao bì	SPP	118	1.105	1.176
HNX		BBS	65	483	429
HNX		BPC	57	316	219
HNX		PMP	57	448	238
HNX		STP	55	215	174
HNX		PBP	54	237	136
HNX		BXH	50	232	136
HNX		NHP	14	58	373
HSX		BMP	3.970	3.920	2.812
HNX		NTP	3.480	4.520	4.876
HNX	Nhựa xây dựng	DNP	1.470	2.181	6.671
HSX		DAG	355	1.555	1.380
HNX		DPC	66	66	41
Upcom	Nhựa kỹ thuật	NHH	604	1.029	527

Nguồn: Bloomberg, FPTIS Tổng hợp

II. Hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính

1. Cập nhật kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 của một số doanh nghiệp ngành nhựa niêm yết

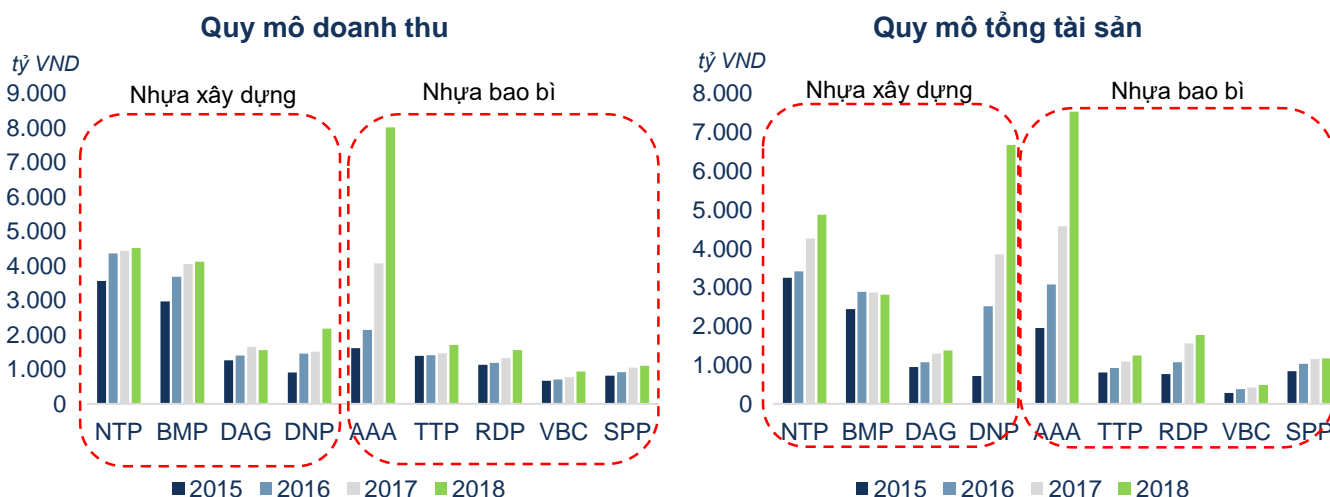
Doanh nghiệp	Doanh thu thuần 6T/2019	%yoy	Lợi nhuận gộp 6T/2019	%yoy	LNST 6T/2019	%yoy
NTP	2.489	+20%	775	+21%	219	+46%
BMP*	2.109	+16%	486	-5%	210	-7%
DAG	839	+9%	81	+4%	35	+6%
DNP	1.249	+39%	224	+65%	12	-59%
AAA	5.042	+39%	666	+109%	364	+227%
RDP	693	+14%	86	+32%	6	-36%
SPP	252	-55%	13	-76%	2	-65%
TTP	819	+3%	88	+22%	34	+26%
VBC	507	+11%	44	+1%	15	+35%

*điều chỉnh cho khoản chiết khấu bán hàng được BMP hạch toán trong giảm trừ doanh thu

Nguồn: FPTIS Tổng hợp

2. Một số chỉ tiêu tài chính

Quy mô doanh thu và tổng tài sản



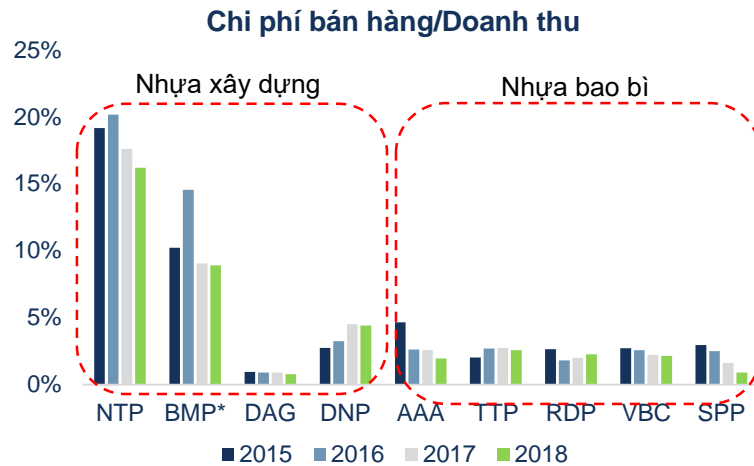
Nguồn: FPTIS Tổng hợp

Doanh thu của các doanh nghiệp nhựa xây dựng niêm yết như BMP và NTP có xu hướng đi ngang hoặc giảm nhẹ trong năm 2018 do áp lực cạnh tranh từ đối thủ mới gia nhập ngành ống nhựa. Đối với các doanh nghiệp mảng nhựa bao bì ngoại trừ AAA, doanh thu năm 2018 vẫn duy trì đà tăng trưởng tương đối tốt, trung bình khoảng 15%. Đối với AAA, giai đoạn 2016 – 2018 là giai đoạn doanh thu tăng trưởng rất mạnh do doanh nghiệp này đẩy mạnh mảng thương mại hạt nhựa. Doanh thu đến từ thương mại của AAA chiếm khoảng 50% trong cơ cấu doanh thu năm 2017 và 2018.

Quy mô tổng tài sản của các doanh nghiệp nhựa xây dựng niêm yết nhìn chung lớn hơn của các doanh nghiệp mảng nhựa bao bì. Trong giai đoạn 2015 – 2018, AAA và DNP là hai doanh nghiệp ngành nhựa có tốc độ tăng trưởng quy mô tài sản lớn nhất, trung bình khoảng 74% một năm. Nguyên nhân do (1) AAA trong giai đoạn này chuyển đổi cấu trúc hoạt động sang mô hình tập đoàn, đầu tư vào dự án An Phát Complex với mục tiêu mở

rộng theo chiều ngang (2) DNP liên tục mở rộng quy mô bằng cách đầu tư vào các công ty con thuộc ngành cấp thoát nước giúp tạo đầu ra cho sản phẩm ống nhựa của mình.

Chi phí bán hàng

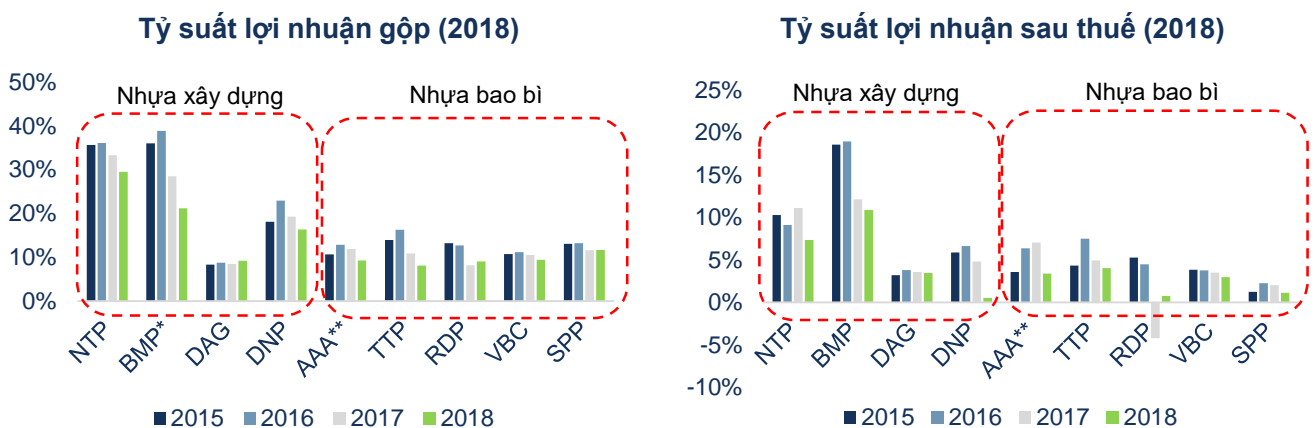


*điều chỉnh cho khoản chi phí chiết khấu được BMP hạch toán vào phần giảm trừ doanh thu

Nguồn: FPT S Tổng hợp

Tỷ lệ chi phí bán hàng/doanh thu của các doanh nghiệp mảng nhựa xây dựng cao hơn tương đối so với nhóm các doanh nghiệp nhựa bao bì. Ngoài DAG, các doanh nghiệp mảng nhựa xây dựng niêm yết có tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu trung bình ở mức 10%, đặc biệt tỷ lệ này lên đến 16% trong năm 2018 với trường hợp của nhựa Tiền Phong. Trong khi đó tỷ lệ chi phí bán hàng của các doanh nghiệp mảng nhựa bao bì chỉ ở mức từ 2 – 3% doanh thu. Nguyên nhân do, đầu ra của các doanh nghiệp mảng nhựa bao bì được sử dụng trong khâu đóng gói các sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất chế biến thực phẩm, đồ uống và đặc điểm, hình thức của sản phẩm bao bì cũng đều do yêu cầu của khách hàng quyết định. Vì vậy nên, khác với các doanh nghiệp nhựa xây dựng các doanh nghiệp mảng nhựa bao bì sẽ không phải chi phí cho các khoản như chiết khấu, marketing cho sản phẩm hay chi phí cho đại lý.

Tỷ suất lợi nhuận

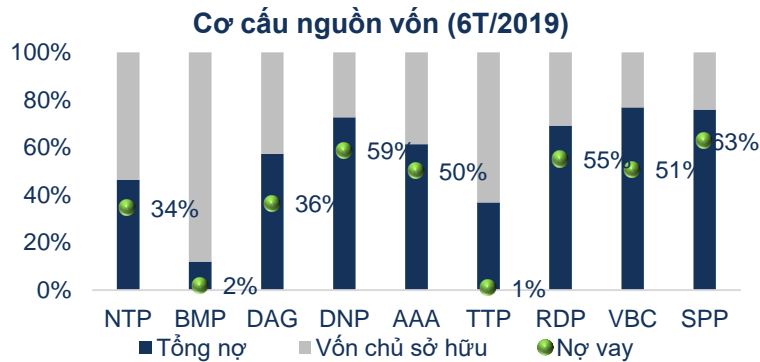


Nguồn: FPT S Tổng hợp

Tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp mảng nhựa xây dựng niêm yết lớn hơn so với mảng nhựa bao bì. Nhìn chung các doanh nghiệp mảng nhựa xây dựng có biên lợi nhuận gộp trung bình khoảng 19% cao hơn nhiều so với mức trung bình chỉ khoảng 9% của các doanh nghiệp mảng nhựa bao bì. Mặc dù chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu, nhưng tỷ suất lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp nhựa xây dựng

niêm yết vẫn lớn hơn so với các doanh nghiệp nhựa bao bì. Trong số các doanh nghiệp niêm yết của ngành nhựa, NTP và BMP vẫn là hai doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận sau thuế vượt trội so với ngành lần lượt ở mức 7% và 11% năm 2018. Nguyên nhân mảng nhựa xây dựng có tỷ suất lợi nhuận cao hơn so với mảng nhựa bao bì do (1) sản phẩm nhựa xây dựng có giá trị gia tăng cao hơn và có khả năng xây dựng thương hiệu so với các sản phẩm nhựa bao bì (2) thị trường mảng nhựa xây dựng tương đối tập trung hơn.

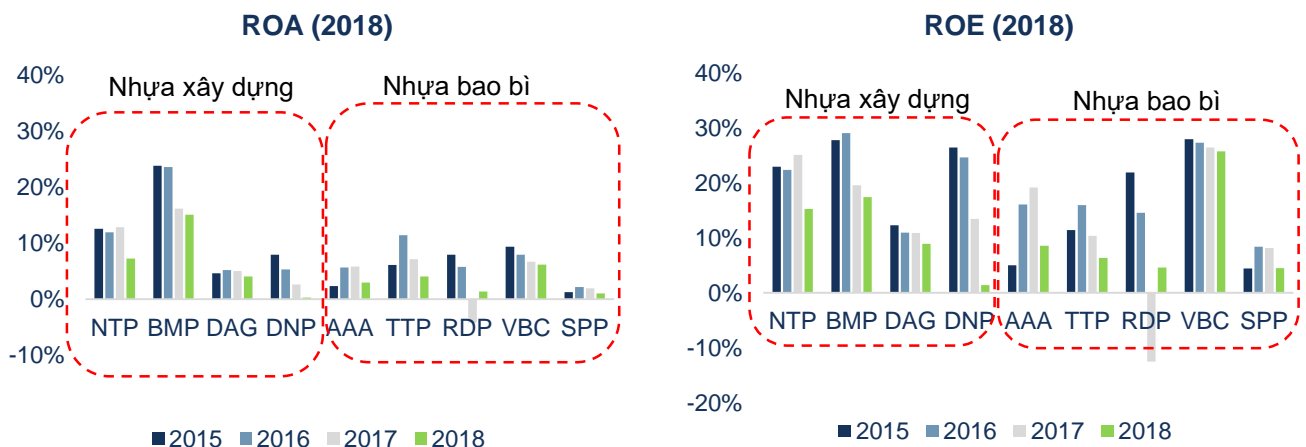
Cơ cấu nguồn vốn



Nguồn: FPTIS Tổng hợp

Tỷ lệ đòn bẩy D/E của các doanh nghiệp nhựa bao bì niêm yết tại thời điểm quý 2 năm 2019 trung bình ở mức 1,6 lần trong khi tỷ lệ này ở các doanh nghiệp nhựa xây dựng niêm yết chỉ ở mức 1,1 lần. Trong số các doanh nghiệp nhựa niêm yết, BMP và TTP là hai doanh nghiệp có cơ cấu vốn an toàn nhất với tỷ lệ D/E ở mức lần lượt 0,1 và 0,6 lần và tỷ lệ nợ vay trên tổng tài sản cũng ở mức dưới 2%. Các doanh nghiệp có cơ cấu vốn rủi ro hơn là DNP, RDP, VBC và SPP với tỷ lệ D/E trung bình ở mức 2,6 lần và tỷ lệ nợ vay ở mức cao từ 50 – 60% tổng tài sản.

Hiệu quả sử dụng vốn



Nguồn: FPTIS Tổng hợp

Nhìn chung, các doanh nghiệp mảng nhựa xây dựng niêm yết có mức ROE và ROA trung bình cao hơn các doanh nghiệp mảng nhựa bao bì do tỷ suất lợi nhuận của mảng nhựa xây dựng cao hơn mảng nhựa bao bì. Trong số các doanh nghiệp ngành nhựa niêm yết, BMP là doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn tốt nhất với ROA và ROE năm 2018 lần lượt ở mức 15% và 17%. Trong mảng nhựa bao bì, VBC có mức ROE rất cao lên đến 26% tuy nhiên nguyên nhân là do VBC sử dụng đòn bẩy tài chính cao với tỷ lệ D/E lên đến 3,3 lần trong năm 2018. ROA và ROE của các doanh nghiệp ngành nhựa niêm yết có xu hướng giảm trong giai đoạn 2016 – 2018 do tác động tiêu cực từ giá nguyên liệu nhựa trên thị trường thế giới khiến cho tỷ suất lợi nhuận của toàn ngành bị suy giảm.

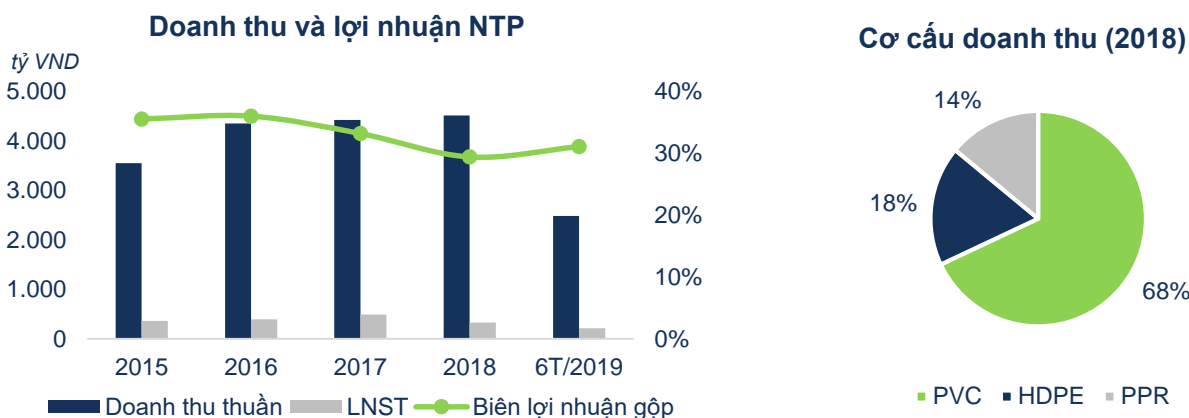
III. Một số doanh nghiệp niêm yết ngành nhựa Việt Nam

1. CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền phong (HNX: NTP)

Thông tin giao dịch (31/07/2019)		Cơ cấu cổ đông (31/07/2019)	
Giá hiện tại (VNĐ/cp)	39.000	SCIC	37,0%
Giá cao nhất 52 tuần (VNĐ/cp)	51.800	Sekisui Chemical	15,0%
Giá thấp nhất 52 tuần (VNĐ/cp)	33.300	Lê Thị Thúy Hải	7,0%
KLGD b/quân 30 ngày (cp/phiên)	33.024	Đặng Quốc Dũng	6,9%
EPS trailing (VNĐ/cp)	3.715	CTCP NTP miền Nam	5,7%
P/E trailing	10,50x	Cổ đông khác	28,4%

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của nhựa Tiền phong là sản xuất các loại ống nhựa PVC, HDPE và PPR được sử dụng chủ yếu trong xây dựng hoàn thiện. Hiện tại NTP có ba nhà máy hoạt động với công suất thiết kế 150 nghìn tấn ống nhựa một năm.



Doanh thu chủ yếu đến từ mảng ống nhựa dân dụng

Trong cơ cấu doanh thu của NTP năm 2018, doanh thu từ sản phẩm ống và phụ tùng PVC chiếm tỷ trọng lớn nhất với 68%. Sản phẩm ống PVC và PPR là hai nhóm sản phẩm phục vụ chủ yếu cho xây dựng dân dụng chiếm tổng cộng khoảng 82% trong cơ cấu doanh thu của NTP. Mảng ống và phụ tùng HDPE phục vụ cho xây dựng hạ tầng chiếm khoảng 18% trong cơ cấu doanh thu.

Duy trì vị thế dẫn đầu ngành ống nhựa miền Bắc

NTP là một trong hai doanh nghiệp đứng đầu ngành ống nhựa với thị phần lên đến 57% tại khu vực miền Bắc và 26% thị phần cả nước. NTP đạt được vị thế dẫn đầu tại khu vực miền Bắc do (1) hệ thống phân phối lớn nhất trong các doanh nghiệp ống nhựa và tập trung chủ yếu ở miền Bắc (2) cơ cấu sản phẩm đa dạng với lợi thế về các sản phẩm ống nhựa hạ tầng so với các doanh nghiệp trong ngành

Doanh thu và sản lượng tiêu thụ tăng trưởng chậm trong giai đoạn 2016 – 2018 do áp lực cạnh tranh từ đối thủ mới gia nhập ngành

Sản lượng tiêu thụ năm 2018 của NTP ước đạt 90.466 tấn tương đương với 60% CSTK và chỉ tăng trưởng 4,7% so với năm 2017. Doanh thu năm 2018 của NTP ước đạt 4.519 tỷ cũng chỉ tăng trưởng 2% so với năm

2017. Trong giai đoạn 2016 – 2018, doanh thu và sản lượng tiêu thụ của NTP tăng trưởng chậm lại nguyên nhân chủ yếu do áp lực cạnh tranh từ đối thủ mới gia nhập ngành là HSG.

Biên lợi nhuận gộp có xu hướng giảm trong giai đoạn 2016 – 2018 do giá nguyên liệu nhựa tăng

Biên lợi nhuận gộp của NTP trong giai đoạn này liên tục giảm từ 36% trong năm 2016 xuống còn 29% trong năm 2018 nguyên nhân chủ yếu do giá nguyên liệu nhựa PVC, HDPE và PP tăng. Bên cạnh đó việc tỷ giá USD/VND tăng trung bình khoảng 1,5% trong giai đoạn 2016 – 2018 cũng khiến biên lợi nhuận gộp của NTP bị ảnh hưởng do 100% nguyên liệu sản xuất của NTP phụ thuộc vào nhập khẩu. Biên lợi nhuận gộp của NTP trong nửa đầu năm 2019 có xu hướng tăng lên mức 31% do trong quý 2, giá PVC trên thị trường thế giới đã giảm khoảng 4,3% so với quý 1/2019.

Các yếu tố cần theo dõi

- **Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu:** Chi phí nguyên liệu chủ yếu là chiếm tỷ trọng lớn khoảng 47% tổng chi phí sản xuất của NTP nên biến động giá các loại nguyên liệu (chủ yếu là PVC) trên thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của NTP.
- **Rủi ro biến động tỷ giá:** 100% nguyên liệu sản xuất của NTP được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài và doanh thu của NTP chủ yếu là doanh thu trong nước nên biến động tỷ giá cũng sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của NTP.
- **Kế hoạch thoái vốn của SCIC:** NTP là một trong các doanh nghiệp nằm trong danh sách thoái vốn của NTP trong năm 2018. Hiện tại kế hoạch cụ thể về số lượng cũng như giá khởi điểm trong kế hoạch thoái vốn của NTP chưa được SCIC công bố cụ thể.
- **Dự án BĐS số 2 An Đà:** NTP hiện đang sở hữu khu BĐS tại số 2 An Đà nằm trên trục đường Lạch Tray của TP. Hải Phòng. Đây là khu nhà xưởng cũ diện tích khoảng 8.700 m² được chuyển đổi mục đích sử dụng và định hướng của NTP là sẽ tìm đối tác hợp tác để phát triển khu đất thành dự án BĐS khu căn hộ. Hiện tại dự án BĐS đã được thành phố cấp phép quy hoạch 1/500, với tổng mức đầu tư dự kiến là 2.000 tỷ đồng.

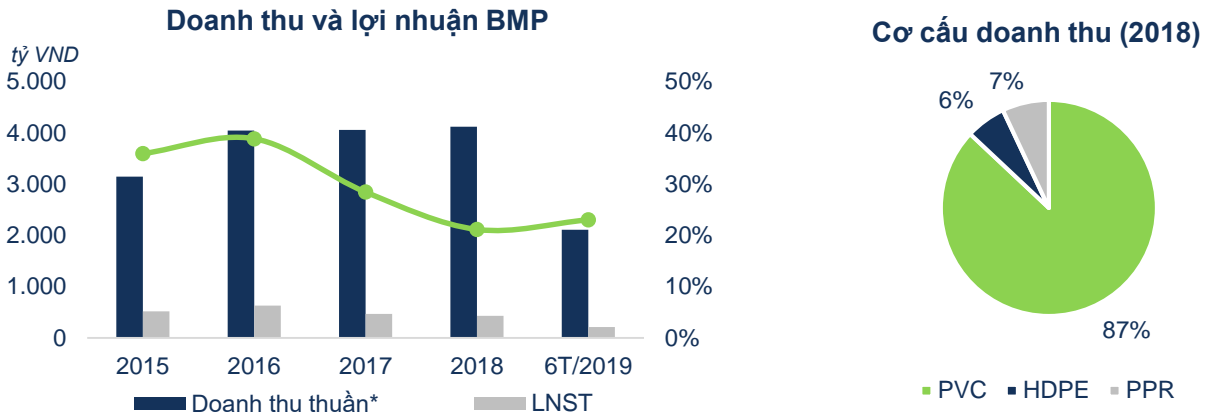
[\(Xem thêm báo cáo về NTP tại đây\)](#)

2. CTCP Nhựa Bình Minh (HSX: BMP)

Thông tin giao dịch (31/07/2019)		Cơ cấu cổ đông (31/07/2019)	
Giá hiện tại (VNĐ/cp)	48.500	Nawaplastic Industries	54,4%
Giá cao nhất 52 tuần (VNĐ/cp)	68.500	Templeton Frontier Markets Fund	7,2%
Giá thấp nhất 52 tuần (VNĐ/cp)	41.500	Viet Nam Holding Limited	1,8%
KLGD b/quân 30 ngày (cp/phiên)	205.877	Frontaura Global Frontier Fund	1,1%
EPS trailing (VNĐ/cp)	5.300	Nguyễn Hoàng Ngân	0,8%
P/E trailing	9,15x	Cổ đông khác	34,7%

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của nhựa Bình Minh cũng là sản xuất các loại ống nhựa PVC, HDPE và PPR được sử dụng chủ yếu trong xây dựng hoàn thiện. Hiện tại BMP có hai nhà máy hoạt động với công suất thiết kế 150 nghìn tấn ống nhựa một năm.



*điều chỉnh cho khoản chi phí chiết khấu được BMP hạch toán vào phần giảm trừ doanh thu

Doanh thu chủ yếu đến từ mảng ống nhựa dân dụng

Cũng giống như NTP, mảng ống nhựa dân dụng cũng đóng góp đến 94% doanh thu của BMP. Trong cơ cấu doanh thu của BMP năm 2018, doanh thu từ sản phẩm ống và phụ tùng PVC chiếm tỷ trọng lớn nhất với 87%. Sản phẩm ống PPR là chiếm khoảng 7% trong cơ cấu doanh thu của BMP còn mảng ống nhựa HDPE dùng trong xây dựng hạ tầng chỉ chiếm 6%.

Vị thế dẫn đầu ngành ống nhựa miền Nam và cả nước

BMP là doanh nghiệp đứng đầu thị phần ngành ống nhựa với 43% tại khu vực miền Nam và 27% thị phần cả nước. BMP đạt được vị thế dẫn đầu tại khu vực miền Nam do (1) hệ thống phân phối lớn thứ hai trong các doanh nghiệp ống nhựa và lớn nhất tại khu vực miền Nam (2) cơ cấu sản phẩm đa dạng hơn các đối thủ cạnh tranh chính tại khu vực miền Nam như HSG hay Stroman (3) lợi thế nhận diện thương hiệu hơn các đối thủ khi BMP là thương hiệu đầu tiên có mặt tại thị trường miền Nam.

Doanh thu và sản lượng tiêu thụ tăng trưởng chậm trong giai đoạn 2016 – 2018 do áp lực cạnh tranh trong ngành

Sản lượng tiêu thụ năm 2018 của BMP ước đạt 94.582 tấn tương đương với 63% CSTK và chỉ tăng trưởng 0,5% so với năm 2017. Doanh thu 2018 của BMP ước đạt 4.121 cũng chỉ tăng trưởng 2% so với năm 2017. Trong giai đoạn 2016 – 2018, doanh thu và sản lượng tiêu thụ của BMP tăng trưởng chậm lại nguyên nhân chủ yếu do áp lực cạnh tranh từ đối thủ mới gia nhập ngành ống nhựa miền Nam là HSG. Chính sách chiết khấu cao của HSG đã tạo áp lực khiến sản lượng tiêu thụ của BMP gần như không tăng trưởng trong năm 2018.

Biên lợi nhuận gộp có xu hướng giảm mạnh giai đoạn 2016 – 2018

Biên lợi nhuận gộp của BMP giảm từ 39% năm 2016 xuống còn 21% trong năm 2018, nguyên nhân do (1) giá nguyên liệu nhựa trên thị trường thế giới có xu hướng tăng trong giai đoạn 2016 -2018 (2) áp lực cạnh tranh đến từ HSG đặc biệt trong mảng ống nhựa dân dụng – mảng đóng góp 94% doanh thu của BMP, khiến cho BMP phải điều chỉnh giảm giá bán để duy trì thị phần. Trong nửa đầu năm 2019, với việc giá PVC giảm khoảng 4,3% trong quý 2 khiến biên lợi nhuận gộp của BMP được cải thiện lên mức 23%.

Các yếu tố cần theo dõi

- **Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu:** Chi phí nguyên liệu chủ yếu là chiếm tỷ trọng lớn khoảng 63% tổng chi phí sản xuất của BMP nên biến động giá các loại nguyên liệu (chủ yếu là PVC) trên thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của BMP.
- **Tình hình cạnh tranh tại thị trường ống nhựa miền Nam:** vị thế đứng đầu của BMP tại thị trường miền Nam đang bị đe dọa bởi các đối thủ mới đặc biệt là HSG. Bằng chính sách chiết khấu cao (đối với

sản phẩm uPVC: 35 – 40% so với 14 – 18% của NTP và BMP; đối với sản phẩm PPR: 67 – 69% so với 45 – 55% của NTP và BMP) sản lượng tiêu thụ của HSG trong năm 2018 đã tăng trưởng mạnh 58,07% đưa thị phần cả nước của HSG từ 10% trong năm 2017 lên 15% trong năm 2018. Trong giai đoạn tới nếu kế hoạch mở rộng công suất của HSG tại khu vực miền Nam được thực hiện sẽ đẩy cạnh tranh tại thị trường ống nhựa miền Nam tăng nhanh và gây ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của BMP.

- **Rủi ro phụ thuộc vào nhà cung cấp:** Hiện tại cả BMP và TPC Vina – nhà cung cấp 50% nguyên liệu PVC của BMP đều là thành viên của tập đoàn SCG Thái Lan. Chúng tôi cho rằng việc phụ thuộc vào nhà cung cấp là bên liên quan như TPC Vina có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro.

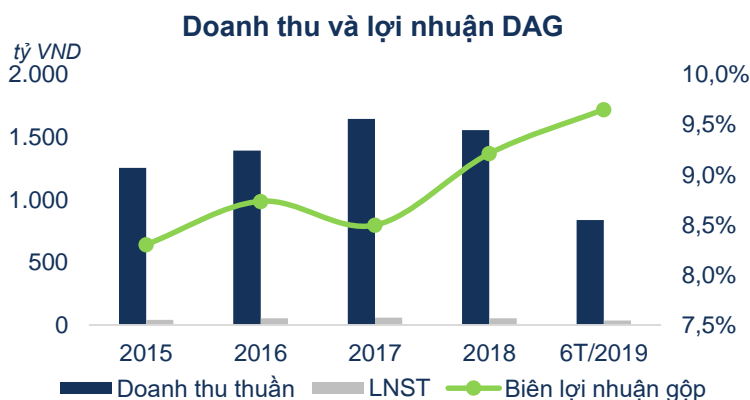
[\(Xem thêm báo cáo BMP tại đây\)](#)

3. CTCP Tập đoàn Nhựa Đông Á (HSX: DAG)

Thông tin giao dịch (31/07/2019)		Cơ cấu cổ đông (31/07/2019)	
Giá hiện tại (VNĐ/cp)	6.850	CTCP Đầu tư và Phát triển NBH	26,9%
Giá cao nhất 52 tuần (VNĐ/cp)	8.380	CT TNHH Thương mại Hùng Phát	21,4%
Giá thấp nhất 52 tuần (VNĐ/cp)	6.180	CTCP Quản lý quỹ đầu tư MB	4,5%
KLGD b/quân 30 ngày (cp/phiên)	171.775	CTCP Tập đoàn F.I.T	2,8%
EPS trailing (VNĐ/cp)	1.000	Japan SEA Growth Fund L.P	1,4%
P/E trailing	6,80x	Cổ đông khác	43,0%

Hoạt động kinh doanh

Nhựa Đông Á là doanh nghiệp sản xuất chủ yếu tại thị trường miền Bắc với các dòng sản phẩm chính là thanh profile (cửa nhựa), tấm nhựa uPVC, PP phục vụ cho nhu cầu xây dựng và các phẩm tấm Fomex, bạt Hiflex và nhôm composite phục vụ cho lĩnh vực quảng cáo. Ngoài ra DAG cũng đã đầu tư và phát triển sản phẩm cửa nhựa uPVC lõi thép mang thương hiệu Smart Door và Smart Window.



Cơ cấu sản phẩm đa dạng

DAG có cơ cấu sản phẩm rất đa dạng với hơn 100 loại sản phẩm chia làm 8 nhóm chính là tấm ốp trần, nẹp trang trí, cửa uPVC có lõi thép gia cường, cửa nhôm vách kính dựng, thanh profile uPVC, tấm nhôm composite, tấm PP công nghiệp, tấm mica PS và nhóm các sản phẩm thương mại. Các sản phẩm của DAG chủ yếu được dùng trong xây dựng hoàn thiện, trang trí nội ngoại thất và quảng cáo.

Thị phần thanh profile uPVC lớn tại thị trường miền Bắc

Thanh profile uPVC là sản phẩm quan trọng nhất của DAG với khoảng 39% trong cơ cấu doanh thu của DAG. Vị thế của DAG tại thị trường thanh uPVC tương đối cao với khoảng 35% thị phần miền Bắc và 20% thị phần

cả nước. Trong năm 2018, DAG đã mở rộng nhà máy thanh uPVC tại Hà Nam và đẩy mạnh mở rộng thị trường về phía Nam tuy nhiên sản phẩm của thanh uPVC của DAG vẫn chưa thể cạnh tranh tốt với các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc.

Biên lợi nhuận có xu hướng cải thiện nhờ chuyển đổi từ thương mại sang sản xuất

DAG đã hoàn thiện 2 dây chuyền sản xuất tấm Fomex và đưa sản phẩm ra thị trường vào quý 2/2018. Biên lợi nhuận gộp của DAG đã được cải thiện từ 8,5% trong năm 2017 lên 9,2% trong năm 2018. Trong nửa đầu năm 2019, biên lợi nhuận của DAG tiếp tục tăng lên mức 9,7% nguyên nhân do (1) giá nguyên liệu PVC giảm khoảng 4,3% trong quý 2 năm 2019 (2) DAG đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm tấm Fomex tự sản xuất có biên lợi nhuận cao hơn sản phẩm thương mại

Các yếu tố cần theo dõi

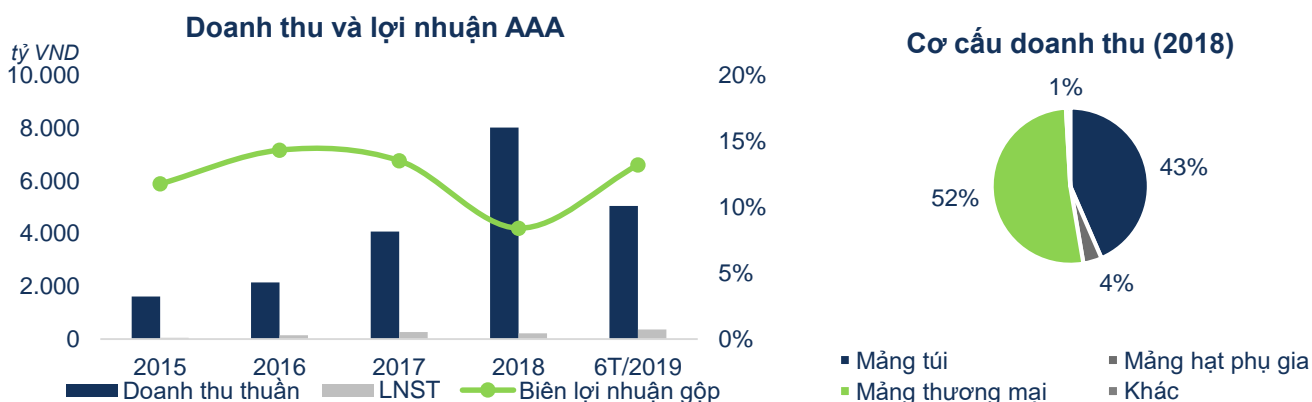
- **Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu:** Chi phí nguyên liệu chủ yếu là PVC chiếm tỷ trọng lớn khoảng 80% trong tổng chi phí sản xuất của DAG nên biến động giá các loại nguyên liệu PVC trên thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của DAG.
- **Rủi ro biến động tỷ giá:** nguyên liệu sản xuất của DAG được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài và doanh thu của DAG chủ yếu là doanh thu trong nước nên biến động tỷ giá cũng sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của DAG.

4. CTCP Nhựa An Phát Xanh (HSX: AAA)

Thông tin giao dịch (31/07/2019)		Cơ cấu cổ đông (31/07/2019)	
Giá hiện tại (VNĐ/cp)	17.900	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings	46,6%
Giá cao nhất 52 tuần (VNĐ/cp)	19.350	Pyn Elite Fund	5,0%
Giá thấp nhất 52 tuần (VNĐ/cp)	13.750	Kallang Limited	4,9%
KLGD b/quân 30 ngày (cp/phiên)	3.826.972	Cổ đông khác	43,5%
EPS trailing (VNĐ/cp)	2.170		
P/E trailing	8,25x		

Hoạt động kinh doanh

An Phát là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nhựa bao bì với sản phẩm chính là các loại bao bì màng mỏng và túi ni lông. Trong năm 2018, AAA đã thực hiện chuyển đổi cấu trúc doanh nghiệp sang mô hình tập đoàn, mở rộng chiều ngang với các sản phẩm mới như linh kiện nhựa, tấm nhựa xây dựng và bao bì dẹt PP.



Màng túi ni lông – Tiềm năng tăng trưởng dài hạn không nhiều

Màng túi ni lông là mảng sản xuất chính của AAA với 6 nhà máy và công suất thiết kế lên đến 96.000 tấn túi/năm. Thị trường xuất khẩu chính của AAA đối với màng túi ni lông là thị trường EU và Nhật Bản, chiếm khoảng 73% trong cơ cấu doanh thu. Ngoài các sản phẩm túi ni lông không tự hủy truyền thống, AAA đã và đang phát triển thêm sản phẩm túi ni lông tự hủy thân thiện với môi trường (chiếm khoảng 10% tổng sản lượng túi tiêu thụ năm 2018) phù hợp với xu hướng tiêu dùng mới. Sản lượng túi tiêu thụ năm 2018 của AAA đạt 86.263 tấn tương đương khoảng 90% CSTK. Bên cạnh đó, xu hướng hạn chế sử dụng các sản phẩm túi không tự hủy tại các thị trường phát triển cũng sẽ ảnh hưởng đến việc mở rộng tiêu thụ các sản phẩm túi truyền thống (90% sản lượng năm 2018) của AAA. Do vậy dự địa tăng trưởng màng túi ni lông của AAA trong dài hạn là không nhiều.

Màng hạt phụ gia – Tiếp tục gia tăng công suất

Màng hạt phụ gia Calbest của AAA do công ty con là HII triển khai. Trong năm 2018, HII đã đầu tư thêm dây chuyền nâng công suất hạt phụ gia thêm 17% lên mức 84.000 tấn/năm. HII có lợi thế về nguyên liệu bột đá CACO3 – nguyên liệu chiếm khoảng 80% thành phần hạt Calbest từ nguồn đá vôi có chất lượng tốt và giá thành rẻ tại tỉnh Yên Bái. Sản lượng hạt phụ gia nửa đầu năm 2019 của HII ước đạt 45.864 tấn, tăng trưởng 94% so với cùng kỳ năm 2018. Tăng trưởng sản lượng tiêu thụ chủ yếu đến từ thị trường châu Á – thị trường chính chiếm khoảng 72% trong cơ cấu doanh thu xuất khẩu của HII.

Màng thương mại hạt nhựa – Động lực tăng trưởng doanh thu chính trong ngắn hạn

Màng thương mại hạt nhựa của AAA do công ty con là An Thành thực hiện. Trong giai đoạn 2017 – 2018, doanh thu từ màng thương mại hạt nhựa của AAA liên tục tăng mạnh 225% trong năm 2017 và 292% trong năm 2018. Đây cũng là động lực tăng trưởng doanh thu chính của AAA trong giai đoạn 2017 – 2018. Việc AAA đẩy mạnh màng thương mại hạt nhựa cũng là nguyên nhân chính khiến cho biên lợi nhuận gộp giảm mạnh từ 13,5% trong năm 2017 xuống còn 8,4% trong năm 2018.

An Phát Complex – Chuyển nhượng lại các dự án chưa hiệu quả tại An Phát Complex, lợi nhuận trong ngắn hạn đến từ bất động sản khu công nghiệp

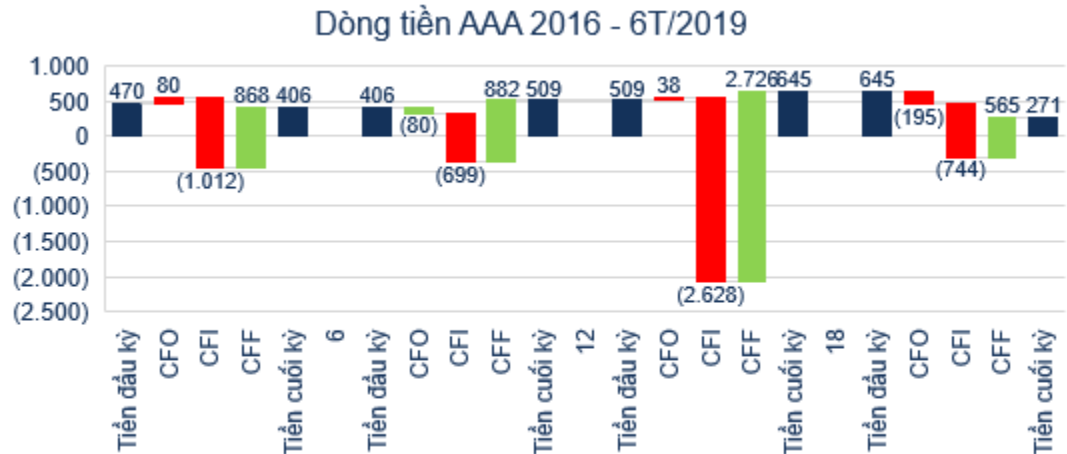
Các dự án nằm trong khu An Phát Complex của AAA là An Cường, An Vinh và An Trung đều đã đi vào hoạt động trong quý 1 năm 2019, tuy nhiên doanh thu và lợi nhuận đóng góp từ các dự án này là chưa nhiều và hiệu quả từ các dự án này là thấp. Vì vậy trong quý 1/2019, AAA đã hoàn tất chuyển nhượng phần vốn của mình tại các dự án này cho công ty mẹ là An Phát Holdings với lợi nhuận ghi nhận khoảng 22 tỷ.

Lợi nhuận trong nửa đầu năm 2019 từ khu An Phát Complex của AAA chủ yếu đến từ hoạt động bán và cho thuê nhà xưởng từ diện tích còn lại trong khu công nghiệp. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế từ hoạt động cho thuê đất và bán nhà xưởng ước đạt lần lượt 686 tỷ và 240 tỷ đóng góp lần lượt 13,6% và 66% trong doanh thu là lợi nhuận sau thuế của AAA trong nửa đầu năm 2019. Biên lợi nhuận gộp của AAA trong nửa đầu năm 2019 cũng được cải thiện đáng kể lên mức 13,2% do biên lợi nhuận gộp từ hoạt động bán và cho thuê nhà xưởng của AAA tương đối cao khoảng 57%.

Các yếu tố cần theo dõi

- **Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu:** Chi phí nguyên liệu chủ yếu là chiếm tỷ trọng lớn khoảng 68% tổng chi phí sản xuất của AAA nên biến động giá các loại nguyên liệu nhựa chủ yếu là PE trên thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của AAA.
- **Rủi ro biến động tỷ giá:** màng túi ni lông của AAA chủ yếu xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài nên không chịu ảnh hưởng nhiều từ biến động tỷ giá. Tuy nhiên, màng thương mại hạt nhựa của AAA – mảng đang có tỷ trọng tăng dần sẽ chịu ảnh hưởng từ các biến động tỷ giá do doanh thu từ thương mại của AAA chủ yếu đến từ các doanh nghiệp trong nước.

- Dòng tiền được tài trợ chủ yếu bằng dòng tiền tài chính:** Dòng tiền đầu tư của AAA chủ yếu được tài trợ bởi dòng tiền tài chính, các dự án đầu tư tại khu An Phát Complex không đạt được hiệu quả cùng với đó là các khoản phải thu tăng mạnh trong nửa đầu năm 2019 khiến dòng tiền CFO của AAA âm trong giai đoạn cuối năm 2018 và nửa đầu năm 2019.



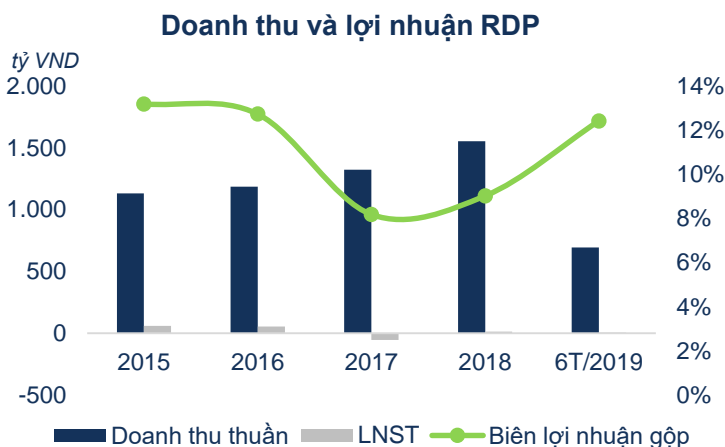
[\(Xem thêm báo cáo về AAA tại đây\)](#)

5. CTCP Rạng Đông Holdings

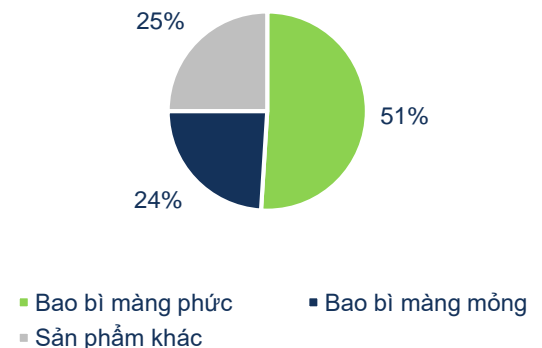
Thông tin giao dịch (31/07/2019)		Cơ cấu cổ đông (31/07/2019)	
Giá hiện tại (VNĐ/cp)	8.890	Hồ Đức Lam	64,1%
Giá cao nhất 52 tuần (VNĐ/cp)	15.200	CTCP Vận chuyển	6,1%
Giá thấp nhất 52 tuần (VNĐ/cp)	8.190	Hồ Phi Hải	4,9%
KLGD b/quân 30 ngày (cp/phiên)	1.231	Nguyễn Hoàng Ngân	3,0%
EPS trailing (VNĐ/cp)	540	Cổ đông khác	21,9%
P/E trailing	16,48x		

Hoạt động kinh doanh

RDP là doanh nghiệp hoạt động trong mảng nhựa bao bì với sản phẩm chính là các sản phẩm bao bì màng phức sử dụng trong quá trình đóng gói các sản phẩm thực phẩm và bao bì màng mỏng túi ni lông được sử dụng trong các hệ thống bán lẻ, siêu thị



Cơ cấu doanh thu 2018



Nhà máy Long An là động lực tăng trưởng doanh thu chính

Năm 2017, nhà máy mới Long An của RDP với quy mô khoảng 331 tỷ chính thức đi vào hoạt động giúp RDP tăng trưởng sản lượng cũng như doanh thu. Doanh thu năm 2018 của RDP đạt 1.551 tỷ tăng trưởng 17% sau khi nhà máy Long An hoàn thành lắp đặt dây chuyền và đi vào hoạt động ổn định.

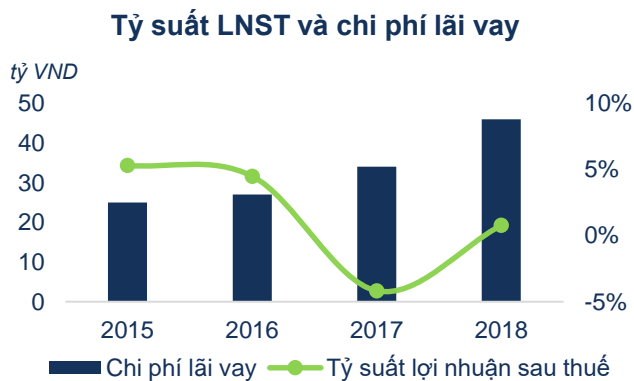
Doanh thu chính đến từ màng bao bì màng phức

Năm 2018, doanh thu từ màng bao bì màng phức đạt khoảng 791 tỷ chiếm 51% trong cơ cấu doanh thu của RDP. Sản phẩm bao bì màng phức của RDP chủ yếu phục vụ cho các khách hàng lâu năm như Vedan, Ajinomoto, Trung Nguyên, ... Doanh thu từ bao bì màng mỏng chiếm khoảng 24% doanh thu của RDP năm 2018 với các sản phẩm túi ni lông và túi shopping với khách hàng là các chuỗi siêu thị lớn như BigC, Lotte, Coop Mart.

Biên lợi nhuận gộp có xu hướng được cải thiện

Trong năm 2017, biên lợi nhuận gộp của RDP giảm mạnh xuống chỉ còn 8,2% nguyên nhân do (1) giá các loại nguyên liệu nhựa như PE, PP có xu hướng tăng trong giai đoạn này (2) thuế nhập khẩu PP tăng từ 1% lên 3% trong năm 2017 cũng làm tăng giá PP nguyên liệu nhập khẩu của RDP. Biên lợi nhuận gộp của RDP đang có xu hướng được cải thiện trong giai đoạn 2018 và nửa đầu năm 2019 chủ yếu do giá PE và PP đang có xu hướng giảm (PE giảm trung bình 17%, PP giảm trung bình 11%)

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế giảm do áp lực từ chi phí lãi vay



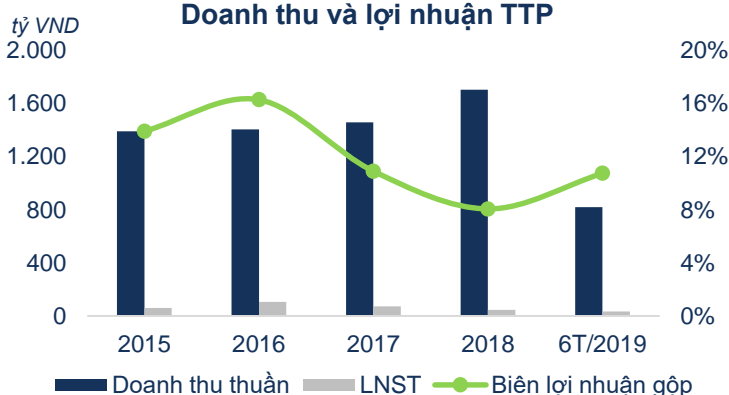
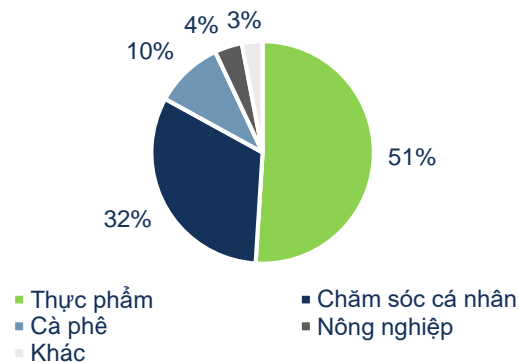
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của RDP đang có xu hướng giảm, đặc biệt trong năm 2017 tỷ suất lợi nhuận sau thuế của RDP ở mức -4%. Nguyên nhân chủ yếu do trong giai đoạn này giá nguyên liệu tăng gây ảnh hưởng tiêu cực đến biên lợi nhuận gộp trong khi chi phí lãi vay liên tục tăng do nhà máy Long An của RDP bắt đầu đi vào hoạt động. Trong giai đoạn nửa đầu năm 2019, tuy biên lợi nhuận gộp của RDP được cải thiện đáng kể tuy nhiên chi phí lãi vay tiếp tục gia tăng khiến tỷ suất lợi nhuận sau thuế của RDP vẫn chưa được cải thiện và chỉ ở mức vụn vụn 0,8%.

Các yếu tố cần theo dõi

- **Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu:** Chi phí nguyên liệu chủ yếu là PE, PP chiếm tỷ trọng lớn khoảng 77% trong tổng chi phí sản xuất của RDP nên biến động giá các loại nguyên liệu PP, PE trên thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng đến biên lợi nhuận gộp của RDP.
- **Rủi ro biến động tỷ giá:** nguyên liệu PE, PP của RDP chủ yếu được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài và doanh thu nội địa chiếm đến 87% cơ cấu doanh thu của RDP nên biến động tỷ giá cũng sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của RDP.
- **Rủi ro vay nợ:** Cơ cấu vốn hiện tại của RDP rất rủi ro với tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu ở mức 2,2 lần. Trong cơ cấu nợ vay của RDP tỷ lệ ngắn hạn chiếm 57% chủ yếu phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của nhà máy Rạng Đông Long An. Khả năng chi trả lãi vay của RDP trong nửa đầu năm 2019 cũng rất yếu với tỷ lệ EBIT/lãi vay chỉ ở mức 1,08 lần.

6. CTCP Bao bì nhựa Tân Tiến

Thông tin giao dịch (31/07/2019)		Cơ cấu cổ đông (31/07/2019)	
Giá hiện tại (VNĐ/cp)	21.490	DONGWON SYSTEMS CORPORATION	97,8%
Giá cao nhất 52 tuần (VNĐ/cp)	28.000	Cổ đông khác	2,2%
Giá thấp nhất 52 tuần (VNĐ/cp)	15.500		
KLGD b/quân 30 ngày (cp/phiên)	275		
EPS trailing (VNĐ/cp)	3.493		
P/E trailing	6,16x		

Hoạt động kinh doanh
Doanh thu và lợi nhuận TTP

Cơ cấu doanh thu 2018

Doanh thu chủ yếu đến từ nhóm sản phẩm bao bì thực phẩm

Sản phẩm của TTP là bao bì màng phức phục vụ cho các nhóm khách hàng khác nhau trong đó nhóm khách hàng là các doanh nghiệp chế biến thực phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất. Doanh thu đến từ nhóm khách hàng này năm 2018 đạt 861 tỷ chiếm đóng góp 51% trong tổng doanh thu của TTP. Doanh thu đến từ nhóm các sản phẩm chăm sóc cá nhân và cà phê ở mức 549 tỷ và 170 tỷ đóng góp lần lượt 32% và 10% trong cơ cấu doanh thu của TTP năm 2018.

Doanh thu tăng trưởng ổn định biên lợi nhuận có xu hướng được cải thiện

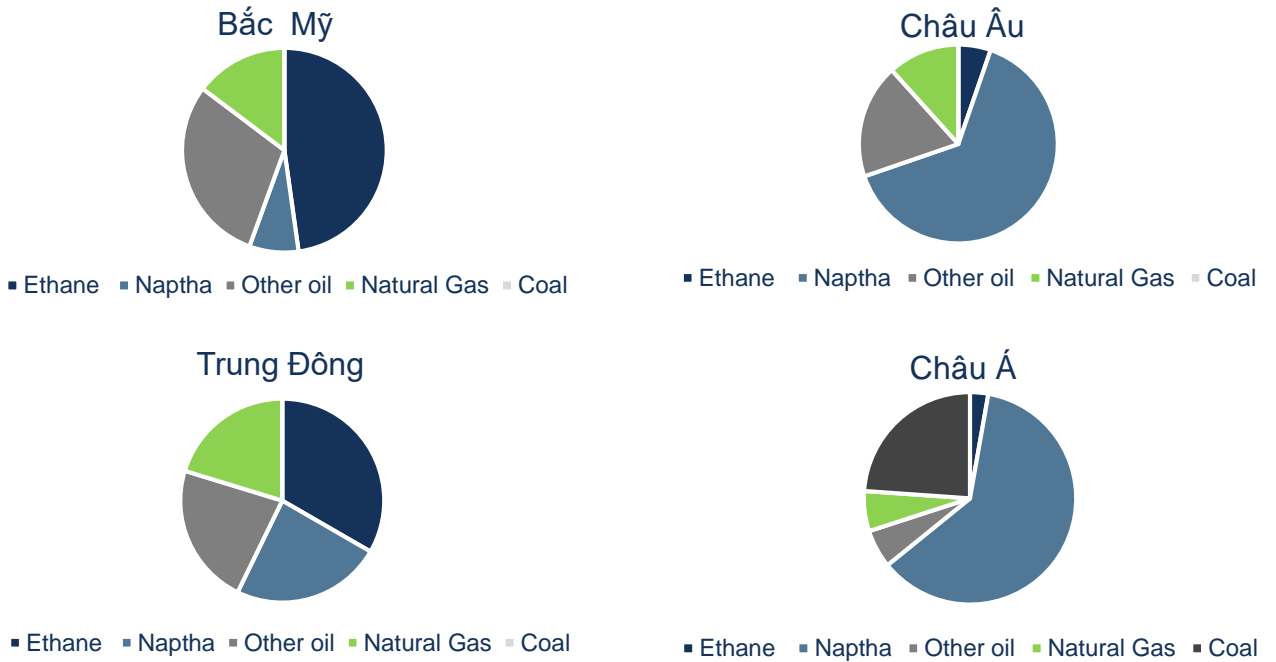
Doanh thu năm 2018 của TTP đạt 1.704 tỷ đồng tăng trưởng 16,8% so với năm 2017. Doanh thu nửa đầu năm 2019 ước đạt 819 tỷ tăng trưởng 3% so với cùng kỳ. Động lực tăng trưởng doanh thu của TTP chủ yếu phụ thuộc vào tăng trưởng tiêu dùng cho mảng thực phẩm và hóa mỹ phẩm do các khách hàng truyền thống của TTP đều là các doanh nghiệp đầu ngành trong hai mảng này như Vina Acecook, Kinh Đô, Trung Nguyên, Unilever Việt Nam, ... Biên lợi nhuận nửa đầu năm 2019 của TTP có xu hướng được cải thiện do giá PE và PP trên thị trường thế giới có xu hướng giảm khoảng 17% đối với PE và 11% đối với PP.

Các yếu tố cần theo dõi

- **Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu:** Chi phí nguyên liệu, chủ yếu là PE, PP chiếm khoảng 80% trong tổng chi phí sản xuất của TTP nên biến động giá các loại nguyên liệu PP, PE trên thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng đến biên lợi nhuận gộp của TTP.
- **Rủi ro biến động tỷ giá:** nguyên liệu PE, PP của TTP chủ yếu được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài và doanh thu nội địa chiếm chủ yếu trong cơ cấu doanh thu của TTP nên biến động tỷ giá cũng sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của TTP.

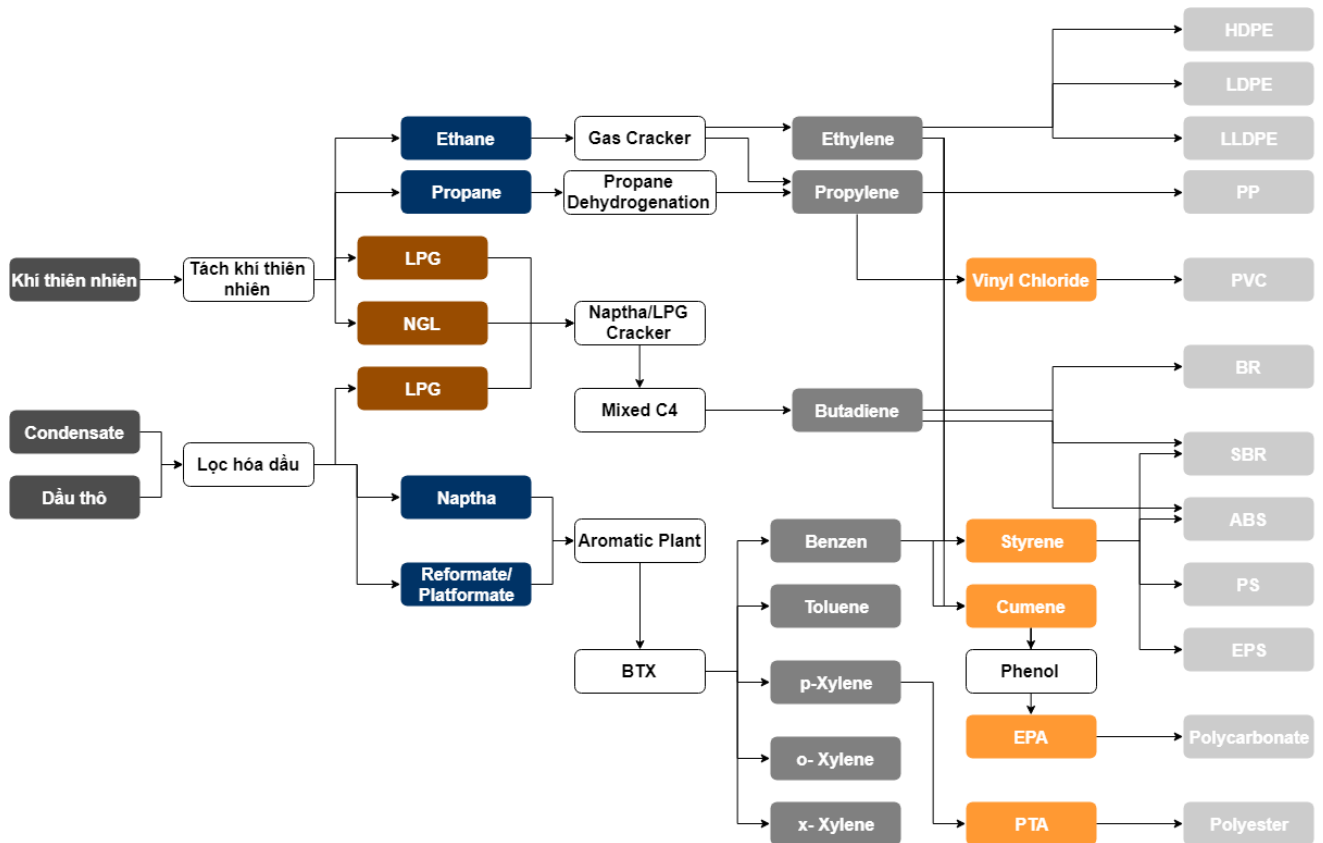
E. PHỤ LỤC

Đặc thù cơ cấu nguyên liệu hóa thạch sử dụng của các khu vực sản xuất nguyên liệu nhựa trên thế giới



Nguồn: EIA, FPTs tổng hợp

Sơ đồ chuyển hóa phân khúc thượng nguồn ngành nhựa



Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Tại thời điểm thực hiện báo cáo phân tích, FPTTS nắm giữ 69 cổ phiếu NTP, 27 cổ phiếu BMP, 33 cổ phiếu DAG, 8 cổ phiếu AAA, 99 cổ phiếu RDP, 0 cổ phiếu TTP và chuyên viên phân tích không nắm giữ cổ phiếu nào của các doanh nghiệp trên.

Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến các cổ phiếu này có thể được xem tại <https://ezsearch.fpts.com.vn> hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Bản quyền © 2010 Công ty chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Trụ sở chính
52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi,
Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam.
ĐT: (84.24) 3 773 7070 / 271 7171
Fax: (84.24) 3 773 9058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
Tầng 3, tòa nhà Bến Thành Times
Square, 136-138 Lê Thị Hồng Gấm,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 6 290 8686
Fax: (84.28) 6 291 0607

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp. Đà Nẵng
100, Quang Trung, Phường Thạch
Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà
Nẵng, Việt Nam.
ĐT: (84.236) 3553 666
Fax: (84.236) 3553 888